

BÁCH KHOA

6

I THÁNG TƯ 1957

Trong số này

HUỖNH-VĂN-LANG *Chánh-sách thuế-vụ (tiếp theo)*

Cha RIGUET S.J.

HOÀNG-MINH-TUYNH dịch .. *Đức ái-nhân trong Thiên-chúa-giáo*

PHẠM-NGỌC-THẢO *Thiên « KẾ » của binh-thơ Tôn-Tử*

TÀNG-VĂN-CHỈ *Quân - binh giá - vật*

NGUYỄN-HIẾN-LÊ *Tiếng Việt ngày nay*

NGUYỄN-HUY-THANH. *Giòng suối trong bãi sa-mạc*

NGUYỄN-VĂN-BA *Con người trong vũ-trụ*

HÀO-NGUYỄN NGUYỄN-HÓA. *Thử tóm-tắt học-thuyết luân-lý Épicure*

PHAN-VĂN-TRÍ. *Vấn-đề giáo-dục hợp-l tác-xã*

DƯƠNG-QUỲNH-HOA .. *Đẻ không đau (cách chuẩn-bị sản-phụ)*

T. T. K. *Tráng-sĩ hành (thơ)*

QUÁCH-TẤN *Đôi câu chuyện về Hàn - mạt - Tử*

VI-HUYỀN-ĐẮC. *Chiếc xe « lết » của cha tôi*

TỪ-VU

(bản dịch của Vi-Huyền-Đắc) *Nhất gia (truyện dài)*

BÌNH-NGUYỄN-LỘC *Mài dao dạy vợ (kịch thơ)*

TẠP-CHÍ BÁCH-KHOA

Trong những số tới :

- HUỲNH - VĂN - LANG : *Chính-sách tiền-tệ*
HOÀNG-MINH-TUYNH : *Luận về chế-độ dân-chủ*
PHẠM - NGỌC - THẢO : *Vấn-đề học-tập văn-hóa trong quân-đội.*
Thu-Tâm VÕ-THU-TỊNH : *Tìm hiểu quốc-cơ « Pentja Sila » của Cộng-Hòa Nam-Dương.*
MINH - PHONG : *Sơ-lược về phong-trào giải-phóng phụ-nữ thế-giới.*
TRỰC - ĐỊNH : *Ginda, kẻ bán Chúa*
THUẦN - PHONG : *Duyên hội-ngộ trong câu hò miền Nam.*
QUÁCH - TÂN : *Thơ*
VÕ - PHIẾN : *Người tù*



THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : 90\$00 — 1 năm 24 số : 180\$

Giá tiền trên đã tính cả cước phí.

TOÀ SOẠN : 412-414, đại-lộ Trần-Hung-Đạo
— SAIGON —

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE

*Même si vous n'allez pas
à la*

FOIRE DE TOKIO

*Il est temps
de réserver
vos Places
à*

AIR FRANCE

*Pour n'importe
quel point du monde!*

AIR FRANCE

LE PLUS GRAND RESEAU DU MONDE

12, DAİ LỘ THÔNG NHỰT, 12

Tél: { 20.981
à
20.984



**ET TOUTES AGENCES DE
VOYAGES AGRÉES**

*Toujours
à la pointe
du progrès*

AIP 56

CHÁNH-SÁCH THUẾ-VỤ

(QUAN-NIỆM CŨ, QUAN-NIỆM MỚI)

HUỲNH-VĂN-LANG

(TIẾP THEO)

CHÁNH-SÁCH THUẾ-VỤ TÂN-TIẾN

NHỮNG học-giả theo chánh-sách chính-thống — nói trước — lấy phân-xuất tiền lời (*taux d'intérêt*) làm một lợi-khí quan-trọng để kèm-hãm những thăng-giáng kinh-tế. Những tiến-hóa vừa lý-thuyết vừa thực-nghiệm lại chứng-minh ngược lại : phân-xuất tiền lời không kèm-hãm được những sự biến-chuyển tuần-phát kinh-tế. Nhưng ta đừng nghĩ rằng chánh-sách tiền-tệ không còn giữ một vai tuồng nào trong chánh-sách kinh-tế của một nước. Ta không nên loại hẳn chánh-sách tiền-tệ ra ; ta chỉ cần biết rằng nó mất cả nội-dung và tính-cách quan-trọng của nó đi rồi.

Về mặt lý-thuyết, điều cải-cách chính của học-giả Keynes là chứng-minh rằng : trong một hệ-thống kinh-tế ta có thể có nhiều — chứ không phải có một như thuyết-cò-diền dạy — có nhiều mức thăng-bằng theo nhiều mức lợi-tức quốc-gia và mức thâu-dụng nhân-công được. Chính cái khối-lượng đầu-tư là yếu-tố quan-trọng nhất, định đoạt cái mức lợi-tức quốc-gia và mức thâu-dụng nhân-công. Nhưng trong khu-vực tư, không một lực-lượng kinh-tế nào có đủ khả-năng để đầu-tư và thâu-dụng tất cả nhân-công.

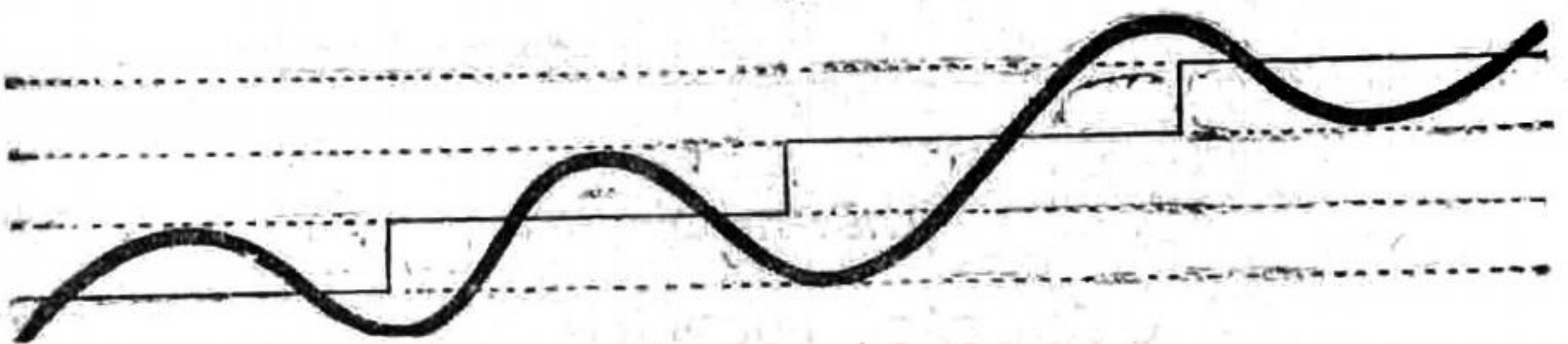
Cái khối-lượng đầu-tư thông-thường, cái khuynh-hướng tiêu-thụ (*propension à consommer*), cái khuynh-hướng tiết-kiệm (*propension à épargner*) là những yếu-tố quyết-định mức lợi-tức quốc-gia và mức thâu-dụng nhân-công. Nhưng những yếu-tố ấy lại không trực - tiếp liên - quan với nhau ; trái lại, mỗi yếu - tố ấy lại do nhiều ảnh-hưởng khác nhau quyết-định. Thành thử một mức đầu-tư thấp vẫn hoàn-toàn thích-hợp với một mức khuynh-hướng tiêu-thụ thấp và một mức khuynh-hướng tiết-kiệm cao. Cho nên không phải có thể có mỗi một mức thăng-bằng tự-nhiên

mà là có thể có nhiều mức thăng-bằng cao thấp khác nhau. Thử hình-dung sự thăng-bằng do hai lý-thuyết cổ-điển và tân-liển :

Thăng-bằng « cổ-điển »



Thăng-bằng « tân-liển »



Nếu có thể có nhiều mức thăng-bằng cao thấp, thì ta có thể kết-luận rằng : một nền kinh-tế hoàn-toàn tự-do không thể nhứt-thiết duy-trì được một mức thâu-dụng nhân-công cao. Trong một hệ-thống kinh-tế tự-do, ta cũng có thể có mọi mức thâu-dụng nhân-công đầy-đủ, như đó không có nghĩa là sự thâu-dụng nhân-công đầy-đủ là hiệu-quả đương-nhiên của một chế-độ kinh-tế tự-do.

Nếu hiện giờ-giả-thuyết-mức thâu-dụng nhân-công đầy-đủ mà Chánh-phủ muốn duy-trì tình-trạng này thì không thể nào giao-phó việc ấy cho khu-vực tư được. Chánh-phủ, trái lại, phải can-thiệp và ảnh-hưởng làm sao để các yếu-tố quyết-định cái tình-trạng ấy (nhứt là 3 yếu-tố chánh nói trên) không biến-chuyển nữa và duy-trì các yếu-tố ấy trong tình-trạng thuận-liện cho sự thâu-dụng nhân-công đầy-đủ được tiếp-tục thực-hiện như hiện giờ. Hay nói cách khác, nếu hiện giờ-giả-thuyết-mức thâu-dụng nhân-công thấp, thất-nghiệp nhiều mà Chánh-phủ để cho khu-vực tư tự-do, Chánh-phủ không can-thiệp vào kinh-tế... nghĩa là Chánh-phủ để cho những yếu-tố quyết-định sự thâu-dụng nhân-công tiếp-tục ảnh-hưởng không hay, thì làm sao — thử hỏi — tự-nhiên mức thâu-dụng nhân-công lên cao, tránh thất-nghiệp được ?

Tóm lại, phải có một tổ-chức nào không xử-sự như một doanh-nghiệp tư mà lại có ảnh-hưởng quyết-định trên khu-vực tư của kinh-tế quốc-gia. Chỉ có một tổ-chức quan-trọng đủ để ảnh-hưởng trên khu-vực tư một cách quyết-định và không bị mục-tiêu lợi-lộc chi-phối, là Chánh-phủ.

Dù muốn dù không, ta không thể chối cãi sự cần-kíp « can-thiệp » nói trên được.

Một khi ta nhứt-định muốn có một mức thâu-dụng nhân-công đầy-đủ, thì ta không còn quyền lựa-chọn sự can-thiệp hay không can-thiệp nữa. Ta chỉ còn quyền lựa-chọn sự can-thiệp nhiều hay ít, thề-thức can-thiệp này hay thề-thức khác mà thôi.



Nhận thấy rằng nhiều đoàn-thề quốc-gia, nhứt là từ cuộc đại-khủng-hoảng 1930, đã nhứt-định đoạt đến hay duy-trì tình-hình thâu-dụng nhân-công đầy-đủ, một việc mà khu-vực tư không sao làm được. Thành ra từ đó, Chánh-phủ phải đảm-nhận nhiều nhiệm-vụ mới, nhiều trọng-trách mới, cùng thay đổi hẳn phương-hướng xử-sự và chánh-sách của mình.

Đứng trong hệ-thống mới, ta đòi hỏi Chánh-phủ phải đảm-nhận nhứt là hai trọng-trách này :

- 1) duy-trì một mức lợi-lức quốc-gia và mức thâu-dụng nhân-công cao ;
- 2) tổ-chức sự phân-phối lợi-lức quốc-gia cho công-bằng và xứng-hợp hơn.

Đó là những mục-tiêu khác hẳn những mục-tiêu do các học-giả cồ-điền theo chánh-sách thuế-vụ chính-thống đề-xướng.

Hơn nữa, trừ ra ba yếu-tố kể trên, sự biến-chuyển của nhu-cầu thật-sự (demande effective) trên thị-trường quyết-định sự thăng-giáng kinh-tế. Cho nên chánh-sách thuế-vụ là lợi-khí chánh để Chánh-phủ can-thiệp vào kinh-tế. Trong hệ-thống cũ, Chánh-phủ can-thiệp thì chỉ can-thiệp bằng sự kiểm-soát tiền-tệ thôi.



Trong cái viễn-cảnh mới, cái giả-thuyết trung-lập phải bỏ đi : Chánh-phủ phải nhứt-định can-thiệp liên-viên và trực-tiếp vào kinh-tế. Thực ra, nếu am-hiêu được ảnh-hưởng của chánh-sách thuế-vụ dù mới, dù cũ, thì người ta sẽ thấy sự trung-lập của Chánh-phủ là một việc không thể có được.

Người ta cho rằng tình-trạng lạm-phát hay thất-nghiệp là khởi-điểm đưa đến mức hăng-băng may-mắn, thì không có gì ngăn-trở để ta kết-luận : tình-trạng ấy cũng đương-nhiên phù-hợp với hệ-thống kinh-tế tự-do. Hay nói cách khác : hệ-thống kinh-tế tự-do vẫn có thể hàm-súc sự lạm-phát hay thất-nghiệp mà không có gì mâu-thuẫn cả.

Nhưng nhận thấy một hệ-thống kinh-tế lên lên, xuống xuống mà bảo rằng hệ-thống kinh-tế ấy xấu-tệ thì cũng chưa hẳn là đúng. Song nếu ta nhứt-định hủy-bỏ những hậu-quả tai-hại do những thăng-giáng kinh-tế ấy gây ra thì ta bắt buộc phải nhứt-định hủy-bỏ những cái thăng-giáng ấy. Điều ta muốn là tình-hình kinh-tế vững-chắc, không lạm phát, không thất-nghiệp và tình-trạng kinh-tế vững-chắc ấy lại hoàn-toàn phù-hợp với sự chênh-lệch giữa khu-vực tư và khu-vực công (xem lại bài trước), miễn là sự chênh-lệch ấy để bù chi hai khu-vực lẫn nhau. Nói cách khác, ví dụ : nếu tình-trạng kinh-tế vững-chắc 6, là lúc khu-vực tư quan-trọng 3 và khu-vực công quan-trọng 3. Nếu muốn giữ tình-trạng 6, thì khi khu-vực tư xuống 2, khu-vực công phải lên 4... hay ngược lại. (Theo chánh-sách cũ, thì khi khu-vực tư xuống 2, thì khu-vực công phải xuống 2 để khỏi sanh chênh-lệch).



Theo quan-niệm chánh-sách thuế-vụ mới, thì những nguyên-tắc chánh sách thuế-vụ cũ — ngân-sách quân-bình, chi-tiêu tối-thiểu, chánh-sách trung-lập... — không còn ý-nghĩa như trước nữa. Đặc-tính của chánh-sách mới là không bị một định-luật bất-di bất-dịch nào chi-phối. Những đòi hỏi của nó hay thay đổi theo thời-thế, theo trường-hợp. Nội-dung của nó trong thời-gian nào thì chỉ có giá-trị và phải cân-nhắc theo những hiểu biết minh-bạch và đầy-đủ chi-tiết về tình-trạng kinh-tế trong thời-gian đó thôi.

Vì lẽ đó — không có một định-luật bất-di bất-dịch — cho nên muốn định nội-dung của chánh-sách thuế-vụ mới thì trước tiên cần phải có một quan-niệm rõ-ràng và thực-tế về tình-hình kinh-tế vừa qua và hiện-tại cùng những dự-đoán chắc-chắn nhất về tương-lai gần đây.

Bởi đó, người ta tạo ra một lợi-khí, là **Ngân-sách quốc-gia** để làm tiêu-chuẩn mà định-đoạt lấy nội-dung của một chánh-sách thuế-vụ. Đó là một phương-pháp để tiên-kiến những lợi-tức và chi-tiêu của từng đoàn-thể tư-nhân trong một thời-hạn sắp đến, thường là một năm. Ta có thể xem ngân-sách quốc-gia về hai phương-diện : hoặc ta xem đó như một lợi-khí để dự-đoán cái trọng-lượng thâu-đụng nhân-công và cả lợi-tức quốc-gia ; hoặc ta xem đó như một chương-trình, nghĩa là quyết-định mục-tiêu mà chánh-phủ trực-tiếp theo đuổi trong một thời-hạn nhất-định.

Ngân-sách quốc-gia là một dự-án về lợi-tức và chi-tiêu của quốc-gia trong thời-gian sắp đến (còn kế-toán quốc-gia chỉ để đo-lường lợi-tức và chi-tiêu quốc-gia trong thời-gian đã qua). Tùy theo những dự-đoán ngân-sách quốc-gia mà Chánh-phủ quyết-định mục-tiêu của chánh-sách thuế-vụ của mình và dùng lợi-khí thuế-vụ để đảm-nhận cái trọng-trách đền bù kinh-tế của mình. Nếu ngân-sách quốc-gia được thảo ra theo một hậu-cảnh kinh-tế như nói trên thì nó sẽ thành một chương-trình hoạt-động của Chánh-phủ hay là một kế-hoạch từng phần.

Theo chánh-sách thuế-vụ cũ thì ngân-sách quốc-gia chỉ là một việc dự-đoán về thâu-xuất của Chánh-phủ thôi, không quan-tâm đến những hoàn-cảnh, những hiệu-quả của những thâu-xuất ấy và cũng chẳng nghĩ đến nhiệm-vụ đền bù mà những thâu-xuất ấy có thể làm được để giữ vững tình-hình kinh-tế.



Gọi ngân-sách quốc-gia là một kế-hoạch từng phần (*plan partiel*), vì kế-hoạch tổng-quát không còn là dự-đoán nữa, song là một quyết-định cái gì phải xảy đến trong kinh-tế nước nhà. Kế-hoạch có nghĩa là loại-trừ tự-do ra.

Cho nên ngân-sách có thể quan-niệm là một sự dung-hòa giữa quyền-lợi tư-nhân và công-ích, là sự thỏa-thuận điều-định giữa tổ-chức và tự-do. Thực ra, một giải-pháp như thế phải được ta chú-trọng nhất, vì nó đi sát thực-tế hơn, nghĩa là biết quan-tâm đến sự liên-dới mật-thiết giữa khu-vực tư và khu-vực công. Chánh-sách thuế-vụ xưa cũm như không có sự liên-dới ấy, vì các học-giả cò-diễn chối nó đi ; còn kế-hoạch tổng-quát không chối nó nhưng lại đào-thải nó mất. Trong một hệ-thống kinh-tế tư-bản,

tự-do hay chưa hoàn-toàn kế-hoach-hóa, thì một giải-pháp trung-dung rất cần-thiết để cho những quyết-định hàng ngày của Chánh-phủ có một nền-tảng vững-chắc và thiết-thực hơn.

(Ta cũng nên thêm rằng : hệ-thống mới cũng không bắt-buộc Chánh-phủ phải can-thiệp càng ngày càng nhiều hơn, cách này hay cách khác.)

Ta quan-niệm và thành-lập ngân-sách quốc-gia theo hai phần : phần dự-đoán và phần định-hướng hành-động của Chánh-phủ. Hành-động của Chánh-phủ sẽ dùng chánh-sách thuế-vụ làm lợi-khí để đền-bù hay sửa-chữa những biến-chuyển tuần-phát của khu-vực tư. Cho nên chánh-sách thuế-vụ hóa ra khó-khăn và phức-tạp, vùng hoạt-động của nó hóa rộng lớn và ảnh-hưởng của nó thấu nhập sâu-xa vào các lãnh-vực, các địa-điểm kinh-tế trong nước. Thành thử liên-nhiên ta không thể định-nghĩa nó được.



Một khi đã quyết-định can-thiệp và ảnh-hưởng (ngược với chánh-sách trung-lập) từ lúc đầu và quy-hướng chánh-sách ấy thế nào để duy-trì cho kỳ được một nền kinh-tế vững-chắc với một mức thâu-dụng nhân-công và một mức lợi-lức quốc-gia cao, thì cái mục chi-tiêu của Chánh-phủ không còn thiết gì phải tối-thiểu nữa. Trái lại, cái đó là tùy ở trường-hợp. Trong lúc kinh-tế thịnh-vượng, hoạt-động dồi-dào, tất cả nhân-lực, tài-nguyên được khai-thác triệt-đề thì tất-nhiên chi-tiêu của Chánh-phủ phải thâu bớt lại tối-thiểu. Còn khi khủng-hoảng, thì tùy theo nhu-cầu từng lúc mà gia-tăng.

Theo quan-niệm chánh-sách thuế-vụ cũ thì lợi-lức của Chánh-phủ phải gia-tăng khi kinh-tế thịnh-vượng và phải hạn-chế khi khủng-hoảng. (Chi tiêu cũng thế). Thực ra, nếu Chánh-phủ có một chánh-sách như thế thì chỉ tỏ gia-tăng những sự thăng-giáng tuần-phát kinh-tế : gia-tăng lạm-phát hay gia-tăng khuôn-bách.



Theo chánh-sách thuế-vụ mới, chẳng những ta phải xác-định kỹ-lường cái số chi-tiêu của Chánh-phủ mà thôi, ta còn phải đặc-biệt chú-trọng đến các thành-phần cơ-cấu của những chi-tiêu ấy nữa. Xét về mặt này thì trong bao nhiêu loại chi-tiêu, ta phải chọn lựa lấy : Chánh-phủ lấy tiền hoặc để mua phẩm-vật để tiêu-thụ hay mua dịch-vụ, hoặc để giúp vốn gia-tăng sản-xuất, hoặc để nâng-đỡ xuất-cảng, hay để củng-cố lập-trường chánh-trị hoặc an-ninh... Phải chăng chánh-phủ Mỹ mắc nợ chồng-chất mà vẫn viện-trợ tứ-tung chỉ vì muốn duy-trì mức thâu-dụng nhân-công và lợi-lức trong nước cao hay địa-vị chánh-trị quốc-tế ? Cho nên ta đừng ngộ-nhận rằng : không nên làm một việc bị bắt-buộc phải làm, vì nếu ta làm ta sẽ mất tự-do đi.

Chánh-phủ gia-tăng chi-tiêu trong lúc kinh-tế xuống và giảm-bớt chi-tiêu khi kinh-tế lên ; thêm hay bớt là tùy ở trường-hợp. Nhưng còn phải biết thêm hay bớt trong những lãnh-vực nào để cho có hiệu-quả nhiều và mau lẹ.



CHÁNH-SÁCH THUẾ-VỤ

Chánh-phủ muốn có lợi-tức đề chi-tiêu thì thuế-vụ không còn là một phương-tiện duy-nhất như xưa nữa.

Mục-dịch của Chánh-phủ là duy-trì một mức lợi-tức quốc-gia cao và phân-phối cho điều-hòa và hợp-lý. Cho nên thuế-má phải cao khi có lạm-phát và phải tối-thiểu khi khuân-bách. Nhưng quyết-định một mức thuế-vụ mà thôi chưa đủ, còn cần phải đặc-biệt chú-trọng đến cơ-cấu thuế-vụ nữa, mới mong gây được một mức an-lạc cao nhất. Không phải thứ thuế nào cũng có ảnh-hưởng như nhau trên hai yếu-tố : tiêu-thụ và đầu-tư.

Học-giả cổ-điển nghĩ rằng thuế-vụ chỉ có mỗi một nhiệm-vụ là lấy tiền đề Chánh-phủ chi-tiêu, cho nên trong năm nếu Chánh-phủ có dư lợi-tức là mức thuế-vụ quá cao một cách bất-hợp-lý.

Theo chánh-sách thuế-vụ mới thì trái lại : ngân-sách quốc-gia không quân-bình là một việc thường-nhiên. Đánh thuế chỉ là một phương-tiện để lấy tiền. Nhưng còn bao nhiêu phương-tiện khác, nếu trường-hợp bắt buộc, thì cũng phải dùng đến. Tiết-kiệm cưỡng-bách là một giải-pháp trung-dung giữa thuế-vụ và vay nợ, đáng áp-dụng trong lúc lạm-phát vì tư-nhân ưng-thuận dễ-dàng hơn là gia-tăng thuế-vụ. Hơn nữa, vay mượn cũng là một phương-pháp để Chánh-phủ lấy tiền. Chánh-phủ có thể vay mượn của tư-nhân hay của hệ-thống ngân-hàng. (Nếu Chánh-phủ vay mượn của tư-nhân thì khối-lượng tiền-tệ lưu-hành không có gì thay-đổi ; nếu vay mượn của hệ-thống ngân-hàng thì tiền-tệ lưu-hành sẽ gia-tăng : các ngân-hàng dùng quốc-trái làm tiền lưu-trữ để bành-trướng tín-dụng ; nếu vay mượn của ngân-hàng quốc-gia thì tức-nhiên là đào-tạo thêm tiền-tệ mới).



Xem như trên thì chánh-sách thuế-vụ mới lại hết sức phức-tạp và rất khó bề áp-dụng và điều-khiển. Nếu ta không định-nghĩa một cách tổng-quát cái nội-dung của nó thì ta có thể giải-thích nó một cách chung chung được. Chánh-sách thuế-vụ phải thế nào để khi có nguy thất-nghiệp, nó khuyến-khích sự chi-tiêu toàn-thể của khu-vực tư với một số bạc cần-kíp đủ sức duy-trì được một mức thâu-dụng nhân-công đầy-đủ. Và trái lại, khi có nguy lạm-phát, nó phải giảm-bớt chi-tiêu toàn-thể của khu-vực tư để tiêu-trừ sự bùng-bọt kinh-tế. Nói cách khác : tiền đầu-tư của tư-nhân cộng với chi-tiêu của Chánh-phủ phải bằng số tiền mà toàn-thể tư-nhân tiết-kiệm khi quốc-gia đến một mức lợi-tức cao và thuận-tiện cho sự thâu-dụng nhân-công đầy-đủ được thực-hiện. Ví-dụ : nếu lợi-tức quốc-gia (RN) là 10, một tình-trạng nhân-công được thâu-dụng hết, mà tiêu-thụ (C) là 7 và tiết-kiệm (E) là 3.

$$RN_{10} = C_7 + E_3$$

Nếu muốn duy-trì tình-trạng 10 ấy thì chi-tiêu của Chánh-phủ (D_g) cộng với đầu-tư của tư-nhân (I_p) phải là 3, khi tiêu-thụ vẫn là 7.

$$E_3 = I_p + D_g$$

Nếu chánh-sách thuế-vụ am-hiêu như trên áp-dụng được thì chắc-chắn ta sẽ giải-quyết được nhiều vấn-đề kinh-tế. Nhưng chánh-sách thuế-vụ mới lại hàm-xúc nhiều cái khó-khăn cả mặt lý-thuyết lẫn thực-hành.

Chánh-sách thuế-vụ mới đòi hỏi một hệ-thống dự-đoán hết sức kỹ-lưỡng. Ở một hai nước tân-tiến như Anh, Mỹ, người ta có những cơ-quan tối-tân và đồ-sộ để khảo-sát kinh-tế một cách hết sức tinh-vi. Người ta thường áp-dụng hai phương-pháp này : phương-pháp định-tính (méthode qualitative) và phương-pháp định-lượng (méthode quantitative). Phương-pháp định-lượng thuộc về khoa Kinh-tế toán-học (Économétrie).

Theo phương-pháp định-tính, Gia-nã-đại làm như sau đây để dự-đoán kinh-tế của họ. Trước hết, người ta dự-đoán xuất-cảng. Hai bạn hàng chánh của Gia-nã-đại là Mỹ và Anh. Nước Anh bao giờ cũng đặt mua hàng trước lâu, nên dễ tính xuất-cảng qua Anh. Đối với Mỹ thì dựa theo năm trước mà dự-đoán. Kế đó, người ta dự-đoán về số lượng đầu-tư trong nước : người ta trực-tiếp điều-tra 15.000 doanh-nghiệp (tượng-trưng 70% kỹ-nghệ thương-mại nông-nghiệp trong nước) để biết số lượng đầu-tư năm tới của họ và tìm cách để biết quyết-định đầu-tư của Chánh-phủ, của các thành-phố...

Như thế, người ta cũng dự-đoán được một phần lớn sự chi-tiêu trong nước và tùy đó dự-đoán lợi-tức quốc-gia.

Hợp-tác với phương-pháp định-tính, người ta áp-dụng phương-pháp định-lượng theo hệ-thống phương-trình của Lawrence Chaine (11 phương-trình cần giải-quyết một trật : 4 phương-trình về hành-động, một phương-trình về pháp-luật, tức là về thuế-vụ và những phương-trình về kế-toán quốc-gia).

KẾT - LUẬN

Bài này tự ý không đi vào chi-tiết, nhưng cần-thiết cũng nói sơ-lược về một hai quan-niệm chuyên-môn có khi khó hiểu cho người đọc. Ý chánh của nó làm sao cho độc-giả quan-niệm được một cách tổng-quát chánh-sách thuế-vụ ngày nay. Bạn đọc cũng như tác-giả bài này không ưa gì khai-báo lợi-tức và nhất là phải bỏ tiền ra đóng thuế cho Chánh-phủ. Song ngày nào ta am-hiêu được chánh-sách thuế-vụ của Chánh-phủ thì chừng ấy ta sẽ không coi thuế-vụ như một gánh nặng, mà sẽ coi đồng tiền thuế ta đóng như một sự cộng-tác trực-tiếp vào chánh-sách kinh-tế của nước nhà. Vì nếu lạm-phát hay thất-nghiệp thì chung-qui cũng ta — người dân — chịu hậu-quả tai-hại của nó chứ không ai khác. Và nếu kinh - tế được phồn - thịnh, thì chính ta — người dân — sẽ được thừa hưởng.

HUỖNH - VĂN - LANG

Danh - ngôn, danh - lý trong số này quy về ý-chính
« Cuộc đời và hành - động ».

DỨC ÁI-NHÂN TRONG THIÊN-CHÚA-GIÁO

CHA RIQUET S. J.

HOÀNG-MINH-TUYNH dịch

HƠN hết tất cả mọi cách biện-luận khôn-ngoan, sự tận-tâm, sự nhẫn-nại, sự chân-thành của lòng yêu người là phương-thể hiệu-nghiệm nhất có thể chứng-thực cho người ta nhận biết Thiên-chúa, như chính Đức Chúa Giê-su đã từng phán dạy rằng :

• Có dấu này khiến người ta sẽ nhận ra các con là đầy-tớ ta : đó là khi các con tỏ lòng yêu-dấu nhau vậy •.

Đối với mọi người — dù người công-giáo hay người vô-thần, — vấn-đề chính trong sự hiện-tồn, không phải là vấn-đề quan-niệm, mà là vấn-đề tinh-thần và đạo-đức. Cái gì làm nên giá-trị của một đời người ? Cái làm nên giá-trị của một đời người chính là thái-độ của người ấy đối với kẻ khác, nói một cách rõ hơn thì giá-trị cuộc đời của một người, là tùy ở thái-độ của người ấy đối với anh em. Hoặc là người ta lấy cá-nhân mình làm trung-tâm-điểm và làm cứu-cánh tối-hậu cùng qui tất cả mọi sự vào mình. Hoặc là người ta quên mình mà mở rộng lòng ra, để nó nâng mình lên cao hơn, rộng hơn, khoáng-đạt hơn mãi mãi.

Một khi người ta đã biết chọn-lựa như vậy và đã biết cố-gắng rộng yêu mọi người như thế, người ta, mặc dầu chưa nhận ra Thiên-Chúa, chính thật ra đã tìm

thấy Thiên-chúa rồi, vì Thiên-Chúa chính là tình-yêu. Người ta chỉ còn cần phải trung-thành với lòng rộng yêu ấy cho tới lúc nhắm mắt mà thôi.

Chẳng phải Phúc-Âm đã dạy chúng ta rằng : nếu chúng ta thương yêu lẫn nhau thì Thiên-Chúa sẽ ngự giữa chúng ta và tình-yêu của Thiên-chúa sẽ hoàn-thành ở nơi chúng ta đó sao !

Và thánh Augustino cũng dạy rằng : « Thiên-Chúa là tình-yêu, kẻ nào yêu-mến tình-yêu tức là yêu-mến Thiên-chúa. — Vậy anh em hãy yêu mến nhau, và đừng lo sợ gì hết ».

Xem thế đủ rõ, điều thiết-yếu, căn-bản cho người công-giáo, cho mọi người có thiện-chí, điều có thể cứu-rỗi người ta, và đưa người ta đến cùng Thiên-Chúa, đó là lòng rộng yêu mọi người : kẻ nào không yêu-mến anh em thì cũng không thật yêu-mến Thiên-Chúa, còn kẻ nào thật lòng yêu-mến anh em, yêu-mến anh em đến mức có thể hy-sinh thân mình, kẻ ấy nhất-định phải đạt tới sự yêu-mến Thiên-Chúa.

Cố-nhiên tình yêu-mến ấy, đối với người ta, chỉ có thể phát-sinh do bởi thánh-sủng của Thiên-Chúa ban, và Thiên-Chúa hằng dùng Giáo-Hội làm một thứ máng thông-

thường mà thông thánh-sùng ấy cho những kẻ chưa nhận biết người. Song điều đó không hề thay đổi chút gì trong cái nguyên-tắc căn-bản này là : *người ta — nhất là người công-giáo — muốn được hưởng ơn cứu-rỗi, muốn được trở nên cao cả, cũng như muốn được nếm hương-vị của chân khoái-lạc, điều thiết-yếu vẫn phải là có lòng rộng yêu mọi người* — Kẻ nào có tình yêu ấy, trước khi nhận biết Thiên-Chúa kết-cuộc rồi sẽ đạt tới Thiên-Chúa như đã nói trên. Trái lại, kẻ nào từ-khước tình-yêu ấy, mặc dầu tự-bảo mình có yêu-mến Thiên-Chúa, chính thực tự dối mình và tín-ngưỡng của người ấy chỉ là tín-ngưỡng hảo-huyền mà thôi.

Đó chính là nhân-đức tin, đó chính là nhân-đức cậy của người công giáo. Nhân-đức tin và nhân-đức cậy không phải là những nhân-đức mà người ta có thể lý-luận mà có được. Đó là những nhân-đức thiêng-liêng, muốn có, người ta phải đặt lòng tin-tưởng chân-thành vào các chân-lý Thiên-Chúa phán-dạy, nhất là vào các việc Đức-Chúa Giê-su đã làm để minh-chứng các chân-lý Thiên-Chúa phán dạy. Chân-lý dạy rằng : tình-yêu thực - hành sinh ra những kết-quả thực-tiến, và chính Đức-Chúa Giê-su đã lấy cả cuộc đời ở trần-gian của người minh-chứng chân-lý ấy là xác-thực. Đức-Chúa Giê-su đã chứng-minh rằng : nếu ta đem tình-yêu ra thi-hành ở xung-quanh ta, ta sẽ gây những ảnh-hưởng tốt-lành, có năng-lực khiến cho ác trở nên thiện, và hung trở nên cát.

Cùng với Thánh Phao-Lô, ta tin chắc rằng : « Dù sự chết, dù sự sống ; dù thiên-thần, dù thiên-sứ ; dù hiện-tại, dù tương-lai ; dù bề cao, dù bề sâu, không thứ gì trong tạo-hóa có thể dứt ta khỏi tình-yêu mà Thiên-Chúa sẽ biểu-lộ ra cho

chúng ta trong Chúa Giê-su Ki-tô được. »

Chủ-trương giản-dị và chắc-chắn trên có thể giúp ta vượt được các nghịch-cảnh hoặc các trở-ngại, vì nó quyết-chắc với ta « tình » rồi kết-cuộc sẽ phải thắng « thù ». Chẳng như thế, chủ-trương trên còn quy-dịnh hẳn cho ta thái-độ phải đem ra mà đối-phó với các anh em vô-thần có thiện-chí, thiện-tâm đang cố-gắng sống như chúng ta trong tình yêu-mến anh em đồng-bào.

Trước hết, chủ-trương ấy có thể giúp ta phân-biệt trong đám anh em vô-thần, một số người công-giáo không biết mình là công-giáo, một số người công-giáo đang tìm-dối sự thật. Thường-thường họ nói họ không tin, kỳ-thật trong thâm-tâm, họ vẫn tin, vì Thiên-Chúa mà họ chối là không có ấy, là một thứ gì chứ không phải là Thiên-Chúa thật. Miễn tình-yêu nhân-loại của họ phải làm sao cho thành-thật, thuần-tuý, ta có thể tin rằng tình-yêu ấy sẽ là đường mở ra cho thánh-sùng của Thiên-Chúa đến với họ, mặc dầu họ chưa biết và chưa nhận ra Thiên-Chúa của Phúc-Âm.

Hơn nữa, chủ-trương trên còn có thể dẫn-khởi cho ta một phương-thế lại gần, một chương-trình chinh-phục các người vô-thần có lòng bác-ái chân-thành mà hào-hiệp.

Nếu thật các người vô-thần có thiện-tâm và thiện-chí này có thể sẵn-sàng hy-sinh đến tính-mạng mình cho hạnh-phúc của kẻ khác, thì ta rất có thể đưa họ tới chỗ nhận-thức các điều lý-ứng phát-sinh do tự thái-độ ấy được.

Vì nếu nhân-loại chỉ là một cuộc kết-hợp ngẫu-nhiên của các phần-tử vô-tình hợp lại, không lý-do, không mục-dích thì cần gì người ta phải hy-sinh chính mình

cho một kẻ khác ? Tại sao người ta lại phải hy-sinh cho một kẻ khác ? Và tại sao sự hy-sinh cho kẻ khác lại có thể là hạnh-phúc cho mình ? Tại sao người ta lại hy-sinh cho kẻ khác những khả-năng, khi những khả-năng ấy chính là yếu-tố làm cho sự hiện-tồn của người ta trên trái-đất có một ý-nghĩa và một giá-trị. — Người ta chỉ có thể hy-sinh vô điều-kiện cho một kẻ khác, khi nào người ta tìm thấy ở bên trong kẻ khác ấy một giá-trị siêu-nhiên hay là quy kẻ khác ấy vào một hiện-thực siêu-nhiên tuyệt-dối nào. Khi tôi yêu một người bị thương-tích đầy mình gập bên lề đường, tôi yêu qua người đó tất cả nhân-loại mà tôi biết và cảm thấy có liên-đới rất thiết-mật. Kẻ bị thương-tích, cũng như tôi, chỉ là một phần-tử trong một toàn-thể cố-kết với nhau. — Và trong cái toàn-thể cố-kết ấy, tất cả mọi phần-tử đều thông-cảm với một Đấng mà tình-yêu đã cấu-tạo nên tất cả, một Đấng đem một tình-yêu và một ý-tưởng không bờ bến mà yêu hết mọi phần-tử như nhau.

Chính thánh Gio-an, môn đệ chí-thiết của Chúa Giê-su, kẻ đã từng được thực-nghiệm cái tình-yêu nhân-loại có thể làm cho người ta thông-cảm được với Thiên-Chúa thế nào, đã cam-kết với chúng ta một điều rất thật rằng : « **Hỡi anh em thân-ái, chúng ta hãy yêu nhau, bởi vì tình yêu phát-xuất từ Thiên-Chúa. Kẻ nào yêu người là bắt đầu thuộc về Thiên-Chúa và biết Thiên-Chúa** »

Tuy-nhiên, có điều ta nên coi chừng là một tình-yêu như thế bắt buộc chúng ta phải từ - khước mọi hình-thức của lòng ích-kỷ : như tính tham-lam, biền-lập, muốn thâu góp tất cả mọi của-cải trong thiên hạ cho riêng mình ; tính thèm muốn thú-vui xác thết, coi kẻ khác

như một miếng mồi cho sự thỏa-mãn của mình ; tính kiêu-ngạo muốn đem uy-lực bất-chính mà ép-buộc người ta phải tôn-phục quyền mình.

Và trên hết, tình-yêu cao-quý như vậy còn ép ta phải xua-đuổi ra khỏi lòng ta mọi sự căm-hờn đối với kẻ khác. Như mọi người thường nhận thấy, luôn-luôn chủ-nghĩa nhân-bản vô-thần chỉ đếm-xia trong hạnh-phúc và quyền-lợi của một hạng người. Các chủ-nghĩa chủng-tộc, các chủ-nghĩa đế-quốc, cũng như các cuộc cách-mạng giai-cấp đều sẵn-sàng tiêu-diệt hẳn, hoặc nô-dịch-hóa các kẻ khác không cùng màu da hoặc một đảng-phái với mình. Họ không chịu lấy « *Tình* » để cảm hóa, họ quyết lấy « *uy* » để khắc phục. Bởi vậy, những chủ-nghĩa trên nhất-định phải trở thành vô-nhân-đạo và thế-tất phải đưa người ta tới chỗ tận-hủy cái tình thân-thiện trong xã-hội loài người, là con đường chắc-chắn nhất đưa người ta tới Thiên-Chúa. Không bao giờ, chắc-chắn không bao giờ với sự căm-hờn, người ta có thể xây-dựng được một thế giới tốt đẹp !

Bởi vậy, người công-giáo luôn-luôn tâm-niệm câu này của vai chính trong vở kịch Antigone của Sophocle, để nêu nó lên làm khẩu-hiệu và làm kim chỉ-nam trong cuộc đời mình : « Không phải tôi sinh ra để chia xẻ sự căm-hờn với ai, mà để thông-cảm trong tình-yêu hết mọi người ». Người công-giáo cương-quyết xua-đuổi sự căm-hờn, sự thù ghét ra khỏi lòng mình, cương-quyết dù sao cũng vẫn giữ lòng rộng yêu mọi người, và nhất-định đem sự *thiện* mà thay cho được sự *ác* trong thế-gian này.

HOÀNG-MINH-TUYNH dịch

THIÊN « KẾ » CỦA BINH-THƯ TÔN-TỬ

PHẠM-NGỌC-THẢO

THIÊN đầu tiên của Binh-Thư Tôn-Tử lấy tên là thiên « kế ». Kế tức là tính-toán. Tính-toán việc gì ? Tức-nhiên là việc nhà binh. Trong thiên này trước tiên, Tôn-Tử nêu lên sự quan-trọng của vấn-đề quân-sự, kế đó, vạch những điều căn-bản phải xét đến, khi tính-toán về quân-sự. Sau cùng, Tôn-Tử chỉ những tiêu-chuẩn mà người ta có thể căn-cứ vào đó để hiểu được tình-hình quân-sự của một nước.



Cách đây 2.500 năm, Tôn-Tử quan-niệm địa-vị của vấn-đề quân-sự như sau :

« Binh là việc quan-trọng của một nước.

« Nó là vấn-đề chết sống, là con đường

« đưa tới sự mất hay còn của một

« nước.

« Vậy không thể nào không xét đến

« được .»

Trước tình-hình ngày nay, kiểm-điểm lại địa-vị của vấn-đề quân-sự, chắc nhiều người cũng vẫn đồng-ý rằng nó còn giữ nguyên vị-trí mà Tôn-Tử đã xác-định.

Trong xã-hội hiện-tại, nước nào cũng

có quân-dội và chi-phí dành cho quân-dội trong hầu hết các nước đều chiếm phần quan-trọng nhứt của ngân-sách quốc-gia. Đó quả là một bằng-chứng cụ-thể không thể chối cãi rằng địa-vị của vấn-đề quân-sự thật là đứng hàng đầu.

Nhìn tình-hình Nam-Dương là xứ ở gần chúng ta sẽ thấy rõ vấn-đề quân-sự là con đường đã dẫn Nam-Dương từ tình-trạng thuộc-dịa, tức là tình-trạng mất nước, đi đến tình-trạng độc-lập, tức là tình-trạng sống lại. Quả thật vậy, nếu Nam-Dương không cầm súng đứng lên kháng-chiến chống Đế-Quốc Hòa-Lan, thì làm gì Liên-Hiệp-Quốc được biết đến Nam-Dương sớm như thế. Dù có chánh-nghĩa, bao nhiêu lời tranh-đấu bằng miệng, nếu không có quân-sự làm áp-lực, chắc sẽ trở nên vô hiệu-lực. Điều đó trong hoàn-cảnh hiện nay không thể nghi-ngờ.

Đối với nước Việt-Nam hiện-tại, vấn-đề quân-sự vẫn là vấn-đề sống hay chết, vẫn là con đường mất hay còn của nước nhà. Việt-Nam có nắm vững sự độc-lập

của mình hay không ? Việt-Nam có thống-nhút được hay không ? Quyết-dịnh một phần đáng kể sẽ do vấn-đề Việt-Nam có xây-dựng được hay không một quân-đội có trang-bị tốt, có kỹ-thuật cao và nhút là có tinh-thần lành-mạnh, sẵn-sàng hy-sinh để bảo-vệ nhân-dân và được nhân-dân thương-mến. Vì thật ra, làm sao cải-cách diện-địa, nếu quân-đội không bảo-vệ được an-ninh ? Thế nào vạch kế-hoạch kinh-tế, tài-chánh cho thích-hợp nếu vấn-đề quân-sự không bảo-đảm việc thực-hành nó ở khắp lãnh-thò nước nhà.

Ở đây, tôi nói vấn-đề xây-dựng lực-lượng mạnh-mẽ và lành-mạnh chứ không nói đến vấn-đề chiến - tranh. Vì chính những cách giải-quyết trong khi bàn-cãi, trước tiên, dựa vào vấn-đề thực-lực, không nhút-thiết phải dựa vào chiến-tranh.

Sống tại đô-thành xa tiếng súng và quen ỷ-lại vào quân-đội viễn-chinh, có lẽ một số người tự gọi là chánh-trị-gia cũng đôi khi xao-lãng một vấn-đề sống chết của nước nhà là vấn-đề quân-sự, để chuyên bàn-cãi suông về những vấn-đề lý-thuyết cao-siêu.

Họ quên rằng nếu ta không biết tập-trung người tốt và phương-tiện để xây-dựng một lực-lượng lành-mạnh thì bao nhiêu lời-lẽ của họ sẽ trở nên một trò cười cho kẻ địch.

Sự quan-trọng của vấn-đề quân-sự đòi hỏi chẳng những sự quan-tâm của giới quân-sự, mà luôn của giới hành-chánh, của toàn-dân nữa. Vì một kế-hoạch kinh-tế, một chủ-trương thuế-khóa không căn-cứ vào tình-hình thực-tế về mọi mặt, trong đó có mặt quân-sự, chắc-chắn sẽ đi đến thất-bại.

Ngay đến những người thương-dân hiện nay cũng cần hiểu một tối-thiểu về quân-sự mới có thể không bị những hăm-dọa về quân-sự làm dao-động tinh-thần. Họ cần

hiều sự nguy-hiêm của bom nguyên-tử, nhưng cũng cần hiểu rõ tác-dụng của bom nguyên-tử cũng có giới-hạn, và đối với một dân-tộc quyết-tâm trên một lập-trường chánh-đáng, bom nguyên-tử của một kẻ xâm-lược cũng có thể trở nên vô hiệu-lực.

Kiểm-điểm lại quan-niệm về quân-sự của một nhà Tướng bày tỏ cách đây 2.500 năm, thấy cũng còn có tác-dụng không nhỏ.



Muốn tính-toán vấn-đề quân-sự, Tôn-Tử đề ra năm điều cần phải chú ý :

« Một là đạo

« Hai là trời

« Ba là đất

« Bốn là tướng

« Năm là pháp

« — Đạo là làm cho dân đồng-ý với cấp trên, do đó có thể cùng nhau chết sống không sợ nguy-hiêm.

« — Trời là nói về thời-tiết, sáng, tối, nóng, lạnh.

« — Đất là nói về xa gần, hiểm dễ, rộng hẹp, chết sống.

« — Tướng là nói về năm đức-tính của người Tướng : Trí, Tín, Nhân, Dũng, Nghiêm.

« — Pháp là nói về khúc-chế, quan-đạo, chủ-dụng (tức là nói về cách tổ-chức, biên-chế quân-đội.)

Tôn-Tử cho rằng khi tính-toán về quân-sự, trước tiên, phải nghĩ đến một vấn-đề được gọi là « Đạo ». Đạo ở đây có nghĩa là đường.

Trên và dưới có cùng một ý-chí, cùng một nguyện-vọng, cùng đi một đường hay không ? Đó là một vấn-đề cần xét đến. Hơn nữa, cần chú-ý là Tôn-Tử có nói tiếng « Dân », tức là người quan-niệm rằng chẳng những phải có một sự thống-

nhút ý-chí và đường-hướng giữa tướng và quân, mà còn phải có sự thống-nhút đó giữa nhân-dân và quân-đội. Nếu điều-kiện đó được thỏa-mãn thì tướng và quân, quân-đội và nhân-dân có thể cùng nhau sống chết mà không sợ nguy-hiêm.

Đó là vấn-đề chính-trị trong nội-bộ quân-đội, là vấn-đề chính-trị của quân-đội đối với nhân-dân. Theo Tôn-Tử, vấn-đề chính-trị đối với quân-đội chú-ý là làm cho trên dưới cùng một lòng, làm cho dân và quân cùng nhau đoàn-kết trên một đường-lối đúng-dẫn, nhút thiết không phải dùng chánh-trị để gây bè-phái, dựa tổ-chức chính-trị để mưu ích-lợi cá-nhân, tổn-hại đến sự đoàn-kết và uy-tín của quân-đội.

Khi nói đến Trời và Đất, Tôn-Tử nhắc Tướng quân-sự lúc tính-toán đừng quên chú-trọng về thời-tiết và địa-thể. Đối với thời xưa, những yếu-tố này rất quan-trọng. Mùa đông chẳng hạn mà dấy quân chắc-chắn là trở-ngại rất to, vì thời-tiết lạnh, binh-sĩ sẽ khổ-sở, và đối với sự mê-tín hồi xưa, một việc làm trái mùa sẽ không có kết-quả tốt. Họ tin chẳng hạn rằng : « mây tựa khói mà không phải khói, là mây lành, tất thắng. Mây tựa mù mà không phải mù đó là khóc quân, tất bại ».

Đến thời này tuy những tiến-bộ về khoa-học cho phép chúng ta khắc-phục được nhiều trở-ngại thiên-nhiên, song vấn-đề thời-tiết và địa-thể cũng còn rất quan-trọng. Một người chỉ-huy quân-sự ở Trung-Việt quen biết các con sông ở Trung-Việt, nếu phải điều-dộng quân ở vùng miền Tây Nam-Việt cũng sẽ gặp khó-khăn nhiều nếu không biết nghiên-cứu các con nước lớn và lòng của sông địa-phương. Đó là chưa nói đến việc điều-dộng quân-đội qua sông rạch miền đồng-bằng khác hẳn với việc điều-

dộng quân qua những thác ở miền núi trong lúc mùa mưa.

Đối với một quân-đội ở xa tới nước Việt-Nam, vấn đề thời-tiết và địa-thể chắc-chắn là một điều phải chú-trọng nhiều hơn nữa.

Điều thứ tư cần phải xét là vấn-đề Tướng. Theo Tôn-Tử, người Tướng phải có năm đức-tính căn-bản.

Trí : tức trí-tuệ, hiểu mau và sâu-sắc, thông-thạo công việc nhà binh, sáng-suốt thông-minh để nhận-định tình-huống và quyết-định kịp-thời, có nhiều sáng kiến, đối-phó mau-lẹ. Công việc ngoài mặt-trận phải định-doạt trong nháy mắt, mau một chút là thắng, chậm một chút là bại, do đó người Tướng phải có Trí.

Tín : tức là được binh-sĩ tin-tưởng. Lời nói chắc chắn, tư-cách đúng-dẫn sẽ làm cho binh-sĩ thành-thật tin-cậy người Tướng.

Nhân : là lòng yêu người, mến vật. Thành-thật thương-mến binh-sĩ, thương-mến nhân-dân, thương-mến con người nói chung. Giàu lòng nhân-đạo, cầm quân mà không tàn-nhẫn ngay đối với kẻ địch. Bắn súng mà biết tôn-trọng giá-trị của tánh-mạng con người.

Dũng : là hăng-hái, sẵn-sàng hy-sinh vì chính-nghĩa. Biết tỏ ra quả-cảm lúc chiến-đấu với địch. Và cũng biết tỏ ra quả-cảm lúc chiến-đấu với những khuynh-hướng xấu trong bản-thân mình.

Nghiêm : là uy-nghiêm, làm lòng người không dám trể-pải, duy-trì trật-tự, ngăn-nấp cho đúng-dẫn.

Điều chót mà Tôn-Tử nêu lên là vấn-đề « Pháp », tức là việc biên-chế, tổ-chức quản-trị trong quân-đội. Sau khi xét đến vấn-đề tinh-thần và chỉ-huy, Tôn-Tử cho

rằng phải xét vấn-đề hình-thức tổ-chức và việc lo cho phần vật-chất của quân-đội.

Một việc lạ : Tôn-Tử không đề-cập đến vấn-đề vũ-khí. Có lẽ là vì hồi xưa bên nào cũng chỉ dùng mác và gươm, hơn thua nhau không dựa vào phương - diện vũ - khí. Ngày nay, tính - toán vấn - đề quân sự nhứt-thiết phải nghĩ đến vấn-đề vũ-khí. Nhưng thật ra cũng rất nguy-hiêm nếu lầm tưởng rằng chỉ có vũ-khí là yếu-tố quyết-định. Có lẽ chính khuynh-hướng trông cậy quá đáng về vũ-khí và kỹ-thuật là nguyên-nhân của các cuộc thất-bại thậm-tệ của những binh-đội trang-bị rất mạnh về vật-chất nhưng rất thiếu-sót về tinh-thần.



Sau cùng, Tôn-Tử giới-thiệu những tiêu-chuẩn mà người ta có thể dựa vào để suy-xét tương-quan lực-lượng quân-sự giữa hai phe đối-lập, xem thuận-lợi về phe nào :

« Chủ bên nào có chánh-nghĩa ? »

« Tướng bên nào giỏi ? »

« Trời và đất, bên nào chiếm phần tru-
« thế ? »

« Pháp-lệnh bên nào chấp-hành nghiêm-
« chỉnh ? »

« Binh lính bên nào mạnh ? »

« Tướng-tá bên nào luyện ? »

« Thường-phạt bên nào phân-minh ? »

« Nếu rõ được các điều trên, ta có thể đoán trước phần thắng sẽ về bên nào ».

Lời vàng ngọc của một nhà quân-sự thời xưa chắc-chắn đến ngày nay vẫn còn ý-nghĩa. Có lẽ cũng rất ít người hiện thời phủ-nhận nội-dung đúng-đắn của những tiêu-chuẩn đã đặt ra. Ai cũng dư hiểu, một khi đã đi ngược lại chánh-nghĩa thì dù có vũ khí tốt và do vũ-khí tốt mà thắng-lợi đi

nữa, đó cũng chỉ thắng tạm-thời. Tuy biết vậy, cũng có một số người vẫn muốn đánh bất chấp lẽ phải vì quyền-lợi ích-kỷ không-lờ của họ làm họ mờ mắt điên-rồ. Muốn tính-toán xem ai sẽ thắng, ai sẽ bại, họ gạt hết các tiêu-chuẩn bất-lợi cho họ và chỉ còn muốn đặt lên đòn cân bao nhiêu đại-bác, phi-cơ, pháo-tuyền, tàu chiến, con số của tổng-số binh-sĩ đếm đầu mà tính, dờ giỏi không cần, hăng-hái hay sợ chết cũng không biết.

Thiên « kế » của Binh-Thư Tôn-Tử chỉ rõ rằng người chỉ-huy quân-sự ngoài ra vấn-đề luyện-tập binh-sĩ về kỹ-thuật và chiến-thuật, cần hết sức chú-ý về tinh-thần của binh-sĩ. Phải làm sao cho trên dưới cùng một ý-chí, cùng một nguyện-vọng, đồng-tâm hiệp-ý cùng nhau đi một con « đường », dù chết, dù sống không chút nào do dự, xem thường nguy-hiêm của sa-trường.

Tôn-Tử cũng nhắc lại cho những vị lãnh-đạo cao-cấp các quốc-gia, khi muốn so-sánh tương-quan lực-lượng quân-sự giữa mình và địch, đừng nên thu-hẹp phạm-vi nhận-xét trong số-lượng binh-sĩ hay trình-độ vũ-khí, vì có vài thứ vũ-khí tối-tân, có vài con số khả-quan về quân-số và quân-cụ, chưa phải là sẽ nắm phần thắng-lợi. Thường phạt có phân-minh không ? Có dựa đảng-phái mù quáng, dựa tình-cảm cá-nhân hẹp-hòi hoặc dựa tài xu-nịnh của kẻ cơ-hội chủ-nghĩa mà định-đoạt chánh-sách dùng người hay không ? Nhứt là cần kiểm-điểm coi mình có thật tình đi đúng trên con đường chánh-nghĩa, con đường của nhân-dân mong muốn hay không ? Cần xét đầy-dủ các tiêu-chuẩn, rồi mới có thể tính-toán vấn-đề quân-sự và kết-luận vấn-đề đó.

Xưa kia, khi Bồ-Đào-Nha và Tây-Ban-

Nhà chia nhau nắm độc-quyền về các mỏ vàng ở Nam-Mỹ, họ tưởng rằng họ có thể làm bá-chủ về kinh-tế trên thế-giới. Họ đã lầm to, vì sự phồn-thịnh của một nước là sức sản-xuất của nhân-dân xứ đó, nào phải là vàng đâu.

Ngày nay, có vài nước mới nắm được ưu-thế về vài thứ vũ-khí tối-tân, thì họ đã tưởng rằng họ có thể làm bá-chủ trên hoàn-cầu về mọi mặt. Họ lầm to. Vì sự thắng bại cuối cùng về phương-diện quân-

sự trước tiên phải dựa trên quan-diểm chánh-nghĩa.

Nói trong phạm-vi hẹp lại, nếu vị tướng-lãnh nào ngày nay chỉ lo trang-bị súng tốt cho binh-sĩ, chỉ lo luyện-tập họ về kỹ-thuật rồi khoan-khoái tưởng rằng họ sẽ chiến-thắng, họ lầm to, vì quân-đội là tổng-hợp một số con người, có thể-xác, có tinh-thần, có linh-hồn. Chỉ-huy họ phải lo về vật-chất và đồng-thời về tinh-thần nữa.

PHẠM-NGỌC-THẢO



■ Một « thuật » chính-trị.

TỬ-CỔNG hỏi Không-Tử về « thuật » chính-trị.

Không-Tử đáp :

— Người cầm chính-quyền phải có ba điều-kiện này : có lương-thực cho đủ nuôi dân, có binh-lực cho đủ bảo-vệ dân và có lòng dân tin-cậy nơi mình.

Tử-Cống hỏi tiếp :

— Trong ba điều-kiện ấy, nếu bất-đắc-dĩ phải bỏ một điều, thì nên bỏ điều nào trước ?

Không-Tử đáp :

— Bỏ binh-lực.

Tử-Cống lại hỏi :

— Nếu bất-đắc-dĩ phải bỏ nữa thì nên bỏ điều nào trước ?

Không-Tử đáp :

— Bỏ lương-thực, vì từ xưa đến nay, trong một nước thiếu lương-thực, có thể xảy ra nạn chết đói. Còn trong một nước mà dân không tin chính-quyền nữa thì chính-quyền không thể gì đứng nổi (Tự cò gai hữu tử, dân vô tín bất lập).

QUẢN-BÌNH GIÁ-VẬT

MỘT BIỆN-PHÁP TẠM-THỜI VÀ RẤT CẦN ĐỂ CHẤM-HƯNG KINH-TẾ

TĂNG-VĂN-CHÍ

DỀ khuyến-kích sản-xuất, Chánh-phủ thường ít nhúng tay vào việc bán buôn, nhất là giá cả. Khi gặp trường-hợp giá cả quá chênh-lệch đối với một món hàng do nhiều người sản-xuất hoặc bán ra, mà phẩm-chất lại giống nhau, thì nhà cầm-quyền có bổn-phận phải can-thiệp bằng quân-bổ, trợ-cấp hoặc chế-độ giá xã-hội.

Trong giai-đoạn hiện-thời, Việt-Nam đang lâm vào tình-cảnh kể trên :

1/ — Hàng nội-hóa sản-xuất đang còn ít, chưa đủ để cung-cấp cho nhu-cầu của toàn-dân.

2/ — Vì vốn ít, phương-tiện làm việc chưa được canh-tân đầy đủ, các tạp-phí lại nhiều nên giá vốn hàng nội-hóa quá cao, trong khi hàng ngoại-hóa vừa nhiều, rẻ, lại thêm quá tinh-xảo, đánh trúng vào óc thị-hiệu của nhân-dân.

3/ — Những lý-do trên đã khiến cho sản-phẩm Việt-Nam tiêu-thụ khó-khăn ở thị-trường trong nước, trước sự cạnh-tranh mãnh-liệt của hàng ngoại-hóa.

4/ — Qua đến thị-trường ngoại-quốc, thì sản-phẩm của ta lại cũng không cạnh-tranh lại được với sản-phẩm của các nước khác đưa tới : người thích đi buôn lời to, mau chóng và dễ dàng hơn, khỏi phải kẹt vốn lâu ngày, nhiều khổ nhọc trong công-tác.

I.— Điều-kiện để chấm-hưng kinh-tế

Như vậy, muốn chấm-hưng kinh-tế Việt-Nam, cần phải tìm cách để :

1/ — giúp đỡ sản-xuất .

2/ — dành thị-trường trong nước cho sản-phẩm Việt-Nam.

3/ — giúp đỡ xuất-cảng, để dành thị-trường quốc-tế.

Một biện-pháp thích-ứng phải thực-hiện được 3 điều-kiện trên, đồng-thời giữ vững mức sinh-hoạt cho đại-chúng, tránh nạn lạm-phát và sự tăng giá hàng.

II.— Các biện-pháp thường được áp-dụng

Nhiều quốc-gia trên thế-giới, trong

những giai-đoạn đặc-biệt, đã áp-dụng :
thẻ-thức quân-bổ, trợ-cấp và chế-độ « giá
xã-hội » (cũng gọi là giá chính-trị : Prix
politique).

1/ — *Áp-dụng quân-bổ.* — Áp-dụng
thẻ-thức quân-bổ là thêm trên giá hạ một
số tiền dùng để rút bớt giá cao, khiến cho
các giá trở nên quân-bình. Đối với dân-
chúng tiêu-thụ, sẽ chỉ còn một giá duy-nhứt.

2/ — *Thí-dụ.* — Giá sữa hộp hiệu A
chỉ có 10\$ một hộp, nhưng sữa hiệu B giá
lại đến 16\$. Nhà cầm-quyền cho phép
các hiệu sữa bán với giá duy-nhứt là 13\$.
Hiệu sữa A phải đóng vào quỹ bù-trừ
3\$ để rồi trợ-cấp 3\$ cho hiệu B.

3/ — *Danh-từ : Phân-xuất quân-bình.*
Trong mấy năm rồi, danh-từ « thuế quân-
bổ » thường dùng, nhưng thiết-tưởng có
phần nào sai-lạc. Đây không phải là một
sắc « thuế », song là một phân-xuất (taux)
thường thay đổi tùy mỗi kỳ tầu, tùy
thương-gia nhập-cảng, tùy trọng-lượng
hàng sản-xuất hay nhập-cảng, tùy phí-tồn
ngân-hàng, bảo-hiêm v.v... Tạm-thời để
tránh những hiểu lầm, có thể dùng danh-
từ « phân-xuất quân-bình » (taux de stabi-
lisation).

III. — Các loại phân-xuất quân-bình.

A. — *Quân-bình giữa những sản-phẩm
nội-hóa đồng-loại nhưng trị-giá khác nhau.*

Những lâm-sản trị-giá khác nhau vì có
một số công-ty khai-thác được hưởng
những điều-kiện thuận-lợi hơn những công-
ty khác. Cần áp-dụng một phân-xuất quân-
bình trên giá bán các lâm-sản. Số tiền này
được dùng để trợ-cấp cho các công-ty khai-
thác tương-đối không được những điều-
kiện thuận-lợi của các công-ty trên.

B. — *Quân-bình giữa giá sản-phẩm nội-
hóa và giá sản-phẩm nhập-cảng.*

Đường nội-hóa Việt-Nam giá 18\$ một
kí, trong khi đường cát nhập-cảng giá chỉ
có 10\$ một kí. Với điều-kiện là hai thứ
đường giống nhau, Chánh-phủ có thể ấn-
định giá một kí đường là 14\$, thu trên
mỗi kí đường nhập-cảng 4\$00. Số tiền
thu được sẽ bỏ vào quỹ bù-trừ các hàng-
hóa nhập-cảng để trợ-cấp cho các nhà sản-
xuất đường nội-hóa. Với số tiền trợ-cấp
đó, nhà sản-xuất sẽ có thể tăng-gia sản-
xuất, lần hồi hạ giá vốn xuống đến mức
quân-bình là 14\$, và thấp hơn nữa.

C. — *Quân-bình giữa giá nội và giá ngoại.*
Bột mì nhập-cảng rất rẻ, nên thu một phân-
xuất nào bỏ vào quỹ bù-trừ, để hạ giá
gián-tiếp sản-phẩm nội-hóa, bằng trợ-cấp
triền-lãm, phân-phối giống tốt, phồ-biến
phương-pháp canh-tân nghề-nghiệp, v.v...

D. — *Quân-bình giữa sản-phẩm nhập-
cảng đồng-loại nhưng giá khác nhau.*

a/ Hồi tháng 5 năm 1953, do sự sụt giá
của đồng bạc Việt-Nam đối với đồng quan-
ki « Pháp, hàng-hóa Pháp nhập-cảng trước
tháng năm, do đấy được hưởng một số
lời tự-nhiên (tỷ-dụ hàng Pháp giá 1.700frs,
nhập-cảng trước hồi tháng 5, trị-giá là
100\$ V.N., tới sau tháng 5 trị-giá 170\$
V.N.). Chánh-phủ Việt-Nam đánh vào
những hàng nhập-cảng trước tháng 5 một
phụ-thuế bù-trừ hồi-đoái 70%, tức là một
loại phân-xuất quân-bình.

b/ Hiện nay tơ sống nhập-cảng có hai
cách, do Viện-trợ Mỹ và do tư-nhân. Tơ
sống nhập-cảng do tư-nhân giá đắt hơn, nên
Chánh-phủ đánh vào tơ sống nhập-cảng do
Viện-trợ Mỹ một phân-xuất quân-bình để
cho giá tơ sống trên thị-trường được duy-
nhứt.

E. — *Quân-bình giữa giá hàng nhập-cảng
và giá hàng xuất-cảng.*

Đây là trường-hợp đã được nêu ở bài

• thử tìm biện-pháp thích-ứng để nâng-dỡ xuất-cảng sản-phẩm Việt-Nam (Bách-khoa số 4).

IV.— Phương-tiện áp-dụng phân-xuất quân-bình tại Việt-Nam

Hiện nay, ở Việt-Nam có nhiều hàng-hóa đồng-loại có những giá khác nhau vì :

— Kỹ-nghệ Việt-Nam mới phôi-thai, những điều-kiện sản-xuất kém các nước khác, tạp-phí lại nhiều hơn, đó là trường-hợp giữa vài Việt-Nam và vài Pháp, Nhật, đường Việt-Nam và đường ngoại-quốc.

— Cùng một thứ hàng nhập-cảng như vải sò, giấy in báo, đường, bột... có nhiều xuất-xứ khác nhau.

Sự chênh-lệch giữa các giá đã làm cho các kỹ-nghệ-gia Việt-Nam gặp nhiều khó-khăn trong công việc phát-triển kỹ-nghệ của mình, trong khi các gian-thương đã có cơ-hội đầu-cơ và các nhà cầm-quyền khó thực-hiện được đầy đủ việc kiểm-soát giá cả

theo đúng mức lời ấn-định. Bởi vậy, phải đặt ra một phân-xuất quân-bình để trên thị-trường sẽ chỉ còn một giá duy-nhứt như hiện-thời đã áp-dụng cho một vài sản-phẩm (đường, bột mì). Tuy nhiên, phân-xuất này, muốn cho hợp-lý, phải được tổ-chức khéo-léo để chỉ thu vào số tiền lời mà các thương-gia được hưởng trên sự chênh-lệch giá cả, hay nói một cách khác, để tránh sự tăng giá sản-phẩm tiêu-thụ một cách quá đáng có hại tới mức sinh-hoạt của toàn-dân.

Nếu thực-hiện được điều-kiện đó, phân-xuất quân-bình sẽ có thể góp phần đặc-lực vào chánh-sách kinh-tế của Chánh-phủ :

— trợ cấp sản-xuất về nông-nghiệp cũng như công-kỹ-nghệ ;

— khuyến-khích sản-xuất và tiêu-thụ hàng nội-hóa ;

— lành-mạnh hóa thị-trường và điều-hòa tiếp-tế ;

— trợ-cấp xuất-cảng bằng số tiền thu vào ngân-quỹ bù-trừ.

TĂNG-VĂN-CHỈ

■ Trả lời bạo-chúa.

Vua Denys l'Ancien, một bạo-chúa cò Hy-Lạp, định lấy con gái ông Aristide de Locrès làm vợ, bèn phát người tới hỏi. Aristide, nguyên là bạn chí-thiết của nhà hiền-triết Platon, nghe bạo-chúa ngỏ ý muốn lấy con gái mình, liền đáp :

— *Thà để con gái ta chết, chứ không để nó làm vợ kẻ bạo-chúa.*

Ít lâu sau, Denys tìm cách trả thù, giết chết tất cả con cái ông Aristide. Trả thù rồi, nhà vua hỏi ông Aristide có còn giữ nguyên « lập-trường » của ông về cuộc hôn-nhân của cô con gái nữa thôi. Ông Aristide đáp :

— *Nhà vua đã làm cho tôi phải đau khổ thật, nhưng tôi không hối-hận về lời tôi đã nói chút nào.*

TIẾNG VIỆT NGÀY NAY

NGUYỄN - HIẾN - LÊ

(TIẾP THEO KỲ TRƯỚC)

BA, bốn năm trước, trên vài tờ tuần-báo, nhiều văn-nhân, học-giả đã đem vấn-đề cải-cách và quy-định Việt-ngữ ra bàn, nhưng vì thời-cuộc lúc đó chưa thuận-tiện, nên ít người hưởng-ứng. Ngày nay, việc kiến-thiết quốc-gia là cần nhất thì cái dụng-cụ để xây-dựng văn-hóa, tức Việt-ngữ, phải được chú-ý tới trước hết.

Tôi xin nhắc lại (1) ở dưới đây những công việc chúng ta nên làm ngay :

— Quy-định chánh-tả. Không có lý gì mà cùng một tiếng, nhà văn này viết là xán-lạn, nhà khác viết là sáng-lạng hoặc sáng-lạn được. Tôi mong rằng bộ **Chánh-tả tự-vượng** của ông Lê-Ngọc-Trụ mau xuất-bản và quốc-dân sẽ lấy nó làm **nền-tảng để bàn cãi, quyết-đoán**.

— Chánh-tả đã quy-định rồi, ta nên sửa đổi luôn cách viết cho hợp với những luật phát-âm (phonétique). Ông Nguyễn-Bạt-Tụy đã tốn công nghiên-cứu vấn-đề đó và những đề-nghị của ông trong cuốn **Cứ và văn Việđ khwa họk** nên được xét kỹ.

— Rồi định một cách đọc cho những dấu ? ~ , những âm at, ac, ang, ot, oc, s, x, ch, tr, r... và áp-dụng trong các trường học, như vậy chỉ trong vài thế-hệ, toàn-quốc phát-âm như nhau mà chắc chắn chúng ta khỏi phải học chánh-tả nữa, vì hệ phát-âm đúng thì tự-nhiên viết đúng.

Ba công-việc đó làm xong, ta sẽ phải in

lại một sổ sách cũ cần-thiết. Sổ sách ấy không có bao nhiêu mà ta có thể in dần dần được, nên điều đó không thành một trở-ngại.

— Soạn một bộ tự-diễn, một cuốn văn-phạm và một bộ bách-khoa toàn-thư.



Công việc soạn văn-phạm khó-khăn nhất vì ý-kiến chia rẽ nhất. Tính-cách cùng sự tổ chức của Việt-ngữ có nhiều chỗ khác hẳn những sinh-ngữ Âu-Mỹ cho nên áp-dụng đúng phương-pháp phân-tích tự-loại và mệnh-đề của Âu-Mỹ thì không khỏi có điều miễn-cưỡng mà khó thực-hành. Năm 1952, trong cuốn **Đề hiệu văn-phạm** (2) tôi đã đưa ra vài ý-kiến thô-thiền để viết lại một cuốn văn-phạm hợp với tinh-thần Việt-ngữ. Tới nay tôi vẫn chủ-trương rằng :

— Việt-ngữ đã không có phần biến-di tự-dạng thì sự phân-tích tự-loại không thể theo Pháp được, mà cũng không quan-trọng bằng sự phân-tích tự-vụ (chức-vụ của mỗi chữ trong câu).

— Tôi cũng nhận sự phân-tích mệnh-đề đôi khi cần-thiết trong thuật xây-dựng câu văn. Chẳng hạn, chỉ đọc qua câu của Hồ Dzếnh, trong **Chân trời cũ**.

(1) Xin coi những bài của Thê-Húc và Nguyễn-Hiến-Lê trong tuần-báo **Mới** tháng 6 và 7 năm 1953.

(2) Phạm-Văn-Tươi xuất-bản.

Nếu văn mà bây giờ tôi tin là người thì tiếng hát xưa kia biết đâu lại không là tâm-hồn Yên một chút ?

ta cũng thấy có cái gì không ổn, nhưng muốn biết nguyên-do ở đâu thì ta phải phân-tích theo Pháp, và phân-tích xong, ta tìm ngay được lỗi ở tiếng văn : nó đứng lơ-lửng không có công-dụng gì trong câu cả. Ta phải sửa :

Nếu văn là người — và bây giờ tôi tin như vậy — thì tiếng hát xưa kia biết đâu lại không là tâm-hồn Yên một chút ?

Đó là sự ích-lợi của phân-tích câu. Song nếu ta cứ theo đúng quy-tắc phân-tích của Pháp, nghĩa là cứ đếm động-từ mà định số mệnh-đề thì nhiều khi ta sẽ lúng-túng. Chẳng hạn :

Số tiền còn lại đó, anh giữ lấy còn là một động-từ, giữ là một động-từ. Câu đó có hai mệnh-đề ư ? Vô-lý.



Điều đáng trách nhất là hết thấy các sách văn-phạm đã xuất-bản đều quá chú-trọng đến phần tự-loại và mệnh-đề mà hầu như quên hẳn phần ngữ-pháp (syntaxe), mà chính phần này mới hữu-ích nhất trong hiện-tình của Việt-ngữ.

Trong tuần báo Mới, tôi đã nêu lên ít nhiều nghi-vấn về ngữ-pháp và viết trên tuần báo Mới :

« Trong bài **Văn đề Đông-Dương trong cuộc khủng-khoảng chính trị Pháp** », có câu :

Nhắc lại là thừa những lý-lẽ mà nhiều chánh-khách Pháp và vài cơ-quan ngôn-luận Pháp đã đưa ra để chứng tỏ rằng chiến-tranh Đông-dương là nguồn gốc của mọi khó-khăn về kinh-tế, tài-chánh, xã-hội và ngoại-giao mà Pháp phải chịu từ tám năm nay ».

Tôi thấy hai tiếng là thừa xen vào

giữa động-từ **nhắc lại** và bổ-túc-ngữ **những lý-lẽ** làm cho câu văn không được xuôi tai. Nếu câu đó của học-sinh viết thì chắc-chắn là tôi bắt lỗi rồi ; nhưng tác-giả của nó, ông Việt-Hà, là một người cầm bút đã lâu năm, tôi không dám chê ông ta không biết viết. Ông dư hiểu viết như vậy mới đầu không xuôi tai, nhưng ông cứ viết để tránh cho câu khỏi thọt, vì nếu đem hai tiếng là thừa xuống cuối câu thì đọc lên ta thấy câu văn đang đi một hơi dài, bỗng hấp tấp ngừng lại, không được êm :

Nhắc lại những lý-lẽ mà chánh-khách Pháp và vài cơ-quan ngôn-luận Pháp đã đưa ra để chứng tỏ rằng chiến-tranh Đông-Dương là nguồn gốc của mọi khó-khăn về kinh-tế, tài-chánh, xã-hội và ngoại-giao mà Pháp phải chịu từ tám năm nay là thừa.

Tóm lại, ông đã dùng một phép đảo-ngữ táo-bạo. Ông có lý hay không, tôi không dám quyết-đoán. Tôi chỉ có thể nói rằng tôi không đồng-ý với ông mà viết đại-loại như vậy :

Nhắc lại làm chi những lý-lẽ mà nhiều... tám năm nay ? Việc đó là thừa.

Câu này của Triều-Sơn cũng có một đảo-ngữ quá mới mẻ :

Trong cuộc gặp mặt, sẽ có mặt đề trình-bày ý-kiến, các nhà triết-học và xã-hội-học danh tiếng từ tả sang hữu như Henri Lefebvre, Maurice Merleau Ponty, Georges Gurvitch.

(Mới đi dự cuộc gặp mặt thảo-luận về xã-hội-học và triết-học ở Paris).

Động-từ sẽ có mặt đứng trước chủ-từ các nhà triết-học và xã-hội-học danh tiếng, rồi những tiếng đề trình bày ý-kiến lại xen vào giữa động-từ và chủ-từ, khiến câu văn không được xuôi, theo tai tôi.

Ta nên viết như Triều-Son, hay nên viết :

Trong cuộc hội-hợp, các nhà triết-học và xã-hội-học danh tiếng từ tả sang hữu như sẽ gặp mặt nhau để trình bày ý-kiến

Câu này của Văn-Hoàn nữa :

Phong-trào cộng-hòa bình-dân không từ chối sự hiệp-tác và ủng-hộ với ông Pinay. (Việt-Thanh)

Tiếng với đó đặt nhằm chỗ không? Viết như vậy được không?

Phong-trào cộng-hòa bình-dân không từ chối sự ủng-hộ và hợp-tác với ông Pinay. hay phải theo văn-phạm Pháp mà viết :

Phong-trào cộng-hòa bình-dân không từ chối sự ủng-hộ ông Pinay và sự hợp-tác với ông.

vì người ta nói **hợp-tác** với mà không nói **ủng-hộ** với.

Còn biết bao trường-hợp như vậy nữa mà người cầm bút gặp tới phải bối-rối, hoang-mang, không biết đâu là phải, đâu là trái, và mỗi người cứ phải thí-nghiệm để tự kiểm lấy một đường đi .

Trong tờ Nhân-Loại số 12, ông Thê-Húc đề-nghị :

« Khi một từ-ngữ gồm nhiều hơn hai tiếng, thì sự « dư-nghĩa » không còn dựa vào cái lẽ « thuận-thanh-âm » của luật « ghép đôi » nữa, và bởi vậy, không còn lý để bênh-vực và dung-tha. »

nghĩa là ta không được viết : đề-cập tới, gia-nhập vào, nước thủy-triều, sông Hương-giang... mà phải viết : đề-cập, gia-nhập, nước triều, sông Hương (hoặc thủy-triều, Hương-giang).

Cách đây năm năm, một giáo-sư, trong tờ Việt-Nam giáo-khoa, khuyên ta viết : **Sách được in 3000 cuốn**, chứ đừng

viết : **Sách in 3000 cuốn**. Ông ta đã theo đúng văn-phạm Pháp đấy.

Một giáo-sư khác cũng theo Pháp, dùng thề thụ-dộng trong câu : **Nó bị giết bởi bọn cướp**.

Eạn có nghe thấy xuôi tai không?

Giải-quyết những vấn-đề đó là công-việc của các học-giả soạn văn-phạm, nhưng hiện nay các vị ấy khiêm-tốn quá không dám tự nhận cái trọng-trách quy-định ngữ-pháp, mà cơ-hồ như cũng ít ai dám đề-nghị một điều gì cả ; nên bọn cầm bút chúng ta phải mở lối, có sáng-kiến cải-thiện những phương-tiện phát-biểu tư-tưởng của Việt-ngữ, rồi các học-giả mới thu-thập những kinh-nghiệm của ta mà đặt thành ngữ-pháp.

Theo thiên-kiến, ta nên theo hai quy-tắc :

— Rút ngắn được tiếng mà không bớt nghĩa thì cứ rút, chẳng hạn ta có thể viết đề-cập một vấn-đề, gia-nhập một phong-trào, tôi đã hoàn anh ấy một số tiền ; không cần viết : đề-cập tới, gia-nhập vào, hoàn lại cho...

Tất-nhiên, như vậy không phải là chủ-trương nên bỏ hết những giới-từ. Nhiều khi nó cần-thiết như **nói với ai** mà bỏ **với** đi nghĩa sẽ thay đổi hẳn ; lại có khi nó tuy không cần-thiết mà có ích, có giá-trị của một hư-từ, làm cho giọng văn hoặc kiêu cách hơn, hoặc thân-mật hơn. (Điều này tôi sẽ xét ở cuốn Luyện-văn III, trong một chương về lối hành-văn của vài nhà như Nguyễn-Tuân, Tô-Hoài...)

— Khi Việt-ngữ đã sẵn có một cách để phô-diễn đúng tư-tưởng thì đừng nên mượn cách phô-diễn của ngoại-quốc. Chủ-trương đó của tôi, chắc bạn đã đoán được khi đọc lời tôi phê-bình những câu của Việt-Hà, Triều-Son.

✱

Đến công-việc tạo những cách phô-diễn mới thì thật là khó, khó nhưng cần-thiết. Phải có dịch những tác-phẩm về văn-chương, triết-lý của Âu-Mỹ mới thấy rằng tiếng của mình hiện-thời tuy là một bộ máy rất tinh-vi song vẫn chưa hoàn-toàn làm thỏa-mãn ta được. Đề diễn tình-cảm thì nó tế-nhị lắm, mà đề diễn tư-tưởng thì nó kém phần minh-bạch, tinh-xác. So với tiếng Anh, tiếng Pháp, nó không có những « thì » của các động-từ và không biến-di tự-dạng. Xin bạn đừng vội hiểu lầm tôi : tôi không chủ-trương cho tự-dạng của Việt-ngữ thay đổi đâu, và khi thấy trên một tập-san nọ, một tác-giả tạo thêm « thì futur antérieur » cho động-từ Việt (đã sẽ thực-hiện), tôi chau mày cực-kỳ khó chịu như bị ai tát vào mặt vậy.

Nhưng bức mình lắm thưa bạn. Chắc bạn thấy bất-mãn khi đọc bản dịch cảnh chiến-trường Waterloo của tôi trong cuốn Luyện-văn II. Tôi xin trích ra đây một phần câu thứ nhì. Victor Hugo viết :

Toute cette cavalerie (...) descendit (...) la colline de la Belle-Alliance, s'enfonça dans le fond redoutable où tant d'hommes déjà étaient tombés, y disparut dans la fumée, puis sortant de cette ombre, reparut de l'autre côté du vallon ; (...)

mà tôi dịch là :

Tất cả đội kỵ-binh ấy (...) tiến xuống (...) dưới chân đồi Belle-Alliance, đâm vào cái đáy ghê sợ mà ở đó biết bao người đã ngã gục, biến mất trong đám khói, rồi ra khỏi chỗ mù mịt đó, hiện lên ở bên kia thung-lũng ; (...)

Ngoài lỗi rườm : descendit la colline mà dịch là tiến xuống dưới chân đồi — nhưng nếu đọc hết câu của tôi, bạn tất sẽ hiểu vì lẽ gì tôi không thể dịch là **xuống** đồi được — ; và ngoài lỗi dịch thiếu chữ

y (y disparut), còn một lỗi làm cho bạn có thể hiểu lầm được : thực vậy, nếu đọc vội, bạn sẽ tưởng rằng chính những người ngã gục biến mất trong đám khói, mà sự thực là đội kỵ-binh biến mất. Nguyên văn của Victor Hugo rõ ràng lắm, vì **disparut** là số ít nên chủ-từ của nó không thể là **hommes** mà phải là **cavalerie**. Việt-ngữ không có phần biến-di tự-dạng, ta không thể theo tự-dạng mà tìm chủ-từ như tiếng Pháp, đành phải lấy nghĩa mà đoán ; do đó, văn xuôi Việt đôi khi thiếu phần tinh-xác.

Lại thêm bạn tân-học chúng mình gần suốt đời học tiếng Pháp, quen suy-nghĩ như người Pháp mà Việt-ngữ không thay đổi bao nhiêu, nên nhiều lúc chúng ta rất lúng-túng khó chịu. Chẳng hạn khi đọc câu : « Cái cầu của người chết rất cần cho sự biến-hóa », tôi biết tác-giả của nó đã dịch một câu nào đó của Pháp, mà người Pháp nói như vậy thì được, còn ta nói thì trời tai quá. Sửa làm sao cho vừa gọn vừa mạnh, vừa đúng nghĩa bây giờ ? Chữ **de** của Pháp quả thực tiện-lợi, chữ **của** của ta không dịch nó nổi.

Lời đề-tặng dưới đây của một ông bạn văn cũng đã làm tôi ngó-ngần trong một giây « Thân tặng anh với rất nhiều cảm tình về văn-chương của tôi » rồi mới hiểu **của** tôi ở đó chỉ-dịnh **cảm-tình** chứ không chỉ-dịnh **văn-chương**. Sửa cách nào ! Thực khó nghĩ.

Giận nhất là khi tôi dịch từ-ngữ **organisation scientifique du travail**. Chỉ có bốn chữ dễ-dàng như vậy mà xoay xở hoài cũng không ổn. « Tờ-chức khoa-học của công việc » ư ? Ngây-ngô lắm. Tôi đành dịch càn là « Tờ-chức công việc theo khoa-học » vậy, đã dài mà không thật đúng nghĩa. Nguyên-do chỉ tại dùng

chữ khoa-học làm danh-từ, tính-từ hay trạng-từ thì cũng viết một cách đó, mà dùng chữ tổ-chức làm danh-từ hay động-từ cũng được, cho nên khi viết tổ-chức khoa-học của công việc, người ta có thể hiểu khoa-học là danh-từ bổ-túc cho động-từ tổ-chức, hay là tính-từ thêm nghĩa cho danh-từ tổ-chức, hay là trạng-từ thêm-nghĩa cho động-từ tổ-chức.

Tính-cách tự-động bất-biến của Việt-ngữ thật bất-tiện. *Un chemin de sable* với *un chemin sablonneux*, *un conseil de prudence* với *un conseil prudent*, nghĩa khác nhau xa. Dịch làm sao cho gọn mà đúng? Những tế-nhị ấy, khi mô-tả, tự-sự, hoặc viết một bài luận tầm thường, ta có thể xoay xở lời văn, thêm một vài tiếng miễn diễn sao cho gần đúng là được; nhưng khi phải bàn về triết-lý hay khoa-học cần sự gọn-gàng, sáng-sủa và tinh-xác đến cực-điểm ta không sao bỏ qua được và thấy tiếng của mình còn thiếu nhiều phương-tiện.

Có lẽ người Trung-Hoa cũng đã lúng-túng như ta nên một vài nhà đã tìm cách giải-quyết, dùng chữ 的 (dịch) để dịch chữ *de* của Pháp, chữ *of* của Anh; chữ 底 (đề) để chỉ rằng tiếng đứng trước nó là tính-từ, và chữ 地 (l) (địa) để chỉ một trạng-từ: nhờ vậy họ dịch được một cách dễ-dàng và đúng những từ-ngữ:

activité de la raison = 理智的活動 (lý-trí dịch hoạt-dộng),

activité raisonnable = 理智底活動 (lý-trí đề hoạt-dộng)

Il travaille soigneusement = 他留心地工作 (tha lưu-tâm địa công-tác)

conseil de prudence = 謹重的訓誨 (cần-trọng dịch huấn-hối)

conseil prudent = 謹重底訓誨 (cần-trọng đề huấn-hối)

Đó là tôi mới đưa ra một trong hàng

chục nỗi khó-khăn mà dịch-giả nào cũng vấp phải vì tính-cách tự-dạng bất-biến của tiếng Việt. Giải-quyết cách nào được? Tạo những tiếng mới và những quy-tắc mới ư? Tất-nhiên rồi, nhưng tạo cách nào?

Một sinh-ngữ cũng như một sinh-vật, phát-triển lần lần và sau một thời-gian, có thể biến-đổi đến khó nhận được ra. So-sánh tiếng Pháp trong câu này ở thế-kỷ 13:

L'empereur tant li dunez avoir.

Với tiếng Pháp ngày nay thì thấy rõ điều đó. Hồi ấy, người Pháp còn theo tiếng la-tinh, thay đổi cách viết của danh-từ tùy nó làm chủ-ngữ hay bổ-túc-ngữ. Như chữ *empereur* làm bổ-túc-ngữ thì phải viết *empereür*, làm chủ-ngữ thì phải viết *emperere*. Vậy câu trên chuyển ra tiếng Pháp ngày nay, thành:

A l'empereur tant lui donnez de présents.
Tới thế kỷ 16, Pháp-ngữ còn nặng-nề lúng-túng: *Et principalement vouloye, par ce mien labeur, servir à nos françois: desquels j'en voyées plusieurs avoir faim et soif de Jésus Christ: et bien peu qui en eussent receu droicte congnaissance. Laquelle mienne délibération on pourra faeilement apercevoir.*

Xét vậy rồi lại nhớ con đường tiến-triển của Việt-ngữ trong khoảng bốn năm chục năm nay, thì ai là người dám quyết-đoán được một, hai thế-kỷ nữa, tiếng mình sẽ ra sao. Tất có nhiều biến đổi lắm, nhưng biến-đổi nào cũng phải từ từ mới có lợi, chứ cứ tạo đại những tiếng mới, những quy-tắc mới chỉ là một hành-dộng vô ý-thức. Có lẽ cần công-phu dò-dẫm, thí-nghiệm của vài ba thế-hệ, mà thế-hệ của chúng ta có cái vinh-dự được đi phất lá cờ tiên-phong.

(1) Chữ 地 này cũng như chữ 然 trong đột-nhiên, nghiệm-nhiên, và như tiếp-vĩ ngữ ment của Pháp trong *Vraiment*, sérieusement.

GIÒNG SUỐI TRONG BÃI SA-MẠC

NGUYỄN-HUY-THANH

TRÊN bãi sa-mạc mênh-mông, dưới trời nắng như thiêu như đốt, với những đợt gió cát nóng bỏng da, giòng suối trong vắt, mát rượi có một giá-trị thiêng-liêng đối với kẻ lữ-hành kiệt sức, đang bị cái khát cháy họng hành-hạ.

Một nhà kinh-tế-học tinh-khôn đã nghĩ cách lợi-dụng giòng suối này. Ông ta cho rào chung-quanh giòng suối ấy nhiều vòng hàng rào kiên-cố, có thể gọi là bất-khả xâm-phạm, rồi ở cửa ra vào treo một tấm biển đề : « Ở đây có nước ».

Đoàn khách-thương thứ nhất đi qua, trông thấy tấm biển, không lưu-ý, bỏ qua vì họ hãy còn nhiều nước dự-trữ đủ để đi đến độ khát.

Đoàn khách-thương thứ hai tới. Họ không dấu nổi sự vui mừng khi họ đọc tấm biển ; nước dự-trữ của họ không còn nhiều, họ sợ không đủ để tới nơi « cây cao bóng mát » sau. Viên trưởng-đoàn liền giao-thiệp với nhà kinh-tế-học. Xin nói ngay là nhà kinh-tế-học của chúng ta là một người lương-thiện, anh ta buôn bán theo đúng luật « cung-cầu ».

— Chúng tôi đang cần nước, yêu-cầu ông làm ơn bán cho chúng tôi, trưởng-đoàn nói với nhà kinh-tế-học.

— Rất sung-sướng được giúp ông. Ông cho đem vào kho của tôi tất cả những hàng-hóa mà đoàn ông mang theo, rồi ông và các bạn ông sang vòng rào thứ hai ; ở đây, các ông có thể tha hồ giải-khát và muốn lấy bao nhiêu nước mang đi cũng được. Nhưng khi đã giải-khát và lấy đủ nước dự-trữ rồi, các ông sẽ rời khỏi nơi này để lại cho tôi tất cả hàng-hóa của các ông.

— Uả, sao lại nở bắt chẹt nhau quá đáng thế ? Một ít nước chảy suốt ngày đêm, rồi tan trong cát, có đáng giá là bao mà ông lại bắt chúng tôi để lại cho ông tất cả của cải của chúng tôi. Tôi muốn đền bù ông, nhưng với giá phải chăng thôi chứ ? Một ít nước, không thể đắt được đến thế ?

— Ông nói thế là làm, nhà kinh-tế-học nhẹ nhàng trả lời, giá-trị của nước tương-đương với sự ích-lợi của nó đối với ông; nếu không có nước, hàng-hóa của ông, lạc-đà của ông và cả đến ông nữa, cũng không ra khỏi được bãi sa-mạc này. Cho ông nước, tức là tôi đã cứu mạng sống của ông, tôi đã cứu mạng sống của những con lạc-đà của ông. Ông nên công-nhận rằng so với hàng-hóa ông đề

lại cho tôi thì tôi đã giúp ông một việc rất lớn-lao vô-kề, tôi đã cứu đời sống của ông. Nhưng thôi, đó là tùy-ý ông, tôi không có bó buộc ông phải theo lời tôi ; đây là một cuộc mua bán mà tôi đề-nghị với ông, còn tùy ông.

Viên trưởng-đoàn cũng biết lý-luận này là đúng nên không nói thêm gì. Sau khi suy nghĩ kỹ càng, ông ta thôi không mua nước nữa, nghĩ rằng với sự cố-gắng nhịn khát, đoàn của ông có thể tới nơi nghỉ sau.

Sự thù-hằn làm tăng sự khát của đoàn.

Đoàn khách-thương thứ ba tới, chở theo những lựa-là, châu-báu quý giá. Đoàn này đã đi lạc trọng bãi sa-mạc, nên khi tới đây, nước của họ đã cạn, người và vật không còn sức chịu đựng cái khát xé cổ họng. Khi họ biết điều-kiện của nhà kinh-tế-học, họ không mà cả gì hết. Họ bỏ lại cho nhà kinh-tế-học tất cả hàng-hóa, họ giải-khát, lấy nước dự-trữ, rồi lên đường. Nhưng họ cảm thấy một sự khát hành-hạ họ không kém sự khát mà họ đã phải chịu đựng trước khi gặp giòng suối : sự khát trả thù.

Một ngày kia, để sửa-soạn một cuộc hành-trình sắp tới, ba đoàn thương-khách gặp nhau. Đoàn thứ ba đề-nghị trả thù nhà kinh-tế-học nọ, đoàn thứ nhì tán-trợ ý-kiến ấy và đoàn thứ nhất nhận lời.

Ngày khởi hành, người ta thấy, đi đầu là một tiểu-đoàn lạc-dã mang trên lưng những bao chứa đầy chất nổ. Như ta đã biết, những bao này được chắt vào kho của nhà kinh-tế-học để đổi lấy một ít nước. Nhưng ngày hôm sau, ta thấy ba đoàn khách-thương họp lại ăn mừng, trên đồng tro tàn hầy còn đang bốc khói của pháo-dài mà nhà kinh-tế-học đã dựng lên.

Nhà kinh-tế-học của chúng ta đã chết, chết chỉ vì đã chiếm được một cứ-diểm đặc-biệt cho phép trục-lợi giá-trị của những vật-dụng cần-thiết cho đời sống con người.

Than ôi, hệ-thống kinh-tế thế-giới hiện nay cũng vậy. Nhiều vị-trí quan-trọng kiểm-soát những nhiên-liệu, vật-liệu, v.v., cần-thiết cho đời sống của nhân-loại đã lọt vào tay một nhóm người, một nhóm công-ty hay quốc-gia nắm giữ ; họ đã lợi-dụng tru-thế của họ mà làm sai-lệch luật « cung-cầu », nhưng lợi cho họ không khác gì giòng suối với pháo-dài của nhà kinh-tế-học của chúng ta.

Mầm chiến-tranh thế-giới do đó mà ra.

NG.-HUY-THANH

Phỏng theo bài : « Les Catégories fondamentales d'une économie ordonnée » của Edmond Laulhère.

NHÂN sinh tự cỏ thùy vô tử,
Lưu đặc đan-tâm chiếu hãn-thanh.

(Người ta sanh ra ai mà không chết, nhưng làm sao khi chết tên còn được lưu trong sử xanh.)

NGUYỄN-CÔNG-TRÚ

CON NGƯỜI TRONG VŨ-TRỤ

Bác-sĩ NGUYỄN-VĂN-BA

SỰ hiểu biết con người và vũ-trụ, năm 1955, khác hẳn với sự hiểu biết năm 1935, nhờ một phát-minh hết sức quan-trọng và một quan-niệm vô-cùng linh-hoạt. Trước trận giặc thứ hai, quan-niệm con người cô-lập, đối với vũ-trụ thì không liên-quan, còn mỗi bộ-phận trong con người thì không tìm thấy được tương-quan sinh-lý gì cả. Đau mắt cứ lo chữa ở mắt, thối tai cứ lo vấy rửa ở tai, nếu bệnh không lành thì vội cho là nan-chứng.

Ngày hôm nay, Tây-Y bước qua con đường mới. Con người ở giữa vũ-trụ, có liên-quan mật-thiết với tất cả vạn-vật, và trong con người, mỗi bộ-phận không thể chữa-trị rời-rạc được. Chẳng những vậy mà thôi, yếu-tố tình-cảm rất quan-trọng : tình-cảm với xác-thân không thể chia lìa ra được. Bệnh xác-thân gây ra bệnh tinh-thần, mà bệnh tinh-thần cũng gây ra bệnh xác-thân được. Thuyết « ngũ-tình ngũ-tạng » của ta ngày nay được trọng-dụng và học-hỏi trong môn học tối tân là « la médecine psycho-somatique » (tinh-thần thể-chất y-học).

Trong khi quan-niệm ấy nói rộng sự tương-quan con người với vũ-trụ, thì sự

phát-minh *điện-tử hiển-vi kính* làm cho mọi vận-dộng trong tế-bào đều được nhìn rõ. Điện-tử hiển-vi kính (microscope électronique) làm to đến 30.000 lần. Dưới kính ấy, khảo-cứu-viên đang xử-dụng bộ máy gì mà phải dùng đến lúp để tìm kéo và kẹp của mình ? Ông làm gì đó ? Ông đang cắt đầu những vi-trùng phá-thương-phong (bacilles tétaniques), mà 6.000 triệu con mới cân nổi 1 gờ-ram. Nhưng chưa hay. Khảo-cứu-viên còn nhìn xem được tế-vi-trùng (virus) là vi-trùng của vi-trùng : tế-vi-trùng bình bồng ngang dọc trong mình vi-trùng như con cung-quăng thả trôi lững lờ trong chậu nước.

Con người trong vũ-trụ

Một đêm tối, ta nhìn xem giải Ngân-Hà như một tấm lụa phất ngang lưng trời. Lấy khuy-thiên-kính để nhìn cho rõ, nội trong tầm tròn của ống kính ấy, ta có thể đếm hàng mấy trăm triệu triệu ngôi sao, tụ-hợp từng nhóm, hoặc nằm theo hình xoắn ốc, hoặc chạy dọc theo một đường dài. Nếu ta quay khuy-thiên-kính khắp bầu trời, mọi nơi ta đều đếm trăm triệu triệu ngôi sao đang nhấp nháy trên không-trung ; nhưng

chừng bỏ kính ra, ngôi sao xa, ta không còn trông được nữa, mà chỉ thấy chừng vài trăm ngôi sao gần như tít như cột dừa sự bất lực nhỏ bé của ta. Ngôi sao gần như tít (trừ mặt trời), cũng phải cách ta 500, 700 đến 1.000 năm ánh sáng. Một năm ánh sáng là gì ? Khi đo dưới đất, người ta dùng cây số ngàn làm đơn-vị. Khi nói hai ngôi sao xa nhau là bao nhiêu, các nhà khoa-học đều dùng năm ánh-sáng làm đơn-vị. Một giây đồng-hồ ánh-sáng chạy mau 300.000 cây số ; một năm có bao nhiêu giây thì có bấy nhiêu lần hơn cho ba trăm ngàn cây số ; ước chừng 10.000.000.000.000 cây số. Một năm ánh-sáng tức là số cây số vừa nói trên. Hai ngôi sao gần nhau như tít cách nhau 10 năm ánh-sáng và những ngôi sao ta trông thấy trong khuy-thiên-kính cách ta đến một triệu năm ánh-sáng. Ta thử tưởng-tượng một chiếc máy bay bay 1.000 cây số một giờ mịt-mù trên Thái-Bình-Dương, cứ vài ba giờ thả trên không-trung một hạt đậu, thì ta có thể hình-dung được sự cách-biệt và sự nhỏ bé của những ngôi sao trong vũ-trụ bao-la.

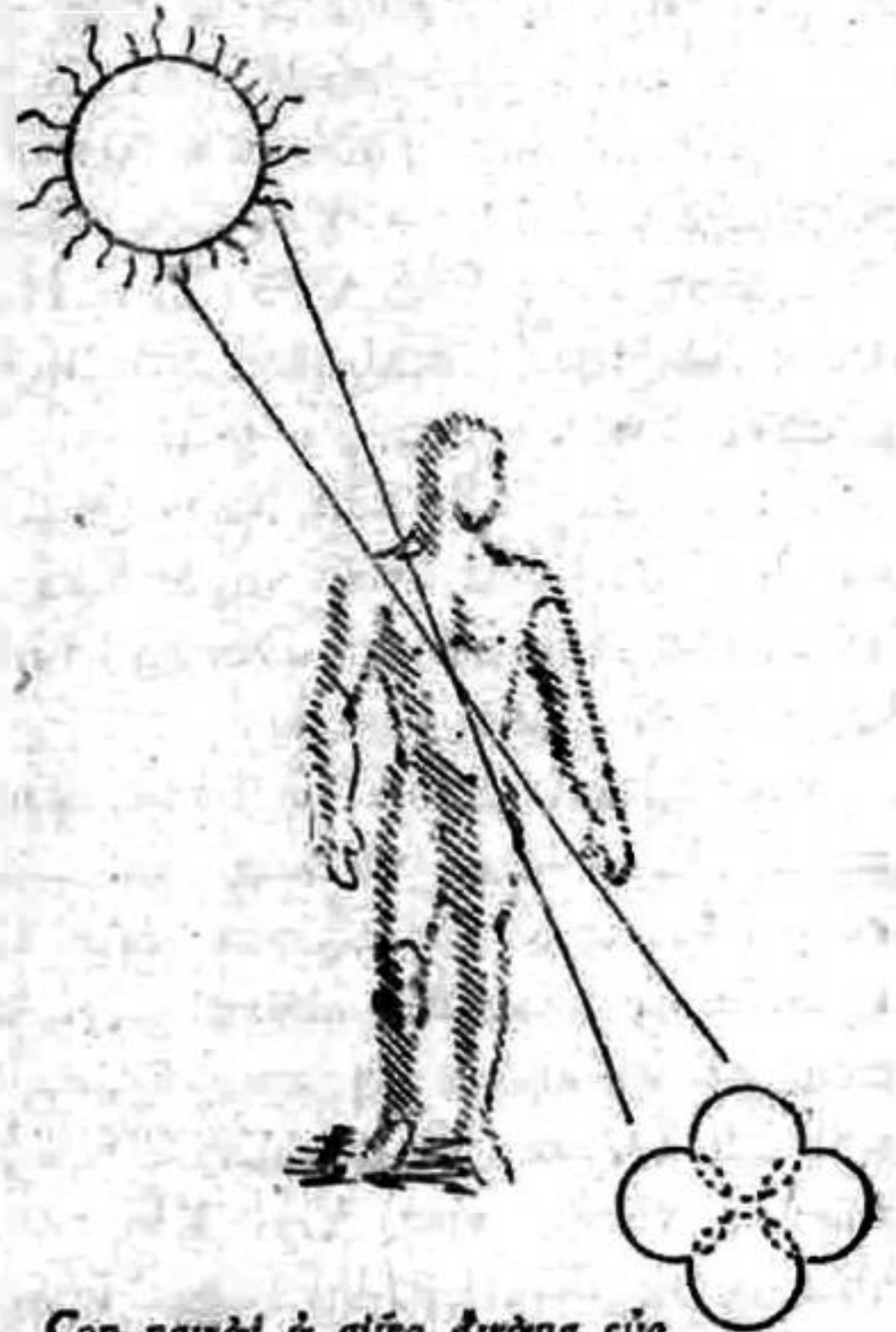
Mặt trời của ta, sớm mọc phương đông chiều lặn phương tây, cũng là một ngôi sao rất tầm-thường trong trăm triệu triệu ngôi sao khác. Nó tự quay tròn như vù 100 cây số một giây đồng-hồ. Chung-quanh nó, xoay 7 hành-tinh, mà hành-tinh thứ tư là quả đất ta đang ở, trên ấy sống vài ba ngàn triệu con người, trong đó có ta vậy.

Điện tử trong con người

Con người, cục đất, miếng sắt, khúc gỗ, quyển sách ta cầm, không khí ta thở, mặt trời chiếu sáng, tất cả đều do một thể mà ra, do *điện-tử* cấu-thành. Điện-tử cấu tạo muôn loài vạn-vật chỉ có một mà thôi.

Do cách sắp-dặt của điện-tử mà chất khác nhau, còn *thể* thì có một. Quan-niệm Vạn-Vật Nhứt Thể của phương Đông được hoàn-toàn nhìn nhận từ khi trái bom nguyên-tử đầu tiên nổ tại Hiroshima. Vậy chớ điện-tử là gì, nguyên-tử là gì mà có liên-quan đến sự nghiên-cứu y-lý của ta ?

Một con vù đang quay tít trước mắt bỗng-nhiên càng nhỏ, càng nhỏ lại càng quay tít mau hơn, nhỏ đến nỗi phải sắp 100.000.000.000.000.000.000.000.000 con liền nhau mới đầy 1 phân tây ; và mau đến nỗi một giây đồng hồ, nó tự quay được 1.000 triệu lần. Hạt điện-tử là con vù nhỏ như thế và quay mau như thế đó. Mạnh-lực điện-tử xô-dẩy hay thu-hút nhau gọi là điện (*électricité*) ; áp-lực điện-tử tạo chung quanh nó gọi là từ-điện (*magnétisme*). Có điện-tử âm và điện-tử dương. Hạt điện-tử dương ở giữa, một hoặc nhiều điện-tử âm chạy chung-quanh, như hành-



Con người ở giữa đường của mặt trời và hạt nguyên-tử

trình xoay chung-quanh mặt trời là một điện-tử hệ, thường gọi là nguyên-tử. Điện-tử âm chạy chung-quanh điện-tử dương với tốc-lực 150.000 cây số một giây-dồng hồ. Nếu phá được nguyên-tử, thì hột điện-tử sẽ bị bắn tung ra với một tốc-lực tương-dương, tạo nên một sức-mạnh lạ thường, gọi là nguyên-tử-lực.

1 với 28 con 0 nguyên-tử làm thành một người, cũng như 1 với 28 con 0 người thì to bằng mặt trời đang chiếu chúng ta : con người ở giữa đường của mặt trời và nguyên-tử, của đại khối và tiểu khối vậy. Đông-Y chúng ta dạy « hơn thọ thiên địa chi trung dĩ sanh » thật không phải là ngoa chút nào.

Lý và Khí

Nay ta trở về vườn cũ Đông-Y, lật ít trang giấy bản, xin chép lại vài giòng đề cùng nhau ốn cổ được trí tân. Trong Y Tôn Kim Giám, quyển 4 có bài thiệu Thái Hư Lý Khí Thiên-Địa Âm Dương-Ca, như sau này : « Vô Cực Thái Hư Khí trung Lý ; Thái Cực Thái Hư Lý trung Khí ; thừa Khí động tịnh sinh Âm Dương, Âm Dương chi phân vi Thiên Địa : vị hữu Thiên Địa khí sinh Hình ; dĩ hữu Thiên Địa Hình ngụ Khí ; tòng Hình cứu Khí viết Âm-Dương ; tức Khí quan Lý viết Thái Cực ».

Vũ-trụ bao-la gọi là Thái Hư, *Thái* là nói cực-kỳ chí-dại, vô-cùng vô-tận không có hạn-lượng gì so-sánh nữa. *Hư* là nói chân-thể ấy trống chớ không đầy. Song, trong cái hư-không vô-cùng vô-tận, vô-xú vô-thình ấy, vốn có cái *Lý* và *Khí* cũng vô-cùng vô-tận như vậy. Khi ta muốn nhấn mạnh phần *Lý*, thì ta gọi Thái Hư và *Vô Cực* ; khi ta muốn nhấn mạnh phần *Khí*, thì ta gọi Thái Hư là *Thái Cực*.

Khí là phần hữu-hình, là điện-tử lưu-hành trong vũ-trụ ; Lý là mãnh-lực xoay-văn chủ-tề những điện-tử ấy. Vô Cực và Thái Cực là hai phương-diện nói của một thể Thái Hư ; Lý và Khí tuy nói hai, nhưng chỉ là một (hữu thị Lý tắc hữu thị Khí, hữu thị Khí tắc hữu thị Lý, danh tuy hữu nhị, kỳ thực tắc nhất). Cho nên trong thiệu có nói « nói Vô Cực là nói đến cái Lý chủ-tề xoay văn, cái Khí đang lưu-hành trong Thái Hư ; nói Thái Cực là nói đến cái Khí đang lưu-hành dưới mãnh-lực điều khiển của Lý trong Thái Hư ».

Nhân-khí-cơ (tức là hột điện-tử) xô đẩy hay thu-hút nhau, động-tịnh hoặc trì-trương với nhau, mà sinh điện-âm hay điện-dương ; nên có nói « thừa khí động-tịnh sinh âm-dương ». Hột điện-âm và điện-dương phân-hợp với nhau sinh ra muôn loài vạn-vật, nên nói « âm-dương



Hột điện-tử

chi phân vi thiên địa ». Bởi vậy khi chưa có một vật gì, thì khí-cơ (là điện-tử) nhờ mãnh-lực vận-dộng của Lý, sinh ra hình-chất vật ấy, nên nói « vị hữu thiên địa, khí sinh hình ». Nhưng chừng vật ấy đã sinh ra rồi, thì hình-chất ấy đã ngụ hàm-khí ấy rồi nhờ khí ấy mà muôn loài vạn vật

sinh ra được (thiên đặc chi, dĩ tư vạn vật chi thủy, địa đặc chi, dĩ tư vạn vật chi sinh). Nay phải tổng theo hình mà nghiên-cứu khí ấy, thì mới biết được âm-dương, tức là khí âm khí dương; phải ngay trên khí mà xét cho được Lý, thì mới biết rõ Thái-Cực là vật-chất hữu-hình vận-chuyển bởi sức mạnh vô-hình là Lý vậy. Nên thiệu có nói « tổng hình cứu khí viết âm dương; tức khí quan lý viết Thái-Cực ».

Tổng-kết

Tây-phương nhận trong vũ-trụ bao-la có những hột điện-tử, điều-khiển bởi một mãnh-lực phi-thường. Đông-phương nói trong Thái-Hư có khí là vật-chất chuyển động bởi Lý là mãnh-lực. Điện-tử âm và điện-tử dương hợp lại làm một điện-tử-hệ

hay nguyên-tử, thì Đông-Y nói khí-âm và khí-dương hợp lại làm một khí-cơ, nguyên-tử hay khí-cơ hợp lại làm muôn loài vạn-vật. Cho nên Đông-Y có câu: « Đối-dãi giả Số, lưu-hành giả Khí, chủ-tề giả Lý, tức thử tam cú nhi thiên-địa vạn-vật vô bất bao quát kỳ trung hĩ ». Ở vũ-trụ có âm dương cứng mềm, nặng nhẹ ngày đêm phối-hợp, điều-hòa đối dãi với nhau. Hai đối dãi với nhau sanh ra bốn, đối dãi nữa sanh ra tám, mười sáu, ba mươi hai v.v... nên nói « đối dãi giả Số ». Vật chất đang lưu-hành trong vũ-trụ là Khí, mãnh-lực vận-chuyển khí là Lý. Lý, khí, Số, 3 luật ấy bao quát cả thiên địa vạn-vật, không vật nào ngoài được vậy.

Bác-sĩ NGUYỄN-VĂN-BA

■ Phê-bình.

APELLE là họa-sĩ trứ-danh bậc nhất của Cò Hy-Lạp. Ông rất nghiêm ngặt với mình. Khác hẳn các họa-sĩ khác thường không ưa kẻ khác phê-bình tác-phẩm của mình, ông thường lợi-dụng những lời phê-bình để sửa-chữa cho tác-phẩm của ông được hoàn-mỹ hơn. Người ta kể lại rằng: ông nghĩ ra được một chước rất hay để được nghe những lời bình-phẩm chân-thật. Ông trưng-bày tác-phẩm của ông ở chỗ có đông dân-chúng qua lại, rồi ngồi giấu mình ở sau các bức họa để nghe lời dân-chúng.

Một hôm, ông trưng-bày bức họa một quân-nhân kỵ-mã. Xảy có một người thợ giày qua đó, thấy ông vẽ chiếc giày có chỗ không đúng mới đứng lại chỉ chỗ vẽ sai mà phê-bình. Chiều tới, ông liền sửa lại chỗ vẽ sai đó ngay.

Hôm sau, người thợ giày trên trở lại thấy họa-sĩ đã theo ý mình sửa lại chỗ vẽ sai, liền đâm ra tự-đắc, chỉ-trích chỗ này chỗ nọ, hết chê người lính lại đến con ngựa.

Ông Apelle nghe những lời chỉ-trích quàng-xiên, nòi dóa, cảm mình không nòi, từ sau những bức họa, nhảy xổ ra bảo người thợ giày:

— Này, hỡi anh thợ giày, xin anh chớ vượt quá phạm-vi giày dép của anh.

Câu nói của ông Apelle trở nên một thành-ngữ. Người ta thường dùng để ám-chỉ kẻ không biết gì mà lại hay phê-bình bậy.



THỦ TÓM - TẮT HỌC - THUYẾT LUẬN - LÝ

ÉPICURE

HÀO-NGUYỄN NGUYỄN-HÓA

CHÚNG ta vẫn biết Épicure (1) là một vị giáo-chủ của chủ-nghĩa « khoái-lạc », là triết-gia của « khoái-lạc tối thượng ». Nhiều người thỉnh-thoảng nhắc đến Épicure một cách mỉa-mai hay đùa cợt. Thấy kẻ nào sống theo lạc-thú, ta bảo họ là đồ-dê Épicure. Thấy ai chỉ dùng ngày sống để phụng-sự « cái bụng », ta bảo họ là đồ-dê Épicure... Ta quen đùa rằng, đồ-dê Épicure là tất cả những hạng đệ-tử của Lưu-Linh, Đế-Thích, những kẻ miệt-mài trong những cuộc truy-hoan, những kẻ chỉ biết những bíp-tết, la-gu, sâm-banh, cò-nhác, tóm lại là tất cả những kẻ hành-lạc.

Ta đùa có, mỉa-mai cũng có. Nhưng đùa và mỉa-mai như thế, thật ra ta đã vô-tình làm sai lệch học-thuyết của Épicure nhiều vậy.

Đồ-dê Épicure phải là người như thế nào ?

Ta nên nhớ, chính Épicure thuở sinh-thời, đã sống một cuộc đời rất đạm-bạc, rất giản-dị, rất gần thiên-nhiên mà người dù sống khổ-hạnh của thời-dại nguyên-tử này khó mà có được. Giáo-chủ của chủ-nghĩa khoái-lạc lại đã không thờ bao-tử, không thờ thú-tính. Épicure cũng đồ-dê,

sống trong một khu vườn, chỉ thỏa-mãn vừa - vắn những nhu - cầu rất cần-yếu. Épicure chỉ ăn vừa đủ sống, uống nước lã. Cuối cùng, ông đã chết một cách trong sạch, sau khi đã chịu đựng một cách gan dạ những dày-vò của một cơn bệnh tàn-khốc.

Hiền-nhân (le sage) của Épicure trước hết phải là người sống đạm-bạc và giản-dị. Họ không tham « ngon » và không tham « đẹp » để tránh khỏi bị biến thành nô-lệ. Họ không xem cái chết dưới bộ mặt của ác-quỉ, cũng không xem chết là một sự cứu-rỗi. Trước cái chết, hiền-nhân của Épicure rất thản-nhiên, vì cái chết, đối với họ chỉ là một sự - kiện, một hiện-tượng rất giản-dị, nó hủy-diệt ở người ta mọi cảm-giác muôn mặt. Cái chết không có uy-lực nào có thể làm cho ta hoảng sợ, hơn thế, không có quan-hệ gì đến ta cả.

Đồ-dê Épicure biết rằng sự đau-khò của người ta, nếu là sự đau-khò cực-dộ, thì không bao giờ dây-dứt lâu ngày, còn nếu là nỗi đau-khò tầm-thường, thì ta đều

(1) Épicure : triết-gia Hi-lạp, có lẽ sinh tại Samos vào năm 341 trước T.C. và chết năm 270 trước T.C. Ông chịu ảnh-hưởng học-thuyết Démocrite là một triết-gia Hi-lạp sống vào khoảng thế-kỷ thứ năm trước T.C.

có thể chịu đựng được cả. Bởi thế, họ chịu đựng đau-khò một cách gan dạ. Nếu họ gặp phải những cảnh ngang trái, họ lại khôn-khéo sống lại những kỷ-niệm vui-sướng trong những ngày hạnh-phúc.

Đồ-dệ Épicure nuôi-dưỡng, chăm-chút tình bạn-hữu, đem lại cho lòng người những tình-cảm êm-ái, trù-mến làm cho cuộc đời trở nên êm đẹp. Họ còn là những người đức-hạnh, say-sưa với đạo-đức vì họ hiểu rằng mỗi khi làm một việc thiện, bao giờ người ta cũng cảm thấy hài lòng, khoan-khoái. Hạnh-phúc và đức-hạnh phải đi đôi: một kẻ bất-lương, vô-hạnh, bị xã-hội trừng-trị, lương-tâm dày-vò không thể có hạnh-phúc. Họ còn biết hạnh-phúc chính là sự an-tâm. Đồ-dệ Épicure không tự cho phép mình sống bừa-bãi, phóng-túng. Chính Épicure đã nói trong thư gửi cho Ménécée:

« Người ta không thể sung-sướng nếu không khôn-ngoa, can-đảm, công-bình và chừa-mức, cũng như người ta không thể khôn-ngoa, can-đảm, công-bình, chừa-mức mà không sung-sướng ».

Đồ-dệ của Épicure luôn luôn công-bình, vì phạm một bất-công, người ta không bao giờ được an-tâm, cái an-tâm cứu-cánh của triết-nhân. Kẻ bất-công nếu không bị xã-hội trừng-phạt thì cũng bị lương-tâm cắn rứt, nó phiền-nhiều người ta vô cùng. Mà kẻ đương bị phiền-nhiều thì không thể sung-sướng, không có khoái-lạc. Đồ-dệ Épicure muốn được luôn luôn sống trong khoái-lạc, tất nhiên phải khôn-khéo tránh xa mọi sự phiền-não. Họ làm đủ mọi cách để giữ lòng lúc nào cũng thanh-bình, như thể lòng những đứa trẻ khi lên giường ngủ.

Trong những khoái-lạc, họ lại cần-thận

chọn những khoái-lạc lâu bền và thanh-cao nhất.

Đó là hình-ảnh và tư-cách đồ-dệ của Épicure.

Học - thuyết luân-lý Épicure như thế nào ?

Học-thuyết Épicure là học-thuyết của « khoái-lạc tối-thượng ». Điều ấy không còn ngờ-vực. Épicure tuy theo học Xénocrate (1) ở Nhã-diên, nhưng lại chịu ảnh-hưởng rất nhiều của triết-học Démocrate, một triết-gia Hi-lạp, sống trước ông mấy thế-kỷ là người đã chủ trương rằng: *người ta phải tìm hạnh-phúc trong sự chừa-ngự và điều-hòa dục-vọng*. Bởi thế, nhiều người nói đúng rằng chính trong học-thuyết Démocrate, Épicure đã tìm nguồn-gốc của chủ-nghĩa « khoái-lạc ».

Cũng gần giống Khổng-tử ở Đông-phương, Épicure chỉ chú-trọng đến cuộc sống nhân-sinh. Ông cho rằng có thần-thánh đấy, nhưng thần-thánh không chăm lo gì đến loài người cả. Tin như thế, nên đối với ông, những nền luân-lý cơ-sở trên tôn-giáo xưa nay, không những không có ích-lợi gì cho đời sống nhân-sinh, lại còn gieo rắc lòng mê-tín (2), lòng hoài-nghi, làm cho linh-hồn người ta luôn luôn ngờ-vực, rối loạn, không bao giờ được thanh-tĩnh. Người khôn-ngoa là kẻ hiểu rõ điều ấy để thoát khỏi cái vòng mê-tín ác-hại quấy-nhiều linh-hồn. Bởi vậy mà Épicure công-kích tất cả những nền luân-lý miệt-mải tìm nguyên-tắc xử-thế, hành-động trong tôn-giáo mà ông vẫn cho là vừa mơ-hồ vừa sai lầm. Bảo loài người hãy tìm

(1) Xénocrate, triết-gia Hi-lạp, sinh ở Chalcedoine (406-314 tr. TC) đồ-dệ của Platon.

(2) Mê-tín: ở đây xin hiểu theo nghĩa từ-nguyên: tin theo một điều gì một cách cuồng-nhiệt, gần như mù-quáng.

nguyên-tắc hành-động trong tôn-giáo, theo tư-tưởng Épicure, cũng lằm lạc như khi ta giao bệnh-nhân cho kẻ lười biếng. Nguyên-tắc đầu tiên của học-thuyết Épicure là giữ lòng thanh-tĩnh. Muốn lòng thanh-tĩnh, người ta cần phải dẹp bỏ mọi tư-tưởng vô-ích, mơ-hồ.

Ngoài ra, Épicure còn công-kích tất cả những nền luân-lý cơ-sở trên lý-trí. Những nguyên-tắc luân-lý thoát-thai từ lý-trí cũng đều hảo-huyền, không phù-hợp được với thực-tế nhân-sinh.

Với Épicure, chỉ có một sự thật duy nhất : *ấy là bản-chất chúng ta, và những cảm-giác của nó mà thôi. Không có gì thực hơn chính chúng ta, cũng không có gì thực hơn những cảm-giác mà chúng ta cảm thấy. Cho nên, đối với Épicure, đường đi thích-hợp nhất của con người, đường đi thực-tế chứ không viển-vông mơ-hồ, mà cũng là đường đi duy-nhất, đó là đường đi theo bản-chất con người, và tuân theo sự hướng-dẫn của bản-chất. Đi theo bản-chất, ta sẽ thấy một sự thật sau này : « Chỉ duy-nhất sự khoái-lạc là thích-hợp với chúng ta ».*

Vì lẽ trên, con người tìm kiếm khoái-lạc, đối với bản-chất con người là tự-nhiên, xuôi thuận như giòng nước chảy xuôi, như chiếc buồm thuận gió. Đường thuận, con người không đi, lại kỳ-khu tìm đến những lối quanh, đường dốc, chẳng phải miễn-cường, trái tự-nhiên sao ?

Épicure đã đồng-dục bảo :

« Hãy đi tìm khoái-lạc ». Nhưng khoái-lạc là gì ? Theo ông, khoái-lạc là cái cảm-giác mà chúng ta cảm thấy mỗi khi ta thỏa-mãn được một đòi hỏi của nhu-cầu của bản-chất. Quan-niệm như thế thì khoái-lạc, theo tư-tưởng Épicure là cái gì

rất thường, rất xoàng xĩnh. Ta được một khoái-lạc, khi khát, ta được một ly nước để uống, được một khoái-lạc, khi đói, ta có một bát cơm... Trong các khoái-lạc, phải kể trước hết đến khoái-lạc vật-chất. Chính Épicure đã đặt đúng giá-trị của khoái-lạc vật-chất mà chúng ta, nhiều người vẫn xem thường. Ta hãy nghĩ xem, đối với kẻ đói còn gì hơn một bát cơm, mà hằng ngày mọi người vẫn ăn ? (1)

Nhưng con người, bên cạnh những khoái-lạc vật-chất, còn có những khoái-lạc bao-la hơn : khoái-lạc của linh-hồn. Bao-la hơn, vì trong lúc thể-xác chỉ biết được hiện tại, linh-hồn lại có thể sống trở lại những kỷ-niệm đã qua trong dĩ-vãng hoặc đoán trước được tương-lai.

Theo Épicure, một cuộc đời sung-sướng là một cuộc đời chứa đầy những khoái-lạc. Hay có thể nói : khoái-lạc và chỉ có khoái-lạc mở đầu và kết-thúc một cuộc đời sung-sướng. Những kẻ không được hưởng những khoái-lạc nào quả-quyết là những kẻ khốn-khổ nhất trong đời này. Quan-hệ đến thể trong cuộc sống nhân-sinh, khoái-lạc phải là kẻ hướng-đạo duy-nhất điều-đặt hành-động con người.

Lại cũng vì lẽ, khoái-lạc của linh-hồn có mắt để nhìn được dĩ-vãng và tương-lai mà người ta phải chú-trọng đến nó, chú-trọng đến nó mà không bao giờ lạc-hướng rằng : « Kẻ sung-sướng là kẻ có tấm lòng thái nhiên vô sự ». Có lòng thái

(1) Để làm tài-liệu suy-luận, chúng tôi chép lại đây đoạn văn của Thạch Lam nói Sinh, một nhân-vật trong « Gió đầu mùa », cảm thấy đói : « Khi còn đủ ăn, đủ mặc, chẳng không hề để ý đến cái đói, không bao giờ nghĩ đến, Bấy giờ chẳng mới được hiểu biết cái đói như thế nào. Chẳng rằng mình khi nghĩ đến trước cái mãnh-lực của sự đói, chẳng cảm thấy sự cần dùng của thân-thể trấn-áp được hết cả lệ-luật của tinh-thần ».

nhiên vô sự phải là kết-quả của những sự suy-tính khôn-ngoa, khéo-léo, của những đức-tính giản-dị và chừng mực. Ta chớ nên đề bất kỳ thứ khoái-lạc nào cũng có thể lôi kéo ta dễ-dàng như ánh-sáng quyến-rũ phù-du. Tôn-thờ và tìm kiếm khoái-lạc, ta phải hiểu rằng nhắm mắt đua theo mọi khoái-lạc chỉ tỏ làm mất cả khoái-lạc. Chắc-chắn người ta sẽ mất tấm lòng thanh-bình là một khoái-lạc lâu bền. Nếu không khéo dẫn-đo, suy-tính, đua theo khoái-lạc, ta sẽ bị sớm đưa đẩy đến những sự đau-dớn về thể-xác, đau-khổ trong tâm-hồn.

Tự đẩy đưa đến một vấn-đề. Tôn-thờ khoái-lạc, nhưng muốn được hưởng khoái-lạc lâu bền, thực sự, phải biết cách tìm khoái-lạc.

Tìm khoái-lạc bằng cách nào ?

Tìm khoái-lạc bằng cách nào là vấn-đề của phương-châm hành-động mà Épicure đã đề ra, căn-cứ trên sự khéo-léo và chừng mực ta đã nói trên. Khoái-lạc nào đáng tìm đến, khoái-lạc nào nên tránh đi ?

Đề trả lời, Épicure nêu bốn phương-châm cố thể tùy trường-hợp áp-dụng :

1.— Có những khoái-lạc thuần-túy ; gọi thuần-túy vì nó không bao giờ đem đến cho ta sự phiền-não dù lớn, nhỏ. Những khoái-lạc thuộc loại này nên cố mà đạt đến. Ví như ta nên đạt đến cái khoái của an-tâm.

2.— Những điều gì có thể làm phiền ta mà không đem đến một khoái-lạc nào thì hãy tránh đi. Kẻ chạy chọt để được một địa-vị không phải là một kẻ khôn-ngoa.

3.— Tránh những cuộc giải-trí, những khoái-lạc có thể gây cho ta nhiều bận-tâm phiền muộn, hay có thể làm cho ta không hưởng được một khoái-lạc khác khoái-lạc hơn. Những người

tìm lạc-thú trong rượu, thuốc phiện hẳn đều thấy rõ những lạc-thú này chỉ làm cho họ thêm bận-tâm. Những nỗi chán-chường hay hối-hận mà những kẻ phóng-dăng thường cảm thấy sau những cuộc truy-hoan cũng đáng để ta suy-nghĩ.

4) Cuối cùng hãy nhận lấy những sự bận-tâm phiền-phức nào giúp cho ta thoát khỏi một phiền-phức khác còn phiền-phức hơn, hay nhận những phiền-phức có thể đem lại một khoái-lạc lớn. Đối với Kiều-nguyệt-Nga (1) trốn khỏi nhà Bùi Ông để dẫn thân vào những ngày vô-định là phiền đấy, nhưng nàng đã chọn đường ấy là cốt để tránh sự phiền-phức đau-khổ lớn hơn là phải kết-hôn cùng Bùi-Kiểm. Nguyễn-dinh-Chiều đã không nhận tiền trợ-cấp của Chánh-phủ bảo-hộ Pháp, thích sống thanh-bần để được an-tâm sung-sướng, cũng là một lối xuất-xử hợp phương-châm luân-lý Épicure.

Qua những phương-châm luân-lý ấy, ta thấy để được hưởng khoái-lạc, đồ-đề Épicure phải « tính toán kỹ càng », nghĩa là phải khéo-léo, khôn-ngoa.

Và để giúp cho hành-động, Épicure đã chia những ham muốn của người ta làm ba loại :

1.— Những ham muốn tự-nhiên và cần-thiết. Loại ham muốn này là những nhu-cầu nhằm thỏa-mãn những ham muốn, đòi hỏi tối-thiết của cơ-thể. Con người đói ăn, khát uống. Ăn uống cho người ta những khoái-lạc rất tự nhiên mà tạo-hóa đã phú cho, không thể từ bỏ đi được. Loại nhu-cầu này vì rằng tự-nhiên và cần-thiết nên phải được thỏa-mãn luôn luôn.

2.— Những ham muốn tự-nhiên và không cần-thiết. Loại này khiến người ta không những phải ăn, phải mặc mà còn

(1) Nhân-vật trong Lục-Vân-Tiên.

khiến muốn ăn « ngon », mặc « đẹp ». Ăn, mặc là ham muốn tự-nhiên và cần-thiết; « ngon và đẹp » không cần-thiết. Tuy-nhiên, hiền-nhân cũng có thể thỉnh-thoảng cho phép mình hưởng được, nhưng chỉ thỉnh-thoảng thôi. Vì rằng tìm ngon, tìm đẹp rất dễ thành thói quen. Mà khi đã thành thói quen, nó biến chúng ta trở nên nô-lệ nó.

3.— Những ham muốn không tự-nhiên mà cũng không cần-thiết. Những ham muốn này chỉ do trí tưởng-tượng, ý-kiến hoang-đường của loài người bày đặt ra. Đó là lòng ham muốn của những kẻ « hoặc chết, hoặc làm vua », của những kẻ tranh-giành địa-vị, thích mang huy-chương, ưa nổi danh, ưa cai-trị, ưa giàu có. Loại ham muốn này không những không cần mà còn không bao giờ thỏa-mãn được vì lẽ « lòng tham không đáy », ham muốn không chừng. Kẻ khôn-ngoaan chớ để buông trôi theo loại ham muốn này vì chỉ tồ làm ta phải phiền.

Tới đây, ta thấy học-thuyết Épicure về khoái-lạc cũng rõ-ràng như một bài toán. Con người càng có nhiều ham muốn, nhiều thói quen thì càng khổ-sở. Ta chỉ nên tuân theo tự-nhiên mà chớ thúc-ép tự-nhiên, chớ tưởng-tượng hoang-đường mà làm cho cuộc sống mất cả lạc-thú.

Phê-bình học-thuyết Épicure

Con người, tuy là của xã-hội, nhưng còn là con người trong vũ-trụ. Chỉ chú-trọng đến tính-chất xã-hội của con người như Épicure là một thiếu sót lớn. Cũng như người ta đã tìm cách bỏ siêu-hình, nhưng con người vốn là siêu-hình. Vì thế, nền triết-học nào chỉ nói đến cuộc sống nhân-sinh mà thôi, không thể thỏa-mãn được con người, không giải-đáp được mọi bận-

tâm của con người. Chớ nên tách rời con người khỏi vũ-trụ, vì không ai có thể nói đến con người ngoài vũ-trụ mà cho là đúng-đắn được.

Khoái-lạc, đối với Épicure dù tối-thượng nhưng muốn đạt đến phải tính-toán khôn-ngoaan, như thế tức là người ta chỉ đạt được khoái-lạc vì « Lý-trí ». Bởi không lý-trí, dù tôn-thờ khoái-lạc cũng không tài nào đạt đến. Bởi vậy, có thể nói luân-lý Épicure là « luân-lý vừa của khoái-lạc, vừa của lý-trí ». Nhưng cuộc đời không phải là một bài toán khô-khan. Con người lại cũng không phải là một cái máy toán mà kỳ thật rất phức-tạp nhưng cũng rất tế-nhị, rất can-trường nhưng cũng rất mềm yếu, dễ tóm một tiếng, người là một con « vật linh ». Nói một cách quá giản-dị về con người như Épicure, không những không thấu đáo lại có thể làm xáo trộn cuộc sống nhân-sinh, và hạ thấp giá-trị con người.

Xem khoái-lạc vị-kỷ là mục-dích cuối cùng của đời sống, khó nói rằng tâm-hồn được thanh-cao. Chỉ tìm khoái-lạc cho mình, người ta dễ trở nên ích-kỷ, và chỉ tìm lạc-thú trong đời để đưa người ta đến hành-động sai-lầm. Nghĩ tới hưởng-thụ hạnh-phúc trước khi nghĩ đến bổn-phận, nghĩ đến lợi-lộc trước khi đến trách-nhiệm, không phải là những lời khuyên hay-ho của luân-lý. Người chỉ biết đến hạnh-phúc của mình khó mà nói đến hy-sinh. Những tâm-hồn vị-kỷ không những không giữ nguyên được khả-năng, sinh-lực của nó mà còn làm cho nó héo mòn. Chỉ có thể phát-triển đến cùng-cực khả-năng của tâm-hồn bằng cách nhiệt-thành phụng-sự một cái gì ngoài nó và cao hơn nó.

HÀO-NGUYỄN NGUYỄN-HÓA

GIÁO-DỤC VỀ HỢP-TÁC-XÃ

PHAN-VĂN-TRÍ

Ai cũng muốn xây-dựng phong-trào hợp-tác-xã trên những căn-bản lành-mạnh, và ai cũng biết muốn thực-hiện nguyện-vọng ấy, một chương-trình giáo-dục thích-hợp cần được thiết-lập và thi-hành triệt-đề.

Sự thiết-lập một chương-trình giáo-dục hợp-tác-xã sẽ rất cần đến nhiều khả-năng chuyên-môn của các kỹ-thuật-gia cũng như chuyên-viên hợp-tác-xã. Lẽ tất-nhiên, điều ấy cũng đòi hỏi cả kinh-nghiệm chuyên-môn từng địa-phương nữa.

Nhưng phương-tiện để thi-hành toàn-diện một chương-trình ấy mới là điểm đã mấy ai không khỏi thắc-mắc. Vậy ta cần những phương-tiện nào và ai có thể cung-cấp cho ta những phương-tiện ấy? Ở những nước tiền-tiến, đời sống nhân-dân được đầy đủ, trình-độ văn-hóa cao, lẽ tất-nhiên họ có đủ phương-tiện: TIỀN và NGƯỜI, để tự thiết-lập và thi-hành lấy chương-trình giáo-dục của phong-trào, thân hoặc Chính-Phủ có giúp đỡ cũng chỉ một phần nào. Trái lại, ở những quốc-gia chậm tiến như Việt-Nam, nền kinh-tế đã bị tê-liệt trong nhiều năm biến-cổ, đời sống nhân-dân thiếu no ấm, an-ninh, giáo-dục..., không thể nhất-đán với hay bàn tay trắng, với trạng-thái tinh-thần như vừa

thoát khỏi cơn ác-mộng mà nhân-dân có thể tự tổ-hợp thành những hợp-tác-xã, hơn nữa đâu họ có đủ phương-tiện, sự hiểu biết và kinh-nghiệm chuyên-môn để dám làm những việc quá khả-năng.

Vậy để trả lời câu hỏi trên, hay nói một cách khác, để thi-hành một chương-trình giáo-dục hợp-tác-xã ở Việt-Nam, hai yếu-tố chính cần phải có: TÍN-DỤNG và CON NGƯỜI. Và lẽ dĩ-nhiên, ngoài Chính-phủ, ai là người có thể cấp giúp ta những phương-tiện ấy, ai là người có thể giúp ta đào-tạo CON NGƯỜI thành những chiến-sĩ, những cán-bộ và những chuyên-viên để phụ-trách, thiết-lập rồi thi-hành một chương-trình giáo-dục hợp-tác-xã, ngõ-hầu xây-dựng một tương-lai sáng và mạnh cho phong-trào hợp-tác-xã ở Việt-Nam.

PHƯƠNG-PHÁP GIÁO-DỤC

Phạm-vi chương-trình giáo-dục rộng hay hẹp còn tùy ở phương-tiện ít hay nhiều, hay nói một cách khác tùy ở khả-năng TIỀN và NGƯỜI. Nhưng phương-pháp giáo-dục có nhiều loại và cần được thay đổi tùy theo trình-độ trí-thức, sức tiến-triển của con người và phương-tiện lưu-thông trong nước.

Phương-pháp giáo-dục có thể chia làm hai loại :

a') *Trực-tiếp giáo-dục :*

1') Phần lý-thuyết, lớp học có giảng-viên phụ-trách ;

2') Phần thực-hành, ở các hợp-tác-xã kiểu mẫu.

3') Thảo-luận từng toán giữa các học-viên và chuyên-viên.

4') Mời chuyên-viên đi nghiên-cứu nước ngoài.

b') *Gián-tiếp giáo-dục :*

1') Theo lối hàm-thụ.

2') Do những tập sách nhỏ.

3') Do Đài Phát-thanh.

4') Trên mặt báo chí.

5') Trên màn ảnh, v.v...

CÁC MÔN HỌC : Đại-cương các môn học có thể gồm :

1') Lịch-sử, mục-dích, ích-lợi, phân-loại hợp-tác-xã.

2') Nguyên-tắc.

3') Thành-lập, hoạt-động, ngân-sách hợp-tác-xã.

4') Kế-toán hợp-tác-xã.

5') Quản-trị, quản-ly hợp-tác-xã.

6') Luật, điều-lệ, nội-quy hợp-tác-xã.

Trong khi chờ-đợi một chương-trình giáo-dục hợp-tác-xã với nhiều phương-tiện tài-chánh và chuyên-môn do Chính-phủ cung-cấp, chúng tôi tạm thời áp-dụng lối « gián-tiếp giáo-dục » trên mặt báo chí. Nếu có những ý-kiến sai lầm, mong quý độc-giả và nhất là những chuyên-viên của phong-trào vui-lòng chỉ dẫn để ngày mai mỗi công-dân Việt-Nam sẽ là một viên gạch góp phần xây-dựng một ngôi nhà hợp-tác-xã trên nền-tảng vững-chắc và vĩnh-viễn cho xứ-sở chúng ta.



TỪ CÁCH-MẠNG KỸ-NGHỆ TỚI GIAI-ĐOẠN HỢP-TÁC-XÃ BẮT NGUỒN

Đề chúng ta có một khái-niệm về mục-dích kinh-tế và xã-hội của phong-trào hợp-tác-xã, đề tìm hiểu tại sao người ta đã dùng giải-pháp HTX để giải-quyết vấn-đề nhân-sinh, hay nói một cách khác, đề bảo-vệ quyền sống của giới cần-lao nói riêng và của con người nói chung, ta nên biết qua những biến-chuyển về kỹ-nghệ của bên nước Anh, nơi mà phong-trào HTX bắt nguồn. Anh-Quốc là nơi mà chủ-nghĩa tư-bản đã phát-sinh trước hết. Vào cuối thế-kỷ thứ 18, chủ-nghĩa tư-bản ở bên Anh đã bước từ giai-đoạn thương-mãi sang kỹ-nghệ. Người ta đã bắt đầu sáng-chế được nhiều loại máy móc. Rồi kỹ-nghệ biến-chuyển, điều-kiện nhân-công tại các xưởng kỹ-nghệ cũng biến-chuyển theo. Bao nhiêu công-nhân các ngành thủ-công-nghệ đã phải xếp bỏ dụng-cụ của mình để lần-lượt biến thành lớp người làm công thuộc trọn quyền xử-dụng của giới chủ.

Kết-quả của cuộc cách-mạng kỹ-nghệ đã đem thêm cho nước Anh một lớp người mới lạ trong lịch-sử nhân-loại : *giai-cấp kỹ-nghệ vô-sản*. Sức cần-lao của lớp người này đã trở thành một món hàng giữa chợ, tha hồ cho giới tư-bản trả giá. Giai-cấp kỹ-nghệ vô-sản đã phải bán rẻ sức lao-động với bất cứ một giá nào, bởi lẽ, nếu không bán được, họ sẽ thất-nghiệp, gia-đình họ sẽ đói rách khờ-cực. Thời-kỳ ấy, giai-cấp này cũng đã biết đoàn-kết để binh-vực quyền-lợi cho mình, họ đã tổ-chức đình-công, nhưng kết-quả cũng chẳng được bao nhiêu. Đình-công đối với giai-cấp vô-sản hồi ấy cũng ví như một con dao hai lưỡi, nó có thể đồng-thời gây

thiệt-hại cho giới chủ mà cũng gây bất-lợi cho cả giới thợ.

NGUỒN-GỐC HỢP-TÁC-XÃ

Cũng từ nước Anh mà hợp-tác-xã đã bắt nguồn từ năm 1820 do sáng-kiến của một đảng-viên xã-hội, ông ROBERT OWEN.

Nhưng dưới danh-nghĩa hợp-tác-xã, hoạt-động của Phong-trào Owen đã quá thiên về chính-trị, nên đến năm 1840, phong-trào này kể như đã tê-liệt hẳn. Tuy-nhiên, sự cố-gắng và ảnh-hưởng của ông Robert Owen đã lan-tràn sâu rộng trong giới căn-lao; ông Ben Jones, một nhà lãnh-đạo HTX người Anh đã nói: « Sự thất-bại cuối cùng của Phong-trào Owen cũng như một tiếng sét nổ vang trời, mà muôn ngàn tia sáng đã tung-tóc khắp nơi, trong đó chứa đủ sức sống để gây lại một phong-trào hợp-tác-xã cho hậu-thế. »

Quả thật vậy, kể-tiếp sự thất-bại này đến thất-bại khác, Phong-trào HTX vẫn sống lại và mãi tới nay. Đến năm 1844, Phong-trào HTX lại xuất-hiện giữa thành phố Rochdale bên Anh-Quốc do hai nhà lãnh-đạo đầy thiện-chí hướng-dẫn: ông William Cooper và ông Charles Howarth.

Rochdale là trung-tâm của đô-thị kỹ-nghệ tơ-sợi Lancashire. Hồi ấy, nhà máy tơ-sợi Lancashire là nơi mà điều-kiện và chế-độ lương-bổng rất thấp-kém. Giờ làm việc nhiều mà tiền công rất hạ, từ đàn ông, đàn bà cho tới trẻ con đều phải làm việc từ 6 giờ sáng cho tới 8 giờ tối với số lương ngày không quá 8 pences, (tính theo hối-xuất chính-thức hiện nay, 1 pence trị giá bằng 5 đồng bạc Việt-Nam).

Nhận thấy tình-trạng ấy không thể kéo dài mãi, nên một số công-nhân 28 người-dòm thợ dệt và nhân-công các ngành hoạt

động khác ở thành phố Rochdale đã nhóm họp nhiều lần trong năm 1843 để trù-liệu thành-lập một hợp-tác-xã. Hợp-tác-xã này đã khởi sự hoạt-động vào cuối năm 1844 với số vốn 28 Anh-kim. Từ đấy, một hệ-thống HTX tiêu-thụ lớn dần rồi lan rộng khắp thế-giới và sống mãi tới nay.

Sở-dĩ hợp-tác-xã Rochdale đã thành-công, vì các cấp lãnh-đạo đã biết rõ những lý-do thất-bại buổi đầu của Phong-trào Owen nên trong khi soạn-thảo các chính-sách hoạt-động, họ chỉ chú-trọng đặc-biệt đến quyền-lợi kinh-tế và xã-hội của giới thợ. Kinh-nghiệm cũng đã cho họ biết rằng nếu muốn giải-phóng giới căn-lao khỏi chế-độ công-nô phát-sinh do chủ-nghĩa tư-bản thời không những cần đoàn-kết những người tiêu-thụ thành các HTX tiêu-thụ, mà cũng cần đoàn-kết lớp người sản-xuất thành các hợp-tác-xã sản-xuất.

NHỮNG LÝ-DO ĐÃ ĐEM HTX ROCHDALE TỚI THÀNH-CÔNG.

Dưới đây là 5 yếu-tố chính đã đem HTX Rochdale tới thành-công:

1') Các lãnh-đạo Hợp-tác-Xã đã có sẵn kinh-nghiệm trong các cuộc tổ-chức, đã từng tham-gia các phong-trào chính-trị và tổ-chức đình-công.

2') 20 hội-viên sáng-lập HTX Rochdale đều có đủ tinh-thần hợp-tác và hy-sinh để thắng mọi khó khăn.

3') Vì tin-tưởng ở HTX một giải-pháp duy-nhất để giải-phóng họ khỏi ách TƯ-BẢN, nên đã hoàn-toàn ủng-hộ hợp-tác-xã.

4') Mua bán tiền mặt (HTX thời Robert Owen đã thất-bại một phần cũng do việc mua bán chịu).

5') Tiền lãi do kinh-doanh chỉ trả lại cho những hội-viên có giao-dịch với Hợp-tác-Xã.

SƠ-LƯỢC CÁCH CHUẨN-BỊ

CHO NGƯỜI SẢN-PHỤ THEO PHƯƠNG-PHÁP

« ĐỂ KHÔNG ĐAU »

Nữ Bác-sĩ DƯƠNG-QUỲNH-HOA

(TIẾP THEO)

Bài thứ tư

DẠY cho sản-phụ biết tử-cung phải làm gì trong những biến-chuyển cuối cùng của thai như :

- 1') Thai gò có tác-dụng gì ?
- 2') Những biến-chuyển cuối cùng ra sao ? Đại để :

- Cờ tử-cung thụt vô phía dưới.
- Cờ tử-cung dãn ra.
- Lúc đẩy con ra gồm có : giai-đoạn xương dãn ra, giai-đoạn thịt nở ra, giai-đoạn con ra khỏi âm-hộ.

Cần quan-niệm những biến-chuyển cuối-cùng của thai đúng theo những nhận-thức đã học trong các bài trước như : người sản-phụ phải biết cách thở, phải biết cách đề gân và bóp thịt nghỉ hoạt-động, phải tỉnh-táo đề suy-nghĩ.

Họ phải tới trình-độ kiểm-soát được thường-xuyên bộ óc họ. Sự kiểm-soát đó giúp họ tạo điều-kiện hết sức thuận-lợi cho những biến-chuyển lúc sanh và chống lại những gì không hay do ngoài đem tới (thí-dụ : vẻ lo-lắng của những người chung-quanh làm người sản-phụ sợ), hay xảy ra chính trong bản-thân họ (Thí-dụ : người

mẹ quên không làm động-tác cần-thiết). Những điều không hay đó có thể làm hỏng sự tiến-triển thông-thường.

Bài thứ năm

Bài này dạy sản-phụ biết cách hành-động trong lúc tử-cung nở.

Phải chỉ cho sản-phụ biết tử-cung gò có ý-nghĩa gì và lúc tử-cung gò, họ sẽ cảm thấy gì. Cần cho họ biết điểm giống nhau và điểm khác-biệt giữa cái gò lúc có thai và cái gò lúc sanh (đặc-biệt nhịp và cường-độ của nó lúc sanh và lúc có thai).

Mỗi khi thai gò, người sản-phụ cảm thấy :

- 1') Những bắp thịt không có vai trò gì trong lúc sanh sẽ dãn ra nguyên khối.

- 2') Thở không sâu nhưng mau lẹ : Cách thở ấy thích-ứng với những hoạt-động về cử-động phản-xạ đã học và có lợi là hạn-chế những cử-động quá rộng lớn của hoành-cách-mạc, đồng-thời giữ được dưỡng-khí đầy-dủ.

Bài thứ sáu

Người sản-phụ phải học tự điều-khiển những hành-động mình lúc rặn như là hoành-cách-mạc và những bắp thịt ở bụng phải hoạt-động thế nào. Chỉ cho

họ những cử-dộng cần phải làm để hoạt-dộng của các bắp thịt nói trên có hiệu-quả.

Bài thứ bảy

Mục-dích là trình-bày cho sản-phụ biết vai trò của bộ óc trong lúc sanh. Việc người sản-phụ học-tập về sanh-để tạo cho óc họ những hoạt-dộng mới-mẻ. Trong lúc sanh, trí-óc người sản-phụ phải làm những việc rất quan-trọng như theo dõi cuộc biến-chuyển của việc sanh-để, điều-khiển cơ-thể mình làm những việc thích-ứng, tùy theo từng giai-đoạn. Khi người sản-phụ nắm được vai trò chủ-dộng và hiểu rõ về sanh-để thì những cảm-giác lúc tử-cung biến-đổi sẽ khác hẳn xưa kia.

Những biến-đổi của tử-cung sẽ không còn tánh-chất đau-đớn và người sản-phụ cảm thấy tử-cung nở cũng như họ cảm thấy bắp thịt làm việc trong những hoạt-dộng hằng ngày.

Tới lúc này, người ta chiếu phim do đoàn chuyên-viên ở Bệnh-viện Rouquès quay. Phim này giúp sản-phụ ôn lại những điều đã học và luôn cả những điều sẽ xảy ra lúc sanh.

Bài thứ 8

Ôn lại những gì đã học như : kiểm-điểm lại những cử-dộng về hô-hấp, về bắp thịt nghỉ và về cách rặn. Cho sản-phụ đi thăm nơi họ sẽ sanh. Nếu có điều-kiện, cho họ trực-tiếp với những người đã « đề không đau ».

Tất cả sự chuẩn-bị này phải được hoàn-thành đúng lúc gần sanh để thu-hoạch được kết-quả mỹ-mãn. Muốn chắc-chắn được thành-công, điều-kiện cốt-yếu là phải theo đúng những qui-tắc nêu ra trong bài huấn-luyện. Điều cần nữa là huấn-luyện-viên phải là những người thành-thật tin-

tưởng ở phương-pháp này. Nếu không tôn-trọng những điều nói trên, có thể thất-bại.



Chúng tôi đã tóm-tắt sơ-lược cách chuẩn-bị cho sản-phụ theo phương-pháp : « Đề không đau ». Túc-nhiên, nhiều người sẽ đặt vấn-đề : « Phương-pháp ấy có thể thực-hiện được ở Việt-Nam không ? » Chúng tôi không ngần-ngại trả lời rằng : « Được lắm ». Ở Trung-Hoa, trình-độ văn-hóa của phụ-nữ không cao gì hơn ở xứ ta mà phương-pháp « đề không đau » đã được thực-hiện trong nhiều nhà bảo-sanh. Ở Algérie, tại thành Oran, phương-pháp này đã được áp-dụng ở nhiều nhà bảo-sanh của bệnh-viện đô-thành từ năm 1954 và ở một dưỡng-đường tư. Ngoài ra các cô đỡ cũng tới tận nhà sanh, cho đồng-bào. Thế mà, ở các xứ ấy, đa-số phụ-nữ Hồi-giáo đều mù chữ. Vậy, như chúng tôi đã nói trên, vấn-đề là cách giáo-dục phải làm sao cho hợp với điều-kiện trong xứ.

Nữ Bác-sĩ DƯƠNG-QUỲNH-HOA

Các bạn học-sinh ban Trung-học, các bạn tự-học cũng như các bậc thức-giã đều cần nên có bộ :

LỊCH - SỬ VIỆT - NAM

do PHẠM-HOÀN-MỸ và MỘT NHÓM BẠN GIÁO-SƯ biên-soạn theo phương-pháp mới nhất và tiên-bộ nhất đề : THÀNH và KINH dâng những NGƯỜI đã khổ và đang khổ, đã chết và đang chết để GIỐNG VIỆT được TRƯỜNG-TỒN, NƠI VIỆT được VINH-QUANG.

QUYỀN I (Đệ thất Trung-học giá 35đ.)

QUYỀN II (Đệ lục Trung-học sẽ phát-hành)

QUYỀN III (Đệ ngũ Trung-học đang in)

QUYỀN IV (Đệ tứ Trung-học đang in)

TRÁNG-SĨ HÀNH

T. T. K.

« GIÓ đìu-hiu sông Dịch lạnh-lùng ghê,
Tráng-sĩ một đi không bao giờ về ! (1)
Tay nâng chén rượu già người cũ,
Miệng đọc câu ca, chân bước đi.
Dao tình mài liếc với thanh-khí,
Chí hùng tung bốc đầy sơn-khê,
Nghe tiếng đàn trúc rõ rẻo-rắt,
Mặc cho kẻ hết niềm phân-ly.

NIỀM phân-ly !
Đã bước chân đi khôn hẹn kỳ.
Đời người bất quá vị tri-kỹ,
Sống, chết, nên, chẳng, ai sá chi !
Túi áo xênh-xang ba tấc kiểm,
Bụi hồng dong-ruổi đôi bánh xe.
Ngành lại thành Yên đầy uất-khí,
Thấu lòng họa chi người tương-trí ?

NGƯỜI tương-trí,
Lá gan bầu mật, cùng nhau thề :
Thề đem lấm thân tới giang-hồ,
Giết con cọp dữ rừng man-di,

(1) Kinh-Kha vì vua nước Yên, sang Tần để hành-thích vua Tần. Khi ra đi, vua Yên cùng mọi người tiễn chân đến sông Dịch-Thủy. Có người bạn Kinh-Kha thổi cây đàn trúc, Kinh-Kha liền hát khúc lên đường. Trong khúc hát có hai câu theo nghĩa dịch ra đây, nhân nói thêm vào làm bài Tráng-sĩ-hành.

TRÁNG-SĨ HÀNH

Đời nếu chôn lấp hết công-lý
Anh-hùng hào-kiệt còn ra gì !
Phá núi Thái-sơn, lấp Đông-hải ;
Ấy là phận-sự đàn nam-nhi.

ĐÀN nam-nhi,
Chuyền đất xoay giòi thường có khí.
Khuyên ai chớ học bọn khấn-yếm :
Xa nhau một bước lệ đầm-đĩa.
Liếc mắt khắp trong vũ-trụ đó,
Đâu không là cảnh ta say mê !
Chénh-choáng hơi men bốc chính-khí,
Ngâm câu khẳng-khái mình ta nghe...

« **G**IÓ đưu-huu sóng Dịch lạnh-lùng ghê,
Tráng-sĩ một đi không bao giờ về ».

T. T. K. (Phú-Lâm)



MỘT ĐÊM GIAO-THỪA, NẰM, ĐỢI TIẾNG GÀ

Quyết thức đêm nay, đợi tiếng Gà,
Tiếng gà năm Dậu sười tình ta.
Hai chân trai trẻ nào thua Bạ,
Một kiếp râu mày há thẹn Cha.
Chí ấy còn lâu, lâu mới thỏa,
Lòng đây nay vẫn, vẫn chưa già.
VẬY nèn, sắp sẵn lên Đường Sáng,
Và nhớ : đừng chân, NHỤC chẳng tha.

NGUYỄN-HỮU-NGƯ

HÀN-MẶC-TỬ

QUÁCH-TẤN

VỀ thân-thể và sự-nghiệp văn-chương của **HÀN-MẶC-TỬ**, lâu nay nhiều sách, nhiều báo đã nói đến. Để khỏi lặp lại những điều mà đã nhiều người nói rồi, tôi xin hiến bạn đọc đôi mẩu chuyện chưa hề ra khỏi vòng thân-mật của một số nhỏ bạn-bè. Qua các mẩu chuyện này, quý bạn có thể nhận thấy được đôi cạnh-khía của tâm-hồn **HÀN-MẶC-TỬ**. Chỉ tiếc trong những mẩu chuyện tôi sắp kể, thỉnh-thoảng có chen vào tiếng « TÔI ». Đã biết rằng « CÁI TÔI » là cái dễ ghét, song trong trường-hợp này, không thể tránh cái dễ ghét ấy, vì nó là cái thể để cho câu chuyện đứng vững. Vậy kính mong quý bạn chước lượng.

HÀN - MẶC - TỬ tên thật là **NGUYỄN-TRỌNG-TRÍ**, ban đầu lấy hiệu là **MINH-DUỆ-THỊ**, sau đổi là **PHONG - TRẦN**, lại đổi là **LÊ-THANH**, cuối cùng lấy hiệu là **H.M.T.**

Thân-sinh của **TỬ** gốc người Thanh-Hóa vào cư-trú tại Thanh-Thủy (Thừa-Thiên), nhưng sau đó vào ngạch công-

chức thương-chánh nên phải đi phục-vụ nhiều nơi.

Khi thân-sinh **TỬ** làm việc ở Đồng-Hới thì sanh ra **TỬ**. **TỬ** sanh năm 1912 trên bờ sông Nhật-Lệ (hai chữ **LÊ-THANH** là do chữ **NHẬT - LỆ** và **THANH-THỦY** — **LỆ - THỦY** và **THANH-THỦY** thì đúng hơn — ghép lại).

Tuy gốc-gác ông bà ở Thanh-Hóa, cha mẹ cư-trú ở Thanh-Thủy, và mình lại sanh đẻ ở Đồng-Hới, nhưng **HÀN-MẶC-TỬ** lại tự coi mình là người Bình-Định, vì **TỬ** sống ở Qui-Nhơn trong khoảng thời-gian lâu nhất, và chính tại Qui-Nhơn mà **TỬ** lập nên sự-nghiệp văn-chương cùng nổi danh trong đất nước.

TỬ bắt đầu nổi danh vào khoảng 1930-1931 do lời giới-thiệu của **PHAN-SÀO-NAM** tiên-sinh về những bài Đường-luật **THỨC KHUYA**, **CHÙA HOANG**, **GÁI Ở CHÙA** và dưới biệt-hiệu **P.T. QUI NHƠN**. Lúc ấy tôi ở Đà-lạt, không biết **P.T.** là ai, mới nhờ ông bạn **NGUYỄN-TRÁP** làm việc ở Tòa sứ Qui-Nhơn tìm hỏi thăm.

Ở Qui-Nhơn có một người tên PHAN-TOẠI biết làm thơ, ai nấy cũng nghi P.T. là ông ấy. Ông ấy không công-nhận nhưng cũng không cải-chính. Vì biết rõ văn-tài của ông TOẠI nên tôi yêu-cầu ông TRẮP ráng tìm cho ra ông P.T.. Ngót mấy tháng trời, nói chuyện với ai ông TRẮP cũng hỏi thăm P.T.

Một hôm tại phòng khám bệnh Qui-Nhơn, ông TRẮP ngồi nói chuyện cùng mấy ông bạn quen. Ông TRẮP nói :

— Không biết P.T. là thằng cha nào mà hay thơ ác-nghiệt làm cho lão TẤN say-mê bắt tôi tìm cho ra mới chịu. Lâu nay tìm đã hết hơi nhưng không gặp !

Lúc ấy có một số anh em học-sinh đến xin giấy chứng sức khỏe. Trong đám học-sinh, một người thân-vóc mảnh-khảnh bước ra lễ-phép thưa :

— P.T. là PHONG-TRẦN.

Ông TRẮP chụp ngay :

— PHONG-TRẦN là ai, em biết không ?

Cậu học sinh e-lệ đáp :

— Là em.

Ông TRẮP rất ngạc-nhiên và có ý ngờ, song sau khi nói chuyện mấy bài thơ đã nổi danh, thì ông TRẮP mừng không xiết. Hỏi thăm rõ địa-chỉ rồi viết thư ngay cho tôi. Từ ấy, Tử và tôi trở thành một đôi bạn.

Tử đối với tôi chẳng những là một người bạn văn-chương, mà còn là một người bạn tâm-tình. Trong cuộc sống hằng ngày, không có một cuộc vui buồn nào, không có một tâm-sự gì mà chúng tôi dẫu nhau. Thỉnh-thoảng, chúng tôi tìm thăm nhau và luôn luôn viết thư cho nhau.

Một tuần, chúng tôi phải gửi cho nhau một bức thư là ít nhất. Quá một tuần mà vắng tin nhau thì trong lòng đã sanh hờn

giận. Lắm lúc trong thư và cả trong thơ, chúng tôi phải gọi nhau bằng « MÌNH » mới thấy « đã » được lòng thương nhớ. Tử có bài thơ gửi trách tôi :

*Trường-Xuyên ơi, Trường-Xuyên ơi,
Viết chẳng nên câu nói ghen lời !
Mây nước bao-la tình lẳng-lặng,
Cỏ sương mờ-mịt mắt chơi-vơi.
Tương-tư mộng quyến năm canh mộng,
Luyến-ái trời vương bốn phía trời.
Đầy nhớ đầy thương, mình lẹ quá !
Có ai khấn-khút lại quên ai !*

Và sau một giấc mộng ban trưa, tôi gửi cho Tử một bài :

*Ơi Lệ-Thanh, ơi Lệ-Thanh,
Một giấc trưa nay lại gặp mình.
Nhan-sắc châu pha màu phú-quí,
Tài-ba bút trổ nét tinh-anh.
Rượu tàn thu cũ say-sưa chuyện,
Hương tạ trời cao bát-ngát tình.
Tôi khóc tôi cười vang cả mộng,
Gió đưa thương nhớ lạc qua mình.*

Tình thương-yêu nhau chẳng những bộc-lộ trong lời nói, mà còn biểu-hiện nơi cử-chỉ. Đi chơi với tôi, Tử thường cắp tay tôi mà luôn luôn dành đi phía tay phải. Tôi hỏi, Tử hóm-hỉnh đáp :

— Đề khỏi thấy cái sọc của anh.

Yêu cầu nói sự thật, Tử cười đáp :

— Nhìn anh ở phía tay mặt thì thấy dễ thương. Còn nhìn phía trái thì thật dễ ghét. Có lẽ vì cái sọc : hể tôi trông thấy nó, thì nó hóa làm hai rồi chạy tuột vào đôi mắt tôi làm tôi rất khó chịu.

Những lúc ngồi chơi nơi bãi bè, Tử thường nằm gối đầu lên vẻ tôi, mắt dăm dăm nhìn chân trời xanh. Một hôm trên bãi bè Nhatrang, tôi bông-dùa :

— Phải chi Trí là giai-nhân.

Khi về Qui-Nhơn, Tử cải-trang phụ-nữ và chụp ảnh gửi vào với câu : « Giai-nhân của Tấn đó, tình có còn ước-mơ ? ».

Tánh Tử nhiều khi hóm-bỉnh, nhiều khi lại rất thật-thà. Năm 1935, tôi ở Da-lat dời xuống Nhatrang, Tử vào thăm. Một phú-thương Trung-Hoa mời chúng tôi ăn tiệc. Tân-khách có trên mười người mà chỉ có Tử và tôi là người Việt. Món ăn hầu hết là hải-vị. Mỗi món đem lên đều có lời giới-thiệu ngon-lành của chủ-nhân. Tử rất thích ý. Đến món hải-sâm. Tử hỏi :

— Thứ sâm này có bồ bằng Huê-kỳ-sâm hoặc Cao-Ly-sâm chẳng ?

Một ông bạn Trung-Hoa đáp :

— Hải-sâm là một sinh-vật ở biển.

Một ông bạn khác vội tiếp :

— Đó là giống địa biển.

Tử ngạc-nhiên :

— Địa biển ?

— Phải, nó giống như địa đồng, nhưng to lớn hơn. Có con lớn bằng cườm tay, cườm chân.

Tử nhìn tôi có vẻ lo-lắng khi thấy tôi múc hải-sâm. Tử lắc đầu, nhưng bị chủ-nhân nài-ép, phải nếm một muỗng nhỏ rồi nhất định từ-chối. Tôi tưởng rằng chỉ vì không hạp khẩu, nhưng khi ra về, dọc đường Tử nắm chặt tay tôi, hỏi :

— Này Tấn, ở bề mà cũng có địa sao ?

Tôi cười đáp :

— Có cả thi-sỹ ngó-ngàn nữa đó.

Tử làm thinh. Hai hôm sau ngồi uống nước trà sớm. Tử hỏi tôi :

— Tấn có sợ địa không ?

— Không sợ nhưng rất gớm.

— Tôi vừa gớm vừa sợ. Nó mềm-mềm lạnh-lạnh... Chao ôi, mới nghĩ đến đã rùng mình ! Mà tôi nghe nói rằng địa đốt cháy ra tro bỏ vào nước liền hóa địa con. Có thật thế không ?

Tôi cười to :

— Vậy món hải-sâm mình ăn hôm nọ

sẽ sanh-sản hải-sâm con trong ruột chó chẳng không !

Tử nói với một giọng thật-thà :

— Tôi ngại quá, Tấn ạ. Hôm đó nghe nói đến địa biển, tôi đã nghĩ ngay đến đoàn địa con. Vì nể chủ-nhân quá phải nếm một muỗng, tôi nhồm hết sức. Nuốt vừa khỏi cồ, mình tôi rờn ọc. Mãi đến nay, nghĩ đến tôi còn rùng mình ! và thấy trong ruột nó sao sao ấy !

Tôi bật cười. Tử rầy :

— Tấn chó cười. Nếu quả thật vậy thì... nó cắn-rứt trong bụng còn có thể chịu được, rui sanh nhiều quá, nó chui ra lỗ mũi, lỗ miệng thì....chết...chết.

Tôi thét lên cười :

— Hèn chi người Tàu bụng chang-bang, vì địa biển !

Tử cầm tay tôi hỏi :

— Chẳng không có thật vậy sao ?

Nhận thấy Tử có vẻ lo-ngại thật tình, tôi bèn chính dung đáp :

— Sao khờ thế ? Nếu quả thật địa sanh-sản như vậy thì hải-sâm còn bán cho ai mà đắt giá.

Tử như sức tỉnh, vui-vẻ bụng chén trà đưa lên mắt xong. Tôi cười :

— Có thấy bầy địa con bơi trong đó chẳng ?

— Không, nhưng vẫn cứ thấy nhồm-nhồm. Và nhất thiết không ăn thử nữa.

Từ ấy, câu chuyện hải-sâm thành một câu giai-thoại trong đám người quen thân.

Sau chuyện hải-sâm được vài tháng, Tử vào Saigon làm báo. Không bao lâu thì trở về. Đi ngang Nhatrang, ghé thăm tôi, tôi nhận thấy hình-vóc Tử sút kém, lại có mang theo một chai thuốc Nam. Hỏi thăm, đáp rằng thuốc trị phong ngứa. Đêm đến, Tử nằm thủ-thỉ kể câu chuyện gặp mưa giông sanh ra phong ngứa.

Tử có một người bạn gái ở Phan-Thiết. Hai bên hẹn nhau thứ bảy nọ cùng đi chơi Lầu Ông-Hoàng. Chiều hôm ấy, ở tòa báo ra chưa kịp ăn uống, Tử lên xe tốc hành ra Phan-Thiết. Người bạn gái đã đợi ở ga. Hai người đi bộ đến Lầu Ông-Hoàng. Đi được nửa đường, vừa đến nghĩa-địa Phan-Thiết, trời phát mưa giông. Hai người đưa nhau đến ngồi dưới chân tấm bia ở cuối nghĩa-địa. Chiếc bia này to lớn và có mái ngói che. Cách bia vài ba mươi thước có một túp lều tranh xiêu vẹo. Ngoài ra, chỉ có mả lớn, mả con, cũ có, mới có. Trời mỗi lúc mỗi tối, gió mỗi lúc mỗi lạnh, rồi mưa đổ. Nhờ có mái bia che mưa gió, hai người khỏi bị ướt. Trời tối đen như mực. Bỗng ở nơi lều tranh có ánh lửa hừng lên rồi tắt, tắt rồi lại hừng, đồng thời lại nổi tiếng rền rền như thùng xăng lặn trên đường cái. Hai người sợ rợn gáy phải ôm riết nhau cho đỡ lạnh và hãi-hùng. Mưa vừa ngớt hai người dắt nhau băng qua nghĩa-địa chạy một mạch về nhà. Sau đêm ấy, cả mình Tử, nhất là đôi chân sanh ra ngứa ngáy phải nhờ ông lang ở Sài Gòn cho uống thuốc Nam mới khỏi. Đề trù cho tiết nọ, ông lang cho thêm một chai đem về Qui-Nhon uống.

Về Qui-Nhon được ít lâu thì Tử ra Bồng-Sơn chơi. Trên con đường nhựa mới tráng, giữa buổi trưa nắng, Tử lại gặp một trận mưa ướt cả quần áo. Tử đó phong ngứa trở lại. Tử tìm cho tôi biết và bảo rằng đã có thư vào Sài Gòn nhờ ông lang hôm trước gởi thuốc ra.

Sau bức thư ấy, Tử viết cho tôi đôi bức nữa rồi vắng bặt. Tôi ra Qui-Nhon tìm thì bà thân Tử bảo rằng Tử đi Gò Bồi uống thuốc. Sau đó, tôi vẫn không được thư của Tử. Tôi ra Qui-Nhon

lần thứ hai. Lần này bà thân Tử và mấy chị Tử đều đi vắng. Từ đấy, tôi không được tin tức gì về Tử cả. Gần nửa năm sau, có người bạn gái ở Qui-Nhon vào Nhatrang cho biết rằng Tử mắc bệnh phong. Tôi nửa tin nửa ngờ. Theo địa-chỉ người bạn cho biết, tôi viết thư ra hỏi Tử. Với một bức thư đầy đau thương, Tử đáp rằng lời người bạn gái đúng sự thật. Tôi bủn rủn tay chơn ! ! Tôi ngờ rằng vì trận mưa ở Phan-Thiết mà Tử nhiễm bệnh và do trận mưa ở Bồng-Sơn mà bệnh phát. Tôi liền lo đi tìm thầy hỏi thuốc. Cậu tôi là ông Đoàn-Phong ở Bình-Khe chịu cho khá. Tôi đưa cậu tôi đến Qui-Nhon chữa cho Tử. Thuốc uống công-hiệu một cách bất ngờ, uống được mười thang thì tay Tử đã co rút lại bỗng ngay ra và lại cầm bút viết được như thường. Tử mừng quá ôm chầm cậu tôi mà khóc nức-nở.

Trước khi cậu tôi đến chữa cho Tử, Tử nằm thấy Đức Mẹ Maria lấy nước thánh rảy khắp mình, nên khi cầm bút viết được, Tử liền soạn bài « MARIA » đề tỏ lòng biết ơn Đức Mẹ.

Nhưng được một ít lâu, bệnh lại trở lại, và Tử lại nhờ thầy khác chữa. Thay thầy đổi thuốc luận mấy bận nhưng rốt cuộc tiền mất tật mang. Đến tháng 9 năm 1940 Tử phải vào nhà thương Qui-Hòa. Trước khi đi, Tử viết thư bảo tôi ra Qui-Nhon và yêu-cầu tôi thấu-thập tất cả các bản-thảo của Tử đem vào Nhatrang. Tử nói :

— Vào Qui-Hòa, tôi mạnh được chẳng nói gì, bằng chết đi thì sự-nghiệp văn-chương của tôi giao cho Tấn trọn quyền sử-dụng.

Vào Qui-Hòa ba tháng thì Tử mất, mất ngày 11 tháng 1 trong cảnh quạnh-hiu, bên giường chỉ có một bà phước và một

người bạn đồng bệnh là anh Xê. Vì không thể đem Tử về Qui-Nhơn được nên phải tạm chôn tại nghĩa-địa Qui-Hòa.

Sau khi Tử mất, theo lời dặn của Tử, gia-đình Tử làm giấy giao bản-quyền văn-thơ của Tử cho tôi. Tôi lượm-lặt tất cả những bút-tích của Tử đem về nhờ viện Pasteur Nha-trang diệt trùng rồi sắp-xếp theo thứ-tự ngày tháng soạn-thảo, tôi định sẽ cho in văn-nghiệp của Tử để lấy tiền dời mộ Tử ra đèo Sơn là nơi bình-sanh Tử rất ưa thích. Nhưng rồi chiến-tranh bùng nổ, tôi đưa gia-quyển về Bình-Định lánh cư, bị kẹt luôn ở đấy chín năm trời. Bao nhiêu sự-nghiệp văn-chương của Tử, cũng như của Tản-Đà, Bích-Khê

và tôi để ở Nha-trang, đều bị chiến-tranh phá hủy !

Từ ngày trở về vùng Quốc-gia, tôi hết sức tìm chép lại. Song các bạn yêu thơ văn Tử, vì cảnh loạn-lạc phải nay đây mai đó, không giữ được gì hơn tôi. Nên hơn hai năm nay, tôi chỉ thu-thập lại được một số rất ít. Tuy thế tôi vẫn có phần yên-tâm vì ông Trần-tái-Phùng, một người bạn thân của Tử, lại là người thuộc gần hết văn-thơ của Tử, hiện đang viết về thân-thế và văn-chương Tử. Nhờ có Mao-Công mà Kinh-Thị của Trung-Hoa khỏi bị thất-truyền. Đối với thơ-văn Hàn-Mặc-Tử ông bạn Trần-tái-Phùng sẽ là Mao-Công vậy.

QUÁCH-TẤN.

TAI trai nên ngang dọc trời đất, không nên quanh-quẩn xó nhà.
TRIỀU-ỒN

THÔNG-MINH nhất nam-tử
Yếu vi thiên-bạ kỳ
Trót sinh ra thì phải có chí chí
Chẳng lẽ tiêu lưng ba vạn sáu !

NGUYỄN-CÔNG-TRƯ

TRONG vũ-trụ đã đành phận-sự,
Phải có danh mà đối với núi sông,
Đi không, chẳng lẽ về không !

NGUYỄN-CÔNG-TRƯ

DỐI với những tâm-hồn thật có thiện-chí, không có giờ phút nào mà không có bồn-phận của giờ phút đó.

J. LEMAISTRE.

TÔI CÒN NHỚ LẠI...

CHIẾC XE « LẾT » CỦA CHA TÔI

VI-HUYỀN-ĐẮC

HỒI đó, tôi còn nhỏ lắm. Hồi đó, trước cả trận thế-giới chiến-tranh lần thứ nhất, nó vào cái khoảng một ngàn chín trăm lẻ mấy năm gì đó, thì một hôm, tôi nghe lỏm thấy một câu chuyện xảy ra giữa cha tôi và mẹ tôi.

Cha tôi nói :

— U nó ọ, nhà bác bồi Sáu, bác ấy mách, lão Tây lục-lộ, chủ bác, sắp về Tây, lão muốn bán lại cái xe « lét »...

Mẹ tôi hỏi :

— Xe « lét » là xe gì hả thầy nó ? Xe gì mà lại là xe lét thì đi đứng ra làm sao, kia chứ ?

Cha tôi đáp :

— U nó không biết, đề tôi nói cho mà nghe... người ta gọi nó là xe « lét », không phải là lê, lét gì như u nó tưởng đâu ; tiếng « lét » là tiếng Tây, nó là bi-si-cờ-lét, mình đem nói tắt đi ra là : « lét »... U nó phải biết, cả cái tỉnh Nam này, chỉ có lão lục-lộ có cái xe đó, lão đem từ bên Tây sang, kia đấy ! Người ta có thể ví nó như một con ngựa, con ngựa sắt ; cưỡi lên nó mà

đi, đi rất nhanh, nhanh hơn cả xe tay, nhanh chẳng kém gì ngựa tể nước đại ; dùng nó lại không tốn thóc, tốn cỏ gì cả ; chỉ việc ngồi lên mà đạp, là nó đi mau như gió ! Thế u nó chưa trông thấy lão lục-lộ đi bao giờ à ?

Mẹ tôi đáp :

— Nào tôi có đi tới đâu mà thấy được !... Thầy nó nhất-dịnh muốn mua à ? Mua để làm gì ?

Cha tôi nói :

— Lại còn đề làm gì, đề đi làm, đề đi đây, đi đó đỡ được bao nhiêu tiền xe, mà lại được việc, khỏi mất thời giờ... thiệt là vô-cùng tiện-lợi, rồi u nó xem, tôi không nói ngoa đâu. Chính tôi, tôi vẫn ước-ao có một cái xe lét, mà mãi bây giờ mới có dịp, thiệt là một dịp may hiếm có, vì lão Tây có về Tây, mới tính đến chuyện bán lại, đề rồi sang Tây, họ mua cái khác... chứ ở đây, dầu có tiền cũng khó mà mua được... Tôi, thì tôi ưng ý lắm rồi, chỉ còn tùy u em đấy thôi, nếu u em bằng lòng, thì tôi đi bảo bác Sáu bác ấy nói với chủ bác cho...

Mẹ tôi :

— Thế bao nhiêu cơ, hờ thầy em ?

Cha tôi :

— Có ba chục thôi !

Mẹ tôi :

— Giờ ơ, những ba chục cái đồng bạc cơ à ? Xe cộ gì mà đắt một giờ tiền thế ?... Đến cái xe nhà, sơn then, nạm đồng bạch, cũng đắt lắm là hai mươi, hăm-lăm đồng thôi...

Cha tôi :

— Xe lết khác, xe nhà khác, ví sao được ! Xe nhà lại phải thuê người kéo, nào cơm nuôi, nào tiền lương tháng, ít ra cũng ba đồng,... chứ xe lết, chỉ mất tiền mua một lần thôi, rồi sau, chẳng phải tốn-phí một tí gì khác, chỉ thỉnh-thoảng phải lau dầu, việc đó đã có bác « Cả đồng-hồ » bác ấy lau giùm, « chả » lẽ chỗ anh em thân, mà lại không giúp nhau được một ú bấy nhiêu sao ?... U em cứ ưng đi, tốt lắm cơ, tiện lắm cơ, rồi u em xem, tôi không « nói ngoa đâu »...

Mẹ tôi :

— Khờ quá ! Dành-dụm ngót hai năm trời, nay mới có được ngót trăm cái đồng bạc, bây giờ thầy nó ngắt ngọn đi ngay mất những ba chục, thì còn gì !

Cha tôi :

— Không lo u em ạ, có xe lết thì đỡ được bao nhiêu tiền xe, u em cứ tính mà xem, đầu năm chí cuối, số tiền xe lại không gấp mấy số tiền mua xe lết ấy à... Thôi, u em cứ bằng lòng đi..

Mẹ tôi :

— Thầy nó mà đã ưng cái gì thì có giờ nói cũng « chả » lại... Vâng, thôi thì thầy nó cứ mua đi...

Cha tôi :

— Ừ nhá, u nó ngoan quá !... mới lại việc gì cũng vậy, u nó có ưng tôi mới làm... u nó cũng biết, tôi ghét cái cảnh

trống đánh xuôi, kèn thổi ngược... Còn cái gì bằng thuận vợ, thuận chồng !

Mẹ tôi :

— Thôi đi ông ạ, ông đừng tán nữa !... để tôi đi lấy tiền...

Thế là mẹ tôi đi lạch-cạch mở hết khóa trong, khóa ngoài của cái rương, mới đem ra bày ở phản, ba cọc bạc, mỗi cọc mười đồng bạc « con gái », mới tinh, trắng xóa. Tuy vui vẻ về việc đã làm đẹp lòng cha tôi, nhưng hình như mẹ tôi vẫn hậm-hực bằng cái khóe mắt tiếc tiền, đồng tiền chau-chuốt dành-dụm từng đồng kêm, đồng xu, đồng hào.

Cha tôi cầm lấy tiền nhưng lại kêu lên :

— Chết chửa ! bỏ túi sao được đây, rách hết túi còn gì ! Thôi, u nó đưa cho tôi mượn cái ruột tượng dúi để tôi bỏ tiền mang đi mới được.

Mẹ tôi lại cời ruột tượng ra đưa cho cha tôi.

Xin các bạn chớ ngạc-nhiên về những con số tiền bé nhỏ trên đây, vì cái hồi đó, một tạ gạo chỉ có một đồng tám, hai đồng thôi. Ngoài ra, xin các bạn lưu-ý, lúc đó, ít khi người ta nhìn thấy tấm giấy bạc, vì chỉ tiêu toàn bạc đồng thôi.



Chỉ vài giờ sau, cha tôi đã chở cái xe lết về, bằng cái xe tay hàng, vì lẽ rất giản-dị, là cha tôi đã biết đi xe lết đâu. Vác nó ở trên xe tay xuống, cha tôi mới để nó dựa vào cửa, và sau khi trả ba xu tiền xe thì hô-hoán ầm cả nhà lên, để ra mà xem xe ! Tôi đã chạy ra trước tiên. Cái nghề con trẻ, đối với cái gì, cũng xem bằng mắt, bắt bằng tay, cho được mới nghe. Trong khi cha tôi không để ý, tôi vội lôi cái xe lết ra khỏi cái cánh cửa, thì chẳng biết luống-cuống làm sao, cái xe đã lăn quay ra đất, với một tiếng ầm, như long

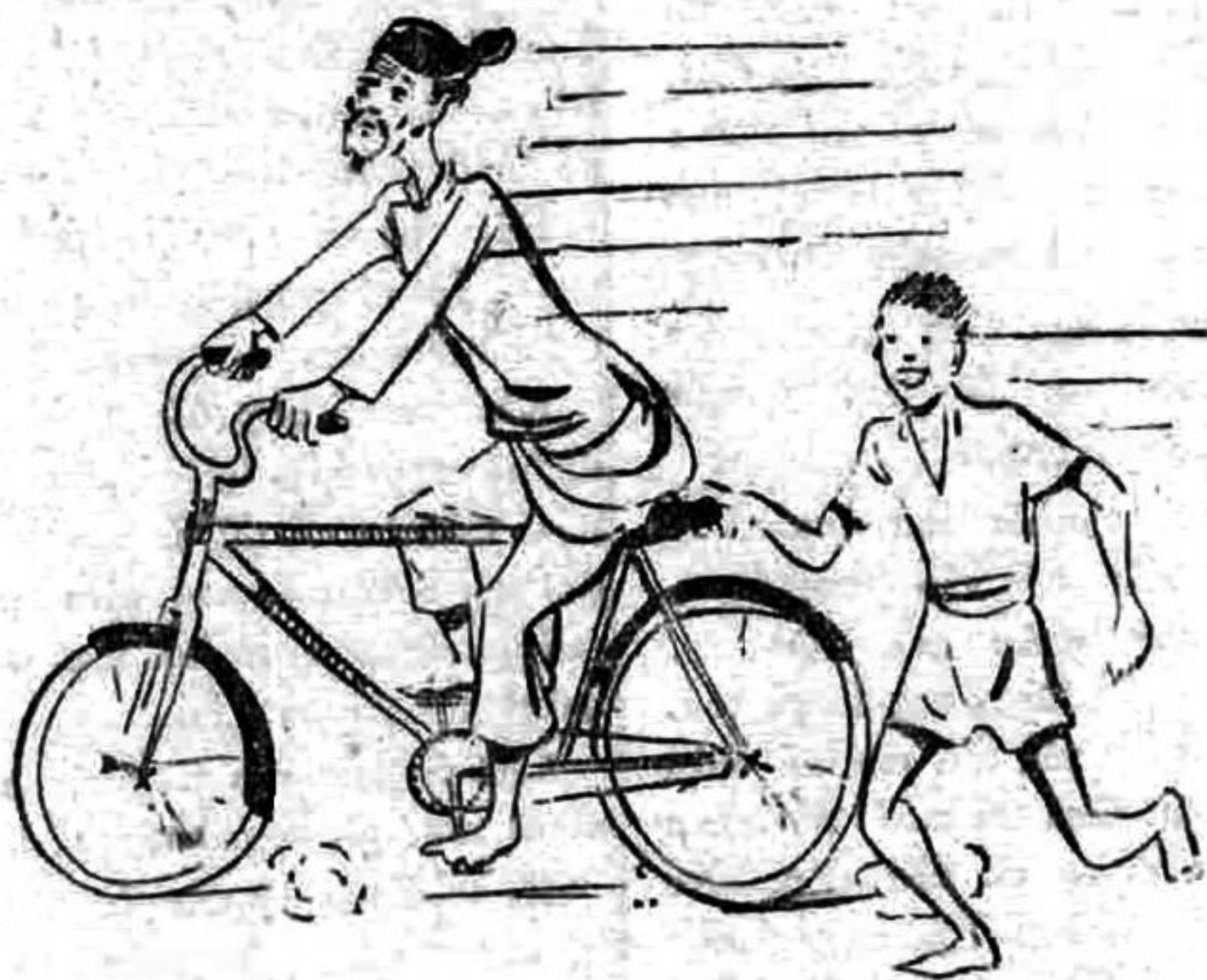
nồi, lử đất, làm tôi hết cả hồn, cả vía, mướt cả bồ-hôi. Mẹ tôi vội kêu văng lên :

— Chết ! Chết ! Chết ! xe với pháo gì mà chưa động tới, đã đổ lăn đùng ra thế kia ? Mà nó chỉ có mỗi hai bánh, thì đi đứng ra làm sao ? Giá ví thử, nó có ba cái bánh thì còn khả phương đứng vững !... Rõ thấy nó chỉ tham-thanh, chuộng lạ, đi rước những cái của nợ này về, vừa tốn tiền, vừa chật cả

— Thật là từ thuở cha sinh, mẹ đẻ, tôi chưa thấy thứ xe với pháo gì mà lại còn phải tập, mới đi nổi. Nó ngật-ngà, ngật-ngưỡng, ngật-ngà, ngật-ngheo thế kia thì liệu có tập nổi dễ mà đi hay không kia chứ ! Thôi, thôi, lại đến tiền toi, mua pháo tịt ngòi !... Giờ ời, có bao ít ỏi gì cho nó cam, ba mươi cái đồng bạc !

Cha tôi vội bảo chữa :

— U nó làm cái gì mà rồi lên thế...



nhà ; mà rồi, liệu có dùng được không, hay lại toi tiền ! Cái nhà bác Sáu chỉ được cái nghề tán ma, tán mãnh, là không ai bằng !... Nào thế thấy nó đi đi, cho tôi xem nào ?

Cha tôi vừa nhấc cái xe lên, vừa dắt nó vào trong nhà, vừa đáp :

— Đề rồi tôi còn phải tập đi, mới đi được chứ, đi ngay thế nào được...

Mẹ tôi lại kêu ầm lên :

đề đấy, đến sáng mai chủ-nhật, tôi đem thằng Lạc đi ra chỗ đường vắng, tôi tập cho mà xem, chỉ vài giờ đồng hồ, là đi được ngay... Lúc « căn nẩy », lão lục-lộ đã cho tôi ngồi thử, và giữ cho tôi, tôi đã đi được một quãng xa, đến-mười mấy thước tây... Đi thú lắm kia, đạp đến đâu, nó cứ đi phăng-phăng đến đấy... U nó không thể nào biết được cái khoái đó !...



Thế là ngày hôm nay sau, cha tôi nhất-định đi tập xe lét. Sáng, cha tôi trở dậy sớm lắm. Cố-nhiên, tôi cũng đã bò dậy, và quyết-tâm đi theo. Cha tôi gọi anh Lạc, rồi cùng tôi dắt xe, đi ra một con đường rất vắng, ở mãi ngoài thành-phố.

Trước khi ngồi lên xe, cha tôi dặn anh Lạc cặn-kế : anh nhớ nhá, anh cứ giữ chắc lấy đằng sau cái yên này, hễ xe nghiêng về phía kia, thì anh lôi lại, xe ngã về phía lòng anh, thì anh đỡ cho nó đứng ngay lên... Tôi không cần anh dặn, đây, gì hết, nghĩa là, lúc đầu, tôi còn chập-choạng chưa vững tay lái, anh cố giữ cho xe đừng đổ, có thể thôi ; hễ lúc nào tôi bảo anh bỏ tay ra thì anh cứ việc buông ra, mặc tôi, nghe chưa ?

Anh Lạc vừa dạ dạ, vâng vâng, vừa xắn ống quần, xắn tay áo lên, y như người sắp đi đánh vật vậy.

Cha tôi lôi cái vạt áo sau, quần về phía trước, rồi dắt nó vào thất lưng, đoạn cha tôi khoát chân qua thân xe, ngồi lên yên. Vì cha tôi dong-dòng cao, nên khi đã ngồi lên yên rồi, mà hai chân vẫn còn chấm đất. Cha tôi mới để chân phải lên cái bàn đạp, ra sức đạp. Xe nhích bánh chạy tới, anh Lạc chạy theo ; xe ngoằn-ngò, ngoằn-ngò, nghiêng bên này, ngã bên kia, không khác gì một anh say rượu. Anh Lạc cố hết sức chống đỡ. Xe đi được một quãng đã khá xa, thì càng ngày, sự nghiêng-ngả càng đỡ đi. Chỉ một loáng sau, tôi theo không kịp, đành phải đứng lại, trở mắt ra nhìn theo. Rồi cha tôi hô, bảo anh Lạc buông tay ra. Ô tài quá ! Cha tôi đã đi một mình được, không phải người giữ nữa. Tôi sướng quá, reo ầm lên, vừa reo, vừa vỗ tay và hét vang lên. Thì vừa lúc đó, cha tôi đi tới chỗ ngã ba. Tôi ngạc nhiên

quá đỗi, tôi không thấy cha tôi rẽ về phía tay trái hay tay phải, mà cứ phăng-phăng đi thẳng lên lề đường, rồi, trời đất ơi ! cha tôi đâm cả người lẫn xe vào tường nhà, nhà người ta ! Cha tôi ngã lăn ra đất. Anh Lạc và tôi hồi-hả chạy đến nơi, thì cha tôi đương lồm-cồm bò dậy và chập-choạng nâng cái xe lên. Mặt cha tôi xám đi, bờ-hôi nhỏ giọt đầy trán. Tôi vội hỏi :
— Thầy có đau không ? Sao thầy không rẽ, mà thầy lại cứ đi thẳng thế ?

Cha tôi gượng-gạo đáp :

— Lúc ấy, tao cuống-quít thế nào ấy... Tao chưa biết lái thì phải... Tao bắt tay lái cho nó ngoẹo thì không biết làm sao, xe nó cứ đi thẳng !

Rồi cha tôi bảo với anh Lạc :

— Tôi cũng quên khuấy đi, còn phải tập lái nữa kia.

Khi cha tôi xem đến xe thì cái « phuốc » đã bị quẹo gấp lại, không sao đi được nữa, mà cha tôi thì đi tập-tĩnh, quần chỗ đầu gối bên phải bị rách toạc ra một miếng, trên làn da hơi rớm máu và chung-quanh thì tím bầm lại.

Cha tôi bảo anh Lạc vác xe về để đem xe đi sửa, rồi hôm khác, sẽ lại tập vậy.

Ba thầy trò leo-đèo dờ ra về, với một bộ mặt chẳng được vui-tươi cho lắm.

Về tới nhà, mẹ tôi chợt trông thấy cha tôi đã kêu váng lên :

— Rõ khờ, xe với pháo, gặp với tành thế nào, mà thiếu-não thế kia ? Tôi nói là không có bao giờ sai ! Cái của nợ, máy với móc này, là nguy-hiểm lắm ! Thầy nó ngã hay sao ? Có đau lắm không ?

Thầy tôi nắm vạt ra phản, chẳng nói, chẳng rằng, coi bộ uất-ức lắm, vì có lẽ, trước khi đi tập, cha tôi đã yên-trí rằng cha tôi sẽ nuốt sống nuốt chín, leo lên xe là đi được ngay.

Mẹ tôi vội sai anh Lạc đi múc nước vào chậu thau, để rửa cái chỗ đau cho cha tôi.

Còn tôi, tôi thấy trong lòng lo-âu, không phải chỉ lo vì cha tôi bị đau, nhưng tôi lo cả về việc cha tôi sẽ nản mà bỏ, không tập xe nữa. Trong thâm-tâm của tôi, ngay từ khi cha tôi mang cái xe lết, tôi đã bụng bảo dạ, hễ mà cha tôi đi được, thì thế nào tôi cũng sẽ nản-nì xin tập để cưỡi xe... Nay, xảy ra cố sự đường này, cái mộng cưỡi xe lết đi phăng-phăng như gió, đã cơ-hồ như bị đồ sụp theo với cái ngã của cha tôi vậy !



Tôi còn nhỏ dại nên chưa hiểu thấu tính-tình của cha tôi, nên mới lo-âu và nghĩ quẩn. Ngã thế, chứ ngã gãy chân, khoèo tay, cũng không khi nào cha tôi chịu thối lui trước bất cứ một sự khó-khăn nào. Dầu rằng mẹ tôi phải lấy cây lá-náng chườm chân cho cha tôi ; dầu rằng mẹ tôi phải sang bên nhà bác tôi, xin mật gấu về cho cha tôi uống, vì, ngoài cái thương-tích ở đầu gối, cha tôi đã bị cái tay lái nó khoạc vào ngực.

Ấy thế mà tới tuần lễ sau, xe đã được nắn phuốc lại hần-hoi, cha tôi đã lại đem tôi và anh Lạc ra bãi, để tập xe nữa. Lần này, cha tôi đáng tập lái, tập lượn. Chỉ trong vài giờ cha tôi đã đi được ngay ngắn, lượn, vòng, rẽ, hãm, một cách dễ-dàng.

Tôi mừng rơn như người bắt được của. Đứng ở lề đường cứ mỗi lần cha tôi đạp xe đi vụt qua, thì tôi reo hò vang dậy. Đến lúc cha tôi xem chừng đã hơi mệt, cha tôi mới dừng lại để nghỉ. Tôi nằng-nặc van lạy cha tôi, để cha tôi cho ngồi lên phía trước, trên thân xe, chỗ gần sát cái tay lái. Thoạt tiên, cha tôi từ chối,

vì cha tôi bảo : hãy để thư thả, con ạ, thầy đi chưa được thạo lắm, mà đèo con đi, nhớ ngã thì làm thế nào ?

Nhưng tôi nào có nghe, tôi vật-nài, van-vỉ không ngớt mồm. Sau, cha tôi sốt ruột, liền sách sách tôi, để tôi ngồi lên cái ống thân xe, hai chân tôi để lên hai đầu cái phuốc, hai tay nắm chắc lấy quăng trong của cái ghi-dông. Trước khi đạp xe đi, cha tôi dặn :

— Con nắm vào tay lái đủ chắc thì thôi, chứ đừng có nắm chặt quá, thầy không lái được, thì ngã cả bố lẫn con cho xem.

Tôi vâng vâng tíu-tít, nở lòng, nở dạ !

Cha tôi đèo tôi đạp đi được ba bốn vòng quanh cái ụ vườn hoa. Tuy tôi thấy đau ở cái xương cụt quá, nhưng sự vui thích át cả đau. Khốn nạn ! đường thì đường giải đá, mà lại ở ngoài tỉnh, thì phải biết ! Bánh xe lại là bánh cau-xu tê, mỗi khi vấp vào đá, xe cứ nhảy lên chồm-chồm : đau quá, nhưng thích cũng thích quá cơ !

Trong khi cha tôi đạp phăng-phăng, gió cứ vù-vù hai bên tai tôi, thì ở đâu có một đàn gà con và một con gà mẹ, cả lũ dương cục cục chiếp chiếp, ở bên này đường, bỗng ù-té đám đầu chạy tạt ngang qua đường. Không biết làm sao, con gà mẹ lại chui tọt vào dưới bánh xe đằng trước của cái xe lết. Xe đề lên mình con gà, chồm lên một cái, rồi, ô hô, cả hai cha con tôi ngã quay lăn ra ! Con gà mẹ thì quang-quác chạy bán sống, bán chết vào bãi cỏ, còn đàn gà con, tán-loạn chạy vung-thiên, chúng không còn biết trời đâu, đất đâu nữa ! Cha tôi lại bị rách mất hần một bên ống quần, sây-sát cả hai lòng bàn tay ; còn tôi, tôi không việc gì cả, vì tôi bị lao lên lễ, mà lễ là

hở cổ. Hình như tôi chỉ bị tái mét mặt đi vì sợ.

Cha tôi vừa nhắc tôi lên vừa bảo : Tao đã bảo mà ! Có đau đâu không ? Tôi lắc đầu. Cha tôi lầm-bầm nói tiếp :

— May đấy ! nếu có làm sao, u mày nó lại ngày ngày tao đến chết !

Vì quần áo rách nát, trông khá tiều-tụy nên cha tôi phải bắt anh Lạc đi gọi một chiếc xe tay lái, rồi hai cha con ngồi lên, xe đạp thì để vắt ngang ở phía trước mặt, còn anh Lạc thì kéo bộ vừa chạy, vừa đẩy phía sau xe để đỡ cho bác phu xe.

Mẹ tôi đã đứng đợi ở cửa, vì đợi lâu, không thấy bóng cha con tôi về. Xe tay vừa đỗ, mẹ tôi hỏi ngay :

— Đã làm sao thế kia ? Thấy em lại rách quần rồi ! Gớm, xe với pháo ! Rồi đây, nó nhai nghiền hết ráo cả quần áo thấy nó cho mà xem...

Tôi vội khoe :

— U ơi ! Thấy đi gỏi lắm rồi cơ ! Thấy lại đùa được cả em đi nữa cơ ! Thích quá cơ u ạ, xe chạy, nhanh-nhanh-nhanh là ! Đè rồi hôm nào u thử đi với thầy mà xem !

Mẹ tôi vội kêu lên :

— Ủi chào ! Thôi, tôi van cả cha con nhà cậu, xe với cộ gì mà rách mướp hết quần hết áo, què cả chân, cả tay, ốm cả người đi cho mà xem !... Không biết vui với thích cái nổi gì, mà bố cũng như con, cứ mê-mải với cái của nợ của máy-móc đó !... Mỗi lần đi là một lần ngã : ngồi chễm-chệ lên trên cái xe tay, yên-ôn biết chừng nào ? Đẳng này, đạp, đạp bừa bở-hôi cái, bở-hôi con ra ! Tội nợ gì mà khổ thế ? Mà đi nhanh để làm gì, mới được kia chứ !

Quả thật tình, mẹ tôi hiểu làm sao được cái vui, cái thích của hai cha con

tôi... Cha tôi chỉ nhìn tôi mà mỉm cười, tôi cũng chỉ nhìn cha tôi với biết bao sự ăn-ý, sự đồng-tình, sự hân-hoan, sự khoái-lạc... Có gì đâu, chỉ vì cha tôi và tôi, chúng tôi thuộc vào cái hạng hiểu-dộng, vào cái số người tham-thanh, chuông lạ, hiểu-kỳ, tích-dị, cho nên cái mới, cái lạ, có một sức hấp-dẫn, một sức quyến-rũ vô-cùng mạnh-mẽ, vô-cùng khốc-liệt đối với hai cha con tôi.

Mẹ tôi hiểu làm sao được !

Mẹ tôi không thể nào thấu-hiểu được cái nguyên-dộng-lực nó đưa con người từ chỗ ăn lông, ở lỗ, ăn sống, nuốt tươi, từ chỗ chỉ biết cầu, xé, đến chỗ biết đeo những phiến đá để làm khí-giới, làm dụng-cụ ; rồi, từ phiến đá đeo đến sự phát-minh ra lửa, ra đồng, ra sắt, ra hơi nước, ra điện-khí, ra điện-từ ! Một mặt khác, cũng cái sức thích những cái khác thường đó, nó đưa con người từ chỗ đi bằng hai chân, đến cái chỗ kết tre, kết gỗ thả bè, mà xê-dịch trên mặt nước, đến chỗ sáng-chế ra đủ các thứ xe cộ ; rồi, lại từ chỗ xe cộ, tới chỗ lặn ngụp đi ngầm trong làn nước, tới chỗ bay bổng đề tung-hoành trên không-trung ; và rồi đây, không bao lâu nữa, người ta có thể sẽ du-hành lên cả các tinh-cầu như : mặt trăng, Thủy-tinh, Hỏa-tinh, Kim-tinh !

Tôi còn nhớ lại, khi tôi thi đậu được cái bằng cơ-thủy, cha tôi đã thưởng cho tôi một cái xe • lét • cực đẹp, cực hoàn-toàn, sơn đen nháy, kền bóng nhoáng, nào chuông, nào đèn điện đủ thứ, nhưng thiệt tình, tôi không ưa thích, yêu quý cái xe đó bằng cái xe « cà-là-tàng », cũ kỹ, bánh cao-xu tề, mà trục không có bi đạn, mỗi lần đi, phải tra dầu nhớt, không thì nó kêu cút-ca, cút-kít, rầm cả hàng-phố lên ! Quả thiệt, cái xe cũ-kỹ đó nó đã ềđ

ở trong tâm-khảm, trí-não tôi một cái cảm-giác vô-cùng tế-nhĩ và hào-húng, vì cái lẽ rất giản-dị là cái xe « lết » của năm một ngàn chín trăm lẻ đó, nó là cái vật tiêu-biểu cho cả cái kỹ-nguyên cơ-giới sau

này, của cái thế-kỷ thứ hai mươi, cái kỹ-nguyên nó mở đầu cho sự vạn-năng, vạn-thăng nó đưa con người tới chỗ làm chủ cả vũ-trụ.

VI-HUYỀN-ĐẮC

❖ Đường lối chấp-chính

của Bá-Di, Y-Doãn và Không-Tử

Công-tôn Sửu hỏi ý-kiến Mạnh-Tử về đường lối chấp-chính của ông Bá-Di và ông Y-Doãn.

(Nguyên ông Bá-Di và em thứ ba là Thúc-Tề, đều nhường ngôi cho em thứ hai để đi ăn-dật. Sau nghe tin Văn-vương là người có nhân-đức khởi lên, hai ông Bá-Di và Thúc-Tề đều ra mặt giúp. Sau Võ-vương, là con Văn-Vương đem binh đi đánh vua Trụ, nhà Thương, hai anh em ra trước đầu ngựa ngăn-cản, ngăn-cản không được, hai ông bèn vào núi và chịu chết đói trong đó.

Còn ông Y-Doãn trước cũng ăn-dật và cày ruộng, vua Thành-Thang mời ra làm tể-tướng. Ông giúp vua Thành-Thang lập ra nhà Thương. Thành-Thang mất, ông nhiếp-chính ; nhân vua kế-vị là Thái-Giáp vô-đạo, ông đưa đi an-trí. Sau ba năm Thái-Giáp tỉnh-ngộ, ông lại đón về làm vua).

Mạnh-Tử đáp :

— Hai ông Bá-di và Y-Doãn không đi một đường với ta. Không phải là vua mình thì không phụng-sự, không phải là dân mình thì không sử-dụng. Đời bình thì ra làm quan, đời loạn thì lui về ở ẩn : đó là hạnh ông Bá-Di. Vua nào không phải là vua để mình phụng-sự, dân nào không phải là dân để mình sử-dụng ; đời bình cũng ra làm quan ; đời loạn cũng không bỏ chức-phận : đó là hạnh ông Y-Doãn. Lúc nên làm quan thì làm quan, lúc nên bỏ chức thì bỏ chức ; cần làm quan lâu thì làm quan lâu, cần ra đi gấp thì ra đi gấp : đó là hạnh của Không-Tử.

Ba vị Bá-Di, Y-Doãn và Không-Tử đều là bậc thánh. Ta đây chưa từng được làm như ba vị ấy, song sở-nguyên của ta là học theo Không-Tử.



S.A.V.I.C.O.

Công-ty vô-danh thương-mại V.N.
Xuất-cảng — Nhập-cảng
 41, Bến Chương-Dương — Saigon
 Điện-tín : VICOME

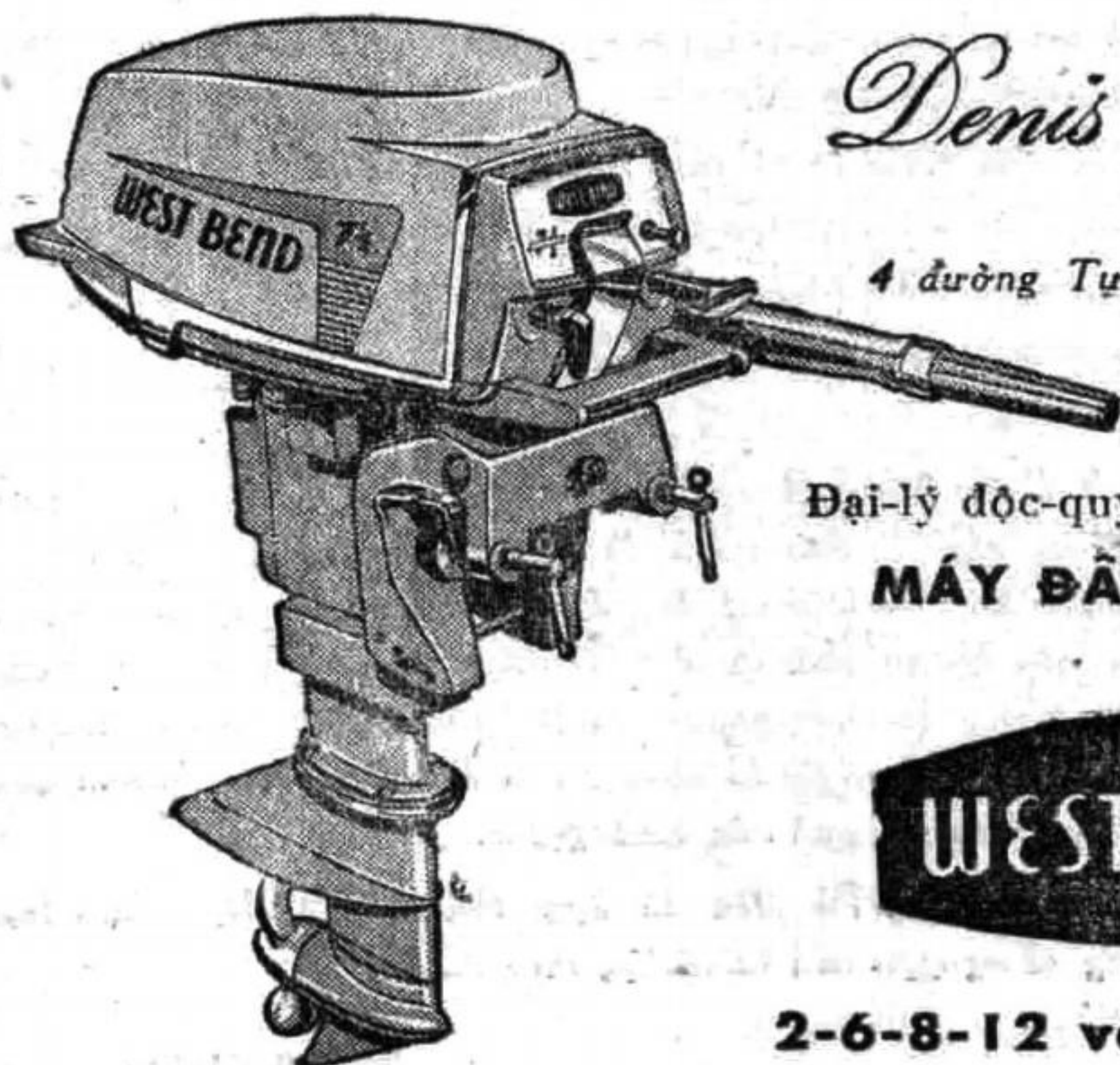


ĐẠI-LÝ :

- Vô xe hơi « BRIDGESTONE »
- Bình điện « G. S. »
- Máy lạnh dùng vào kỹ-nghệ « SURELY »
- Xe hơi các loại, hiệu « TOYOTA »

Vật-liệu Kim-khí — Vải, sợi — Xe gắn máy, phụ tùng xe hơi

XUẤT-CẢNG : Ngủ-cốc — Cao-su, v.v...



Denis Frères

4 đường Tự-do SAIGON

Đại-lý độc-quyền tại Việt-Nam

MÁY ĐÂY CA-NỐT

WEST BEND

2-6-8-12 và 30 mã-lực

NHẬT GIA

TỪ - VU

Bản - dịch của VI - HUYỀN - ĐẮC

TÓM-TẮT NHỮNG KỲ TRƯỚC : Đại gia-đình họ Lâm ở Hàng-Châu gồm mười hai người chung sống với nhau, nhưng tư-tưởng bất-đồng. Trung — Nhật chiến-tranh, cả gia-đình tản-cư xuống Thượng-Hải, ở tạm nơi lữ-quán để chờ đợi kiếm nhà thuê. Ông Hai Lâm tiên-sinh, rường-cột của gia-đình, rất lo-lắng với việc tìm nhà ở ở đâu người ta cũng đòi tiền sang. Trót lại, cả nhà từ cụ Ông, cụ Bà cho tới bà Hai, chớa mắt với những hàng rẻ đẹp ở Thượng-Hải, lo sắm đồ hơn là tìm nhà. Họ quên hẳn tất tiền có hạn nên hết đi sắm đồ lại rủ nhau đi ăn cơm hiệu sang và đi xem hát.

DẪN hôm thứ hai, tuy mười hai con người chỉ có mỗi hai gian-phòng thì quả là chật-chội, nhưng cái gì rồi chẳng thành quen. Sự ta-thán cũng không đến nỗi gay-gắt. Dẫu sao, Lâm tiên-sinh cũng lời chú Ba đi tìm nhà, ngay từ sáng sớm.

Cứ kể ra chưa tìm được nhà, cả nhà cũng chẳng thấy vội-vã gì cho lắm.

Này nhá, tối nay họ sẽ đi ăn ở Quảng-Đông-Thái, rồi sau bữa ăn, họ sẽ đi coi chiếu bóng kia mà.

Như vậy, cũng đã qua được hai ngày rồi. Hốt-nhiên, Tổ-nhất bị sốt. Lại sởi đây, chứ chẳng sai. Mỗi hôm, nó lại sốt nặng hơn, nhiệt-độ cứ tăng lên hoài. Mời thầy Tàu, rồi mời thầy Tây. Mãi sau mới rõ, cô bé bị chứng phế-viêm, phổi

bị sưng. Bệnh này cũng khá nặng, lại cũng lây, nên không tiện ở lữ-quán là một, không thề để nó ở chung một nơi với bốn đứa trẻ kia. Lại phải bàn-cãi. Rút-cực, cả nhà đồng-ý phải cho cô bé đi bệnh-viện để điều-trị.

Tổ-Nhất vừa đi bệnh-viện được hai hôm thì tới lượt Tổ-Nhị lại phát bệnh. Sởi nó lây rất mau mà. Hôm sau nữa, Tổ-Tam cũng lên sởi nốt.

Bà Hai đã phải ở bệnh-viện để trông-nom, săn-sóc Tổ-Nhất. Bà nói ra, nói vào, bà oán bà Cả. Đã bảo để Tiêu-Bành với bà Cả ở lui lại Ninh-Ba thì bà Cả không nghe, cứ đi cho bằng được, để cho đến nỗi bệnh lây sang Tổ-Nhất và những đứa trẻ kia.

VIỆT-NAM KHUYẾT-TRƯỞNG KỸ-NGHỆ ĐỒNG HỒ C^{TY}

VIETNAM WATCH INDUSTRY DEVELOPMENT COMPANY

NGƯỜI VIỆT-NAM

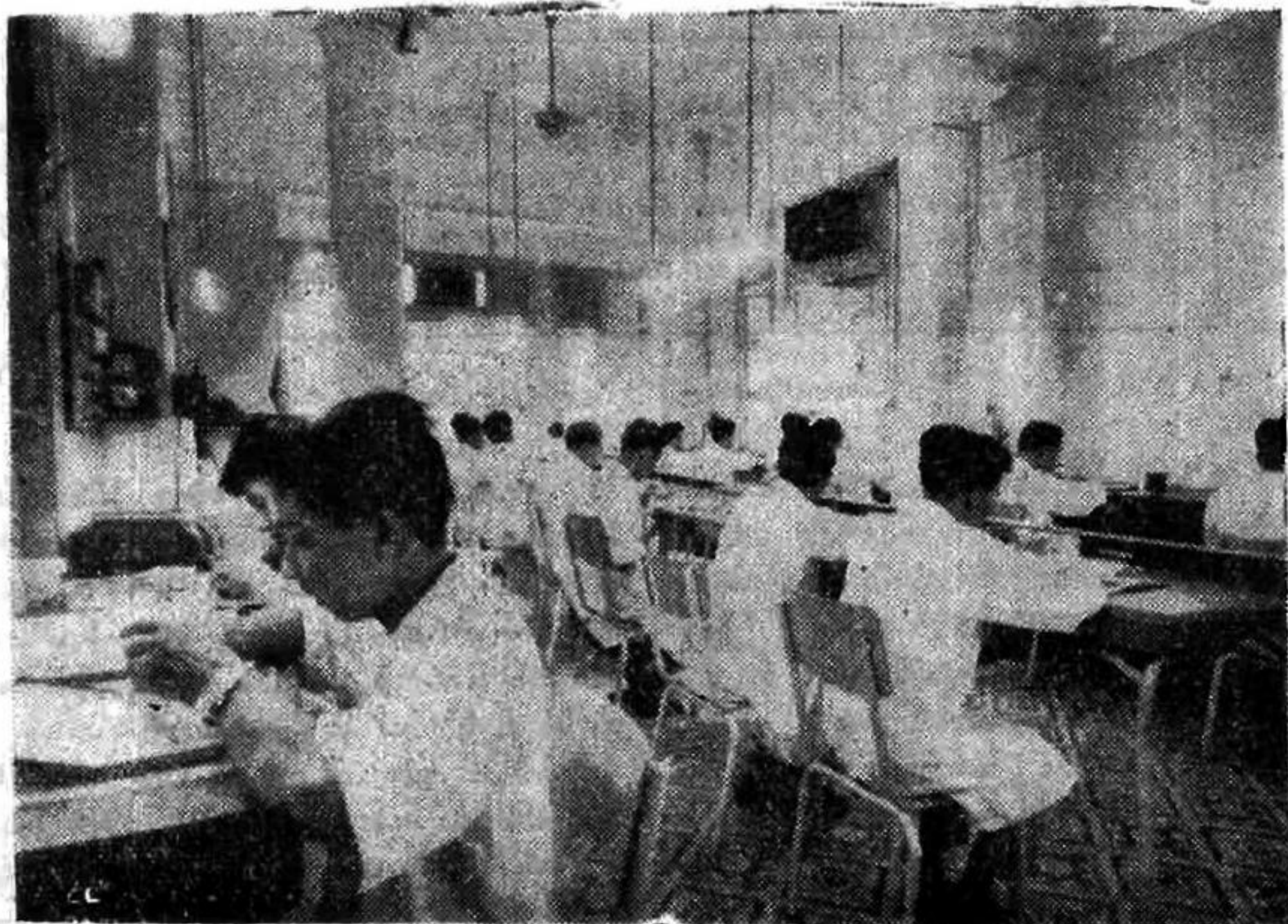
DÙNG ĐỒNG - HỒ

VINA

Ráp tại Việt-Nam bằng phụ-tùng Thụy-Sĩ

Dùng đồng-hồ VINA là trực-liếp :

- Giúp công-nhân Việt-Nam có công ăn việc làm,
- Loại-trừ ảnh-hưởng ngoại-kiểu để xây-dựng kinh-tế quốc-gia độc-lập.



VIỆT-NAM KHUYẾT-TRƯỞNG KỸ-NGHỆ ĐỒNG-HỒ C^{TY}

Công-ty vô-danh vốn 12.000.000\$ VN

108, Lê-văn-Duyệt — SAIGON

Điện-tín :

Cable address :

VINAWA - SAIGON

Tiêu-Bành đã khỏi hẳn, sởi đã bay cả, thì Đại-Bành lại bị. Cả nhà cứ rối-rít lên vì trẻ con đau ốm. Mời thầy. Uống thuốc. Lâm tiên-sinh chẳng còn bụng-dạ nào đi tìm nhà nữa. Ngày nào, ông cũng phải đến y-viện ; rồi ông đi thăm bạn bè.

Còn các người khác, cũng chẳng một ai nghĩ tới việc đi kiếm nhà, cả nhà còn bận-rộn vì trông-coi Tổ Nhị, Tổ-Tam và Đại-Bành. Một khi bị neo cẳng ở nhà, thì chỉ còn cách là đánh điện-thoại, mời các bạn bè lại đánh bài, chứ còn làm gì hơn ? Trẻ nó ốm thì nó nằm yên trong màn rồi, có sao đâu, thỉnh-thoảng chạy vào nhòm qua nó một tí, là được mà.

Như vậy, hội-họp đánh bài rồi đi hiệu ăn cơm. Tối đến, ai trông trẻ thì một người ở nhà, còn thì kéo nhau đi xem đua chó, xem đấu hồi-lực-cầu.

Chẳng bao lâu, Tổ-Nhất ở bệnh-viện về, Tổ-Nhị, Tổ-Tam cũng hết sởi, nhưng số chi-phí về thuốc-thang, chạy chữa cũng khá lớn. Nay bà Hai đã khôi-phục được tự-do, như khi Tổ-Nhất chưa lâm bệnh. Sự sinh-hoạt ở lữ-quán lại trở nên náo-nhiệt. Ai thích đi ăn cơm bữa ở đâu, thì tùy-ý. Ai ưa đi coi, đi xem thứ gì, thì cứ việc đi. Cả nhà bận-rộn cho đến nỗi không còn có một tí thời-giờ rỗi-rảnh nào để cãi-cọ nhau. Quả cuộc sống đã, ngày qua ngày, cực-kỳ vui-vẻ, ồn-thỏa. Ai cũng ám-hiêu rằng, ít khi có một dịp yên-vui như những ngày này.

Thế rồi, cuối tháng đã đến lúc nào ấy, cả nhà chẳng một ai nghĩ tới. Cái trưởng-đơn của lữ-quán khai hơn một ngàn đồng. Nhà ngân-hàng cũng đã gọi thanh-đơn lại. Ông Hai, tính đi, tính lại, cả tiền-nong, vốn-liếng của gia-đình, đã tiêu đi hết hẳn một phần ba. Ông đem sổ chi-tiêu ra

xem lại một lượt, ông thấy sự hao-phí không thể nào tưởng-tượng nổi. Đồng tiền có hạn đã bay đi như mây tan, nước chảy vậy. Nhìn đến cái tương-lai gần tới ngay đây, ông đâm hoảng sợ, như ở giữa trời quang mây tạnh, mà sấm chớp nổi dậy dưng-dưng !

Vốn dĩ, cả nhà họ Lâm, đã ba đời nay, đều dựa vào cái sản-nghiệp của tồ-phụ lưu lại mà sống. Cả gia-đình đó vẫn ở trong cái ngôi nhà cũ-kỹ của ông cha mà sinh-hoạt một cách bình-an, thông-thả ; họ chưa hề nếm qua cái phong-vị của sự phồn-hoa. Bởi vậy, họ không biết rõ cái chân-giá của đồng tiền và của công việc làm ăn. Cụ ông, lúc thiếu-thời thích trồng hoa, chơi cảnh, nuôi chim ; bây giờ về già, cụ ưa chuộng những đồ-cổ và sách-ốc, các cái đó cũng là do tồ-tiên truyền lại vậy. Kề ra, cụ cũng chẳng tiêu-pha hoang-phí gì. Mỗi khi cụ đi ra khỏi nhà, cụ chỉ đến tiệm trà, uống chén nước và cùng các bạn-hữu đánh bài « cò-con » để tiêu-khiển, thế vậy thôi. Còn như hát tuồng, hát bội, trước đây, một năm cụ có đi xem một hai bận, mà đã lâu nay cả nhà chưa hề có đi coi hát.

Cụ bà cũng ngày ngày quanh-quần ở chốn kinh-đường ; cụ cũng đánh bài nho-nhỏ ở trong nhà để giết thì giờ, ngoại-giã cụ cũng chẳng ưa-thích một thứ gì khác vì đã lâu lắm, nơi gần, chỗ xa, cụ chẳng tiếp-xúc với ai nữa.

Cậu Ba, mấy năm trước, cậu có ở qua Thượng-Hải làm việc, cái gì là vui-thú, cậu đã từng hưởng qua cả ; cậu cũng tiêu-xài khá nhiều tiền đấy, nhưng mỗi lần túi rỗng thì nhà đã lập tức gửi tiền lên bù cho, thế là ổn. Tối khi cậu rời đất Thượng-Hải trở về Hàng-Châu với gia-đình thì phần bạn-bè ít, gia-đình quản-thức, nên cậu đành lòng an-phận thủ-kỷ, chứ không dám

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(Hội nặc-danh với số vốn 400.000.000 quan)

CHI-NHÁNH TẠI SAIGON :

29, Bến Chương-Dương

Điện-thoại : 23434/35/36 — Địa-chỉ điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG-VIỆC NGÂN - HÀNG



**Đại - diện các Ngân - Hàng
trên thế-giới**



*Ngân-Hàng thừa-nhận do Viện
Hội-Đoài Quốc-Gia Việt-Nam*



**MỞ CÁC KHOẢN TÍN-DỤNG VỀ
Xuất-cảng — Nhập-cảng**

lãng-phóng như xưa, và ở nhà, đánh bài còm đề tiêu-ma sớm chiều. Nay lại trở lại Thượng-Hải, cậu không khác ở ngôi được ra bề.

Cụ ông, tuy không lạ gì Thượng-Hải, nhưng đã lâu năm, cụ không từng trở lại nơi đây, nên hiện nay, cụ thấy một sự thay-đổi vô-cùng vĩ-đại ; sự ăn chơi cũng đến một độ quá sức tưởng-tượng. Cụ cũng như cụ bà, được cậu Ba hướng-dẫn, các cụ mới nhận-chân rằng, thì ra ở bên ngoài cái xó quê nhà, còn có cả một cái thế-giới khác, một thế-giới đầy hứng-thú, đầy hoa-lệ.

Cả nhà không biết đến tiền là gì, vì từ xưa, có bao giờ nhà phải lo tới tiền, muốn tiêu gì cũng có, muốn thức gì cũng mua, sắm được ngay ; quả thiệt tình, chưa khi nào phải lo-lắng, phải chạy ngược chạy xuôi, đâm đầu, đâm đuôi, đầu tắt, mặt tối, dật đầu cá, vá đầu tôm, chạy-vạy xoay-xở, hay vay công, lĩnh nợ.

Còn bà Cả, bà là người cũ, bà nhắm mắt theo cái nền-nếp của cụ-thức.

Bà Hai, khi ở Hàng-Châu, bà quả là một chim ưng bị nhốt ở trong chuồng gà. Cái lúc trước, ở Thượng-Hải, bà bị cái kinh-tế còm-cõi của tiểu-gia-đình nó ràng-buộc, nó áp-bức, nên bà bị sống trong cảnh eo-hẹp, tăm-thường, chật-bóp ; đến nay, trở về đây, bao nhiêu cái thềm muốn nó liền nồ tung ra như một quả bom nổ chậm. Vì các lẽ trên đây, cả nhà không nghĩ tới sự ngồi tiêu núi lở cả, mà cứ ngăm-tưởng rằng đồng tiền vẫn như xưa, hễ cần là có, kia mà.

Đến như ông Hai, Lâm tiên-sinh, ông là người biết lo xa nhất vì ông đã có từng-trải với cái khi ông tổ-chức tiểu-gia-đình, khi ông còn ở trường đại-học, khi ông quản-lý công-việc đại-gia-đình trước đây.

Nay đến Thượng-Hải, ông đã rập-tâm đem thi-hành triệt-đề cái nguyên-tắc cốt-yếu của sự trì-gia là cần và kiệm, nhưng chết một cái, nào con ốm, cháu ốm, rồi ông đâm lo đâm buồn, ông quên hẳn sự kiểm-soát việc chi-tiêu của mỗi người trong gia-đình, nên ông có ngờ đâu, cụ ông, cụ bà đã bị cái thằng chú Ba nó cò-hoặc cho đến nỗi các cụ đã tiêu tiền không đếm nữa.

Mãi tới khi lữ-quán đem cái đơn thư tiền lên, cả nhà cũng chẳng ngờ tới. Lâm tiên-sinh cũng không ngờ tới nốt. Lâm tiên-sinh mới nói cho cả nhà rõ sự thực và cả nhà mới đâm lo sợ, nhưng cả nhà cũng chẳng biết làm thế nào để đối-phó với tình-thế.

Vì không có chủ-ý nên không xảy ra sự tranh-chấp như thường-lệ.

Cả nhà hướng nhìn bà Hai. Bà đứng lên, có vẻ như đã sẵn có một chủ-ý, nhưng bà nói bằng một giọng vừa tức-tối, vừa oán-trách :

— Tôi đã biết mà, đi ở lữ-quán là đắt lắm ; thiệt chỉ tại không chịu đi thuê nhà trước. Giá ví phòng cả nhà nghe theo lời tôi, đi di-cư sớm lên một chút thì có phải đã thuê được nhà-cửa hẳn-hoi, thì không những nay có nhà ở tử-tế, lại còn có thể cho thuê lại mà lấy lời nữa là đằng khác... Trăm điều, chỉ tại không nghe theo lời tôi bàn-tính !

Lâm tiên-sinh nói :

— Ủi chào ời ! Việc đã qua rồi, nói ra làm cái gì kia chứ ? Việc cần ngay thứ thời là phải đành bỏ ra một, hai ngàn đồng để sang lấy một cái nhà mà ở ; đi ra khỏi lữ-quán sớm được ngày nào, đỡ tốn được ngày đó, có thể thôi.

Cả nhà vẫn yên-lặng.

Thì nhất-định chỉ có mỗi một phương-pháp đó là thượng-sách.

Bởi vậy khi Lâm tiên-sinh đã bước ra khỏi lữ-quán để cố đi tìm nhà, tiếng bài lại lách-cách, dộp, chát, vang lên.

Phải, không xoa thì còn làm cái gì kia chứ ?



Nhà đã thuê được xong-xuôi rồi, phải trả một ngàn năm trăm đồng tiền sang.

Ngôi nhà này gồm có ba tầng, mỗi tầng là một buồng, cùng hai cái buồng xép nhỏ hơn, và một gian nhà bếp.

Bây giờ, lại phải bàn tính để chia cho mười hai con người, ở làm sao cho ổn-tiện, nên không thể nào tránh nổi sự tranh-chấp.

Cả nhà đều ngồi nhìn nhau, không một ai muốn lên tiếng trước cả !

Mãi một lát sau, Cụ bà mới nói :

— Thôi thì chật thì chịu chật, mẹ ở một gian-phòng nhỏ cũng được, nhưng thế nào cũng thu-xếp cho mẹ một cái kinh-đường.

Cụ cứ nhất-định phải có kinh-đường cho cụ, tuy rằng cụ cũng chưa ấn-định hẳn, cụ sẽ có thì-giờ để tụng-kinh hay không.

Cụ ông cũng muốn có một cái thư-phòng để cụ vừa làm nơi đọc sách, vừa làm nơi để treo tranh cò và bày đồ cò của cụ. Cụ nói :

— Thôi, cứ để cái buồng xép ở trên tầng lầu thứ ba cho lão, nhỏ cũng được, không hề chi.

Cụ cố gò cho được phòng đọc sách cho cụ, tuy đã lâu lắm, cụ chưa hề đọc trọn một bộ sách nào.

Lâm tiên-sinh vừa đi xem một loạt các phòng trở về, hình như để tìm lấy một giải-pháp cho thích-đáng. Ông nói :

— Nhưng tôi không hiểu cả nhà sẽ ngủ-nghe ở đâu ?

Bà Cả vội nói :

— Kề ra, ba mẹ con nhà tôi, chỉ một gian buồng nhỏ là đủ rồi.

Bà vừa nói, vừa đưa mắt nhìn quanh gian phòng. Ở Hàng-Châu, bà được riêng về phần ba mẹ con bà, những hai căn, mỗi căn còn có phần lớn hơn căn phòng thuê ở lữ-quán vừa rồi. Dẫu rằng bà không ước-đoán nổi cái phòng bà sẽ ở trong ngôi nhà mới thuê được, rộng hẹp dường nào, bà cũng cứ nói trước như vậy, để tỏ cái thiện-chí của bà, và đối với mẹ con bà, được sao hay vậy.

Cậu Ba nói :

— Tôi đã biết trước rằng các buồng ở nhà mới nhỏ lắm, không biết nhét vào đâu cho đủ cả người nhà !

Cậu nói xong lại cười gượng vì cậu e cậu đã nói lỡ lời.

Ông Hai đáp :

— Ấy chỉ nh thếở thôi mà mỗi tháng phải mất những sáu mươi lăm đồng kia đấy.

Ông nhìn cậu Ba chăm-chăm.

Bà Hai nói :

— Vâng, không biết rồi làm thế nào đây, với năm căn phòng đó ?

Cả Cụ ông lẫn Cụ bà cũng đều không có chủ-ý. Cả nhà im lặng một lúc khá lâu.

Sau ông Hai phá-tan cái bầu không-khí yên-lặng, nặng-nề đó. Ông nói :

— Thôi thì, mình đi lánh nạn ấy mà, cả nhà cũng nên chịu khó một tí, thưa mẹ có phải không ạ ? Ấy thế mà lại còn nói tới việc cho thuê bớt đi một ít, thì sao được, kia chứ !

Cậu Ba, để lấy lòng ông anh, liền nói :

— Theo ý tôi, ta hãy cứ ở tạm như vậy, cái đã... Ba má sẽ ở trên tầng lầu thứ ba, chẳng hạn ; hoặc cho thêm một đứa nhỏ lên đó nữa ; anh Hai và chị Hai

Bata

**NHÀ MÁY LÀM GIÀY
TO NHẤT TẠI VIỆT - NAM**

J. M. MOHAMED ISMAEL FILS AZIZ & C^o

Import — Export

REPRESENTATION

Téléphone : 21.219

Ad. tél : JASMIN

175—179 Đường Tự-Do — SAIGON

VINGT-CINQ ANS D'EXPERIENCE !

CHEZ A. CH. MICHAUX

102 rue Tu-Do (Ex Catinat)

PREMIER OPTICIEN DE SAIGON

diplômé de l'Institut d'Optique de Paris

Dépositaire officiel de **CARL ZEISS**

Correspondant des Frères **LISSAC** à Paris

Dépositaire officiel des Lunettes **AMOR**

doublé or 50/000 et 60/000

Exécution de toutes ordonnances de MM. les Docteurs en 24 heures

Ets. THÁI-THẠCH

XUẤT-NHẬP-CẢNG

58-70, đường Tự-Do — SAIGON

Điện-Thoại số : 21.643 — 21.694

Đại-Lý :

Xe hơi : **BUICK và PONTIAC**

Xe gắn máy : **STAMI-CAPRI và MIÈLE**

Máy may : **ANDARD**

Hóa-phẩm của **MONSANTO CHEMICAL COMPANY**

Nhập-Cảng

Thực-phẩm các thứ.

Dạ-kim phẩm-vật.

Hàng vải

Xuất-Cảng

Cao-su

Sản-phẩm nội-hóa

cùng Tổ-Nhị, Tổ-Tam sẽ ở tầng lầu thứ hai, chẳng hạn ; chị Cả ở cái buồng xép ; Đại-Bành, Tiểu-Bành, Tổ-Nhất và một người đầy-tớ, ở cái buồng xép kia ; còn tôi với chú Tư, chúng tôi sẽ ở cái phòng khách ở nhà dưới.

Lâm tiên-sinh nói :

— Như thế sao được, phòng khách còn phải dùng làm nơi để ăn cơm, để ngồi nói chuyện nói trò chứ.

Bà Hai thấy cần phải can-thiệp vì một lý-do khá trọng-đại. Bà nói :

— Và làm chỗ để ngày ngày, còn đánh bài nữa kia mà.

Ông Hai nói :

— Con thiết-tưởng, ba với má nên ở trên lầu thứ ba ; thế rồi, kê thêm một chiếc giường con, để cho Tổ-Nhất nó ngủ, còn hai vợ chồng con, chúng con sẽ ở tầng lầu thứ hai với hai cháu nhỏ, Tổ-Nhị và Tổ-Tam. Chị Cả và hai cháu ở một cái phòng xép. Chú Ba và chú Tư sẽ ở trong cái phòng xép kia. Cái khách-đường ở nhà dưới, có thể dùng làm thư-phòng cho ba, dùng làm kinh-đường cho má, rồi cũng ở đấy ngày ngày, cả nhà dùng cơm, cùng là đánh bài, nói chuyện, tiếp khách ; nếu có thuê được một người đầy tớ, thì đêm bảo họ trải chiếu xuống đất họ ngủ cũng được, không sao.

Ông nói tới đó thì ngược mặt nhìn cả nhà, rồi ông nói tiếp :

— Như tôi đã nói nhiều lần, ta đi lánh nạn, ta phải đi thuê nhà, thuê cửa của người ta để ở, thì không thể nào được đủ phương-tiện như ở nhà ; miễn là cả nhà được xum-vầy với nhau ; được như vậy ta phải một hai chặm-chước mà sống cho qua cái hồi tao-loạn này.

Cả nhà tuyệt-nhiên không nghị-luận gì, vì sự thực nó sờ-sờ ra đó, chẳng còn có chi để bàn-cãi.

Bà Hai hỏi :

— À, thế còn đầy tớ liệu, ta phải dùng mấy người cả thầy ?

Ông Hai đáp :

— Hiện tại, ta không thể đem cái tình-cảnh này ví với khi ở Hàng-Châu được... Cả nhà phải chịu khó, việc gì cũng làm lấy hết chứ nuôi người làm, tốn lắm.

Cậu Ba nói :

— Ít ra thì cũng phải có bốn người đầy-tớ chứ.

Ông Hai đáp :

— Cứ gì bốn, mười cũng có thể có được nếu ta có cách gì làm ra tiền, hoặc ta làm việc gì phát-tài.

Ông Hai nhìn Cụ bà, Cụ bà nhìn Cụ ông ; khi còn ở Hàng-Châu, riêng Cụ ông và Cụ bà, có một người hầu ; bà Cả và lũ trẻ, có một người ; bà Hai cùng ba cô tiểu-thư, có một người ; cả nhà dùng chung một người về các việc linh-tinh ; ngoài ra, còn có một người đầy-tớ trai để chạy các việc đi mua bán, hoặc làm các việc sai-phái ở bên ngoài, và một người đàn-bà coi việc chợ-búa, nấu ăn. Ấy vậy mà vừa đây, cậu Ba chỉ nêu ra có bốn người làm thôi, nên hai Cụ không biết nói sao, hai cụ ngồi lặng yên. Bà Hai thấy cần phải can-thiệp để phá tan cái bầu không-khí quá cứng rắn đó. Bà nói :

— Nếu không có được bốn người, thì cũng phải thuê lấy ba người thôi vậy ; một người coi giữ đàn trẻ, một người hầu ở nhà trên, và một người coi việc bếp-núc.

Ông Hai nói :

— Giả-sử, lũ trẻ không bị ốm đau, ta không ở lữ-quán tới gần ấy lâu, tiền sang nhà không quá cao, và không đi ăn hiệu, không thua cá chó chạy thi, không

đi coi hát, đi xem hồi-lực-cầu, thì cũng có thể thuê được ba người đẩy-tờ đẩy. Nhưng với cái số tiền còn lại, ta chỉ có thể thuê được một người làm thôi !

Cả nhà đều sùng-sốt, thứ nhất hai bà, bà Cả và bà Hai, vì bà hai còn có cả một lũ năm đứa trẻ. Hai bà đồng-thanh, kêu lên :

— Một người thôi ư ?

Ông Hai lạnh-lùng đáp :

— Thưa phải, ta chỉ được phép dùng một người để nấu ăn thôi, rồi đợi cho tới khi nào, tôi và chú Ba nó kiếm được công ăn việc làm, lúc ấy ta mới sẽ thuê thêm một người ở nữa ; bằng không thì không thể nào làm hơn được.

Bà Cả nói :

— Thưa, thế còn các việc thu dọn

nhà cửa và trông giữ lũ trẻ con thì làm thế nào, kia ư ?

Ông Hai đáp :

— Cái đó cũng không khó gì, ai ở phòng nào thì thu dọn phòng đó cho sạch-sẽ, còn trẻ con thì chị với nhà em tự trông lấy, trẻ nhỏ của ai, người đó chăn dắt lấy.

Cụ bà nói :

— Nếu không có ai trông riêng lũ trẻ rồi nó nghịch-ngợm, nó làm đồ, làm vỡ ráo cho mà xem. Tôi tưởng, ít ra cũng phải có hai người làm mới xong.

Bà Hai lại đem ra cái lý-do này :

— Phải tần-tiện, lẽ dĩ-nhiên phải tần-tiện, nhưng, còn một việc nặng-nhọc nhất, là việc giặt-giũ áo quần của những mười hai con người, chị Cả và tôi lấy đâu ra sức-lực để đương nổi việc đó !

Ông Hai lại thân-nhiên đáp :

— Cứ kể ra quần áo của ai, người đó giặt lấy, cũng có thể được đấy, nhưng... Ông nhìn hai Cụ, nhìn lũ trẻ rồi ông tiếp :

— Nhưng, để rồi xem...

Cụ ông không nói gì ; Cụ bà cũng không nói gì. Các cụ không nói gì, nghĩa là các cụ để tùy-ý lũ con cái, nó muốn sao, nên vậy.

(Còn nữa)

BÁCH-KHOA GIỚI-THIỆU SÁCH BÁO MỚI

Chúng tôi vừa nhận được Luyện-Thép số 1, cơ-quan ngôn-luận của đồng-bào di-cư Nghệ-Tĩnh-Bình, do Linh - Mục Nguyễn - Viêt - Khai làm Chủ-Nhiệm.

Bách-Khoa trân-trọng giới-thiệu cùng độc-giả.

SỐNG ngày nào hay ngày ấy, nhưng mỗi giờ trong ngày đều phải có công việc.

ELISABETH LESEUR

NHẮC mãi cái câu « ngày mai » là làm hỏng cả cuộc đời mình.

CÁCH-NGÔN TÂY PHƯƠNG THỜI TRUNG-CÔ

NHẬP thể-cục bất khả vô công-nghiệp.

NGUYỄN-CÔNG-TRƯ

HÀNG LA-VE B.G.I

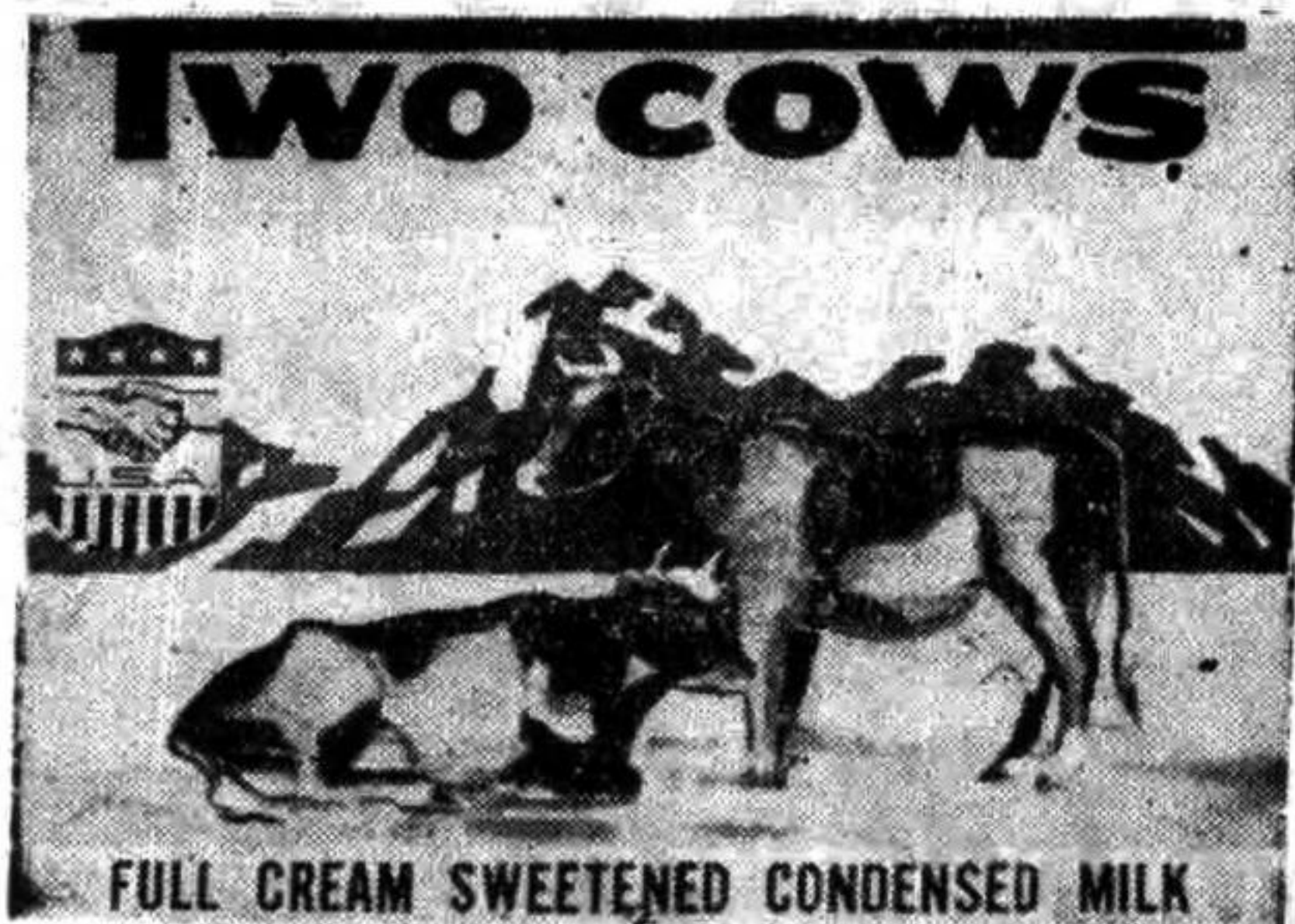
*Thung-Su' nên
Linh-tê Việt-Nam
từ năm 1875*

LA-VE LARUE

LA-VE "33" EXPORT

**BRASSERIES & GLACIÈRES
DE L'INDOCHINE**

SỮA «HAI CON BÒ»



ĐƯỢC VIỆN PASTEUR SAIGON CHỨNG - NHẬN LÀ
MỘT THỨ SỮA CÓ ĐỦ CHẤT BÒ CHO TRẺ EM DÙNG

VIỆT-TIẾN CÔNG-THƯƠNG XÃ (**V. I. T. I. C. O.**)

XUẤT-NHẬP-CẢNG

S. A. R. L. VNĐ 1.150.000

97, Đại-lộ Hàm-Nghi — 2, đường Nguyễn-văn-Sâm

55, đường De Lattre de Tassigny—SAIGON

Số ghi sổ thương-mại : 107—B—Điện-thoại 23.136—22.201

Địa-chỉ Điện-tín : VITICO SAIGON



ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN :

- Vỏ ruột « YOKOHAMA » (Nhật-bản)
- Xe hơi RELIANT REGAL (Anh-Quốc)
- Xe máy dầu FRANCIS BARNETT (Anh-Quốc)
- Sơn SISSONS BROTHERS (Anh-Quốc)
- Bóng đèn OSRAM (Đức-Quốc)

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIÉTÉ ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74, Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boîte Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-Thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Coffres-forts par l'Agence de Saigon.

Toutes Opérations de Banque et de Change.



Q.C. PHỈ-YỄN

MÀI DAO DẠY VỢ

KỊCH NGẮN VIẾT THEO MỘT TÍCH CHÈO CỎ

của BÌNH-NGUYỄN-LỘC

Cảnh nhà một gia-đình bần-nông. Sân-
khấu bài-trí cò-sơ. Khi đôi động-tác không
buông màn,

Nhân vật :

Người mẹ chồng : 60 tuổi

Người chồng : 29 tuổi

Người vợ (dâu) : 28 tuổi



MẸ CHỒNG (Xi vào nàng dâu)

Này con kia !

Mầy làm rá cái nĩa,

Mắng, mầy lại xon-xòn,

Sao không sợ người chê ?

Mầy còn dữ thì về !

NÀNG DÁU (Mặt quăm, giọng sân-si)

Ai chê thì cứ việc chê,

Bà ác tôi cứ, chớ hề thềm ra.

Thương chồng phải lụy mụ gia,

Gẫm tôi với mụ có bà con chi.

MẸ CHỒNG (Trợn trừng lên, rút chổi
toan đánh dâu)

Tao cho mày biết tay,

Nhớ mãi ngày hôm nay,

Chòi chà trị dâu dữ

Này mở mắt xem này...

NÀNG DÁU (Rút song-hồng đề tự-vệ)

Chồng dữ thì ta mới lo,

Mẹ chồng mà dữ, mỗ bò ăn khao.

Giỏi đánh thì đánh xem nào,

Chòi chà bò xuống thì sào quất lên,

CHỒNG (Sợ-hãi, nhảy ra đứng giữa hai
người).

Con lạy mẹ,

Tôi xin mợ,

Vừa vừa thôi.

Xóm giềng quở.

MẸ CHỒNG (quăng chổi),

Đời quý, đời yêu, đời tình, đời ma,

Mình mới nói một, dâu trả lại ba.

NÀNG DÁU (Cắt song hồng).

Người gì hủ-lậu, ỷ thế mụ-gia.

Hễ mở miệng thì mắng chưởi người ta !

CHỒNG

Trời ơi, trời hỡi !

Xui chi nên nổi !

Mẹ, vợ găng nhau.

Đứng giữa biết sao,

Trên hòa dưới thuận !

(Cả ba đều vô buồng).

(Người chồng lại trở ra một mình)

CHỒNG

May cha chả là may,

Mình nghĩ ra một kế,

Suy kỹ lại rất hay.
Thiết kế quý hôm nay,
Cho gia-đình êm-thắm !

(Ngồi xuống lấy ra một con dao rồi tay mài miệng hát).

CHỒNG (hát)

Tay cầm con dao,
Làm sao cho sắc,
Đề mà dễ cắt,
Đề mà dễ chặt,
Mẹ, vợ hục-hặc,
Thiệt ngặt quá chừng.

(Nàng dâu ra, thấy chồng mài dao, nhìn giây lát rồi hỏi)

NÀNG DÂU

Sao anh chẳng mài dao dâu,
Đặng cho bén, hầu hát lá,
Sao anh không mài dao cá,
Đặng em cạo vảy rô don
Anh mài chi chiếc dao con,
Cho tốn công lại hao sức ?

(Chồng vẫn làm thình tiếp-tục mài)

NÀNG DÂU (hỏi tiếp)

Hay là anh đâm sợ cực,
Cho nên quyết-định đổi nghề ?
Anh không ngại họ cười chê,
Muốn thiến heo, thiến chó ?

(Chồng cứ làm thình, mài không nghỉ tay)

NÀNG DÂU

Hứ, cái anh này,
Hóa cam rồi đây.
Thôi thì mặc kệ;
Ai thềm hỏi nhây.

(Nàng vô buồng. Giây lát trở ra. Nàng ngạc-nhiên trở mắt nhìn chồng đang cầm con dao mà đâm vào khoảng không, như đâm một kẻ vô-hình nào),

NÀNG DÂU (Hỏi sợ-hãi)

Anh này hóa điên
Tay đâm liên liên
Mà không địch-thủ,

Tại sao làm dữ,
Nói thật em nghe ?

CHỒNG

Lại đây em cưng,
Tò-mò quá chừng !
Nói riêng em biết,
Bếp-xếp xin đừng.

Em ơi, dao này là dao bất-nhân.

Anh dùng đâm mẹ nát thân cho rồi.

NÀNG DÂU (Kêu rú lên một tiếng :

Trời ! rồi ha miệng nhìn chồng).

CHỒNG (Mắt buồn dàu dàu).

Em ơi, công chín tháng nặng mang
đau-khổ,

Hai mươi mấy năm ròng dạy-đỗ con
yêu.

Tình mẫu-thân, anh đây thương biết
bao nhiêu

Mà, nay anh đành phải đánh liều một
chuyến.

Ấy cũng bởi mẹ anh hay dạy, hay nghiêm,
Bà mãi ác-tâm cứ sanh chuyện hằng
ngày.

Mắng chưởi luôn và hành-hạ vợ anh
hoài,

Chịu sao thấu, anh phải ra tay mới
được.

NÀNG DÂU (Khóc ngất).

Tại nghe, tay bỗng rụng-rời,
Đang tay giết mẹ trời ơi ! sao đành !
Anh ơi, em van lạy anh..!

Bất-hiểu tội ấy xấu anh muôn đời.

Nào khi từ-mẫu ừ... ừa...

Miệng nhai cơm bún-luối lừa cá xương

Nào khi anh ốm trên giường,

Chạy thầy thang-thuốc trăm phương
bao nài,

Ấm-no thuở bé nhờ ai,

Bây giờ lại nở xuống tay giết người.

CHỒNG

Một mình đứng giữa trung-trương,
Bên tình bên hiếu biết thương bên nào,

TRANSPORTS AÉRIENS INTERCONTINENTAUX



par **Super DC 6-B**

- ★ Mieux que le luxe LA QUALITÉ
- ★ Les lignes les plus rapides
- ★ Les horaires les plus commodes

SAIGON — NICE — PARIS
SAIGON-PARIS — SAIGON-NOUMEA

CLASSE DE LUXE (avec couchettes
et sleeperettes) et CLASSE TOURISTE

AGENTS GÉNÉRAUX POUR L'INDOCHINE :
MESSAGERIES MARITIMES

46, rue Tu-Do — SAIGON — Tél. : 22.044 et 23.907

CÔNG-TY BẢO-HIỂM PHÁP-Á

Bảo-hiểm mọi ngành

Vốn : 105.000.000 Phậ-t-lăng

ASSURANCE FRANCO ASIATIQUE

Assurances toutes branches — Capital : 105.000.000 frs.

TÔNG BẢO-HIỂM CÔNG-TY

Bảo-hiểm hỏa-hoạn
Tai hại gây bởi chất nổ
Vốn : 1000 triệu phậ-t-lăng
Compagnie d'Assurances Générales
contre l'Incendie
et les Explosions
Capital : 1 Milliard de francs

TÔNG BẢO-HIỂM CÔNG-TY

Bảo-hiểm tai nạn
Gian-phi — Hàng-hải — Rút ro
Vốn : 1000 triệu phậ-t-lăng
Compagnie d'Assurances Générales
Accidents
Vol — Maritime — Risques divers
Capital : 1 milliard de francs

**NHỮNG CÔNG-TY BẢO-HIỂM LỚN NHẤT VÀ ĐÃ HOẠT-ĐỘNG
LÂU NHẤT CỦA PHÁP**

Les plus anciennes et les plus importantes des sociétés françaises d'assurances

CHI-NHÁNH
Succursale

SAIGON : 26, Tôn-Thất-Đạm (tên cũ Chaigneau) 26

Giấy số : 21.253 — 23.913
Tél.

GIAO-THÔNG NGÂN-HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

HÃNG CHÍNH :

ĐÀI-BẮC — TRUNG-QUỐC

ĐẠI-DIỆN TẠI VIỆT-NAM :

11, Nguyễn-Công-Trứ (Lefèbvre cũ) — Saigon

Đ. T. 21.549 — Saigon : 55

58, Đại-lộ Khổng-Tử (Gaudot cũ) — Cholon

Điện-Thoại : 904

ĐIỆN-BÁO : COMMUBANK



**Đảm-nhiệm tất cả nghiệp-vụ về
Ngân-Hàng và giao-dịch.**

**Có đại-lý thiết-lập trên các thành-thị
lớn khắp thế-giới.**

Anh thương em lắm làm sao?

NÀNG DẦU

Cũng bởi em ngộ-nghịch
Cho nên mẹ gắt-gao.
Xin anh bớt giận nào,
Từ đây em nhỏ nhẹ,
Xin anh thương lấy mẹ,
Em thề quyết tu-thân,
Mẹ có ác bao phần,
Cũng phải mềm-dịu lại.

CHỒNG

Lời vàng vợ quý vừa phân,
Nghe qua nghĩ lại mười phần vui sao!
Thôi thôi anh cắt con dao,
An mẹ treo đó về sau thi-hành,
(Vợ vô buồng. Chồng lại ngồi xuống
vừa mài dao vừa hát.)

CHỒNG (hát)

Tay cầm con dao,
Làm sao cho bén,
Đề mà dễ chém,
Đề mà dễ đâm.

(Người mẹ ra, nhìn con giầy lát rồi hỏi?)

MẸ CHỒNG (hỏi)

Mi mài làm chi,
Con dao nhỏ ni?

CHỒNG

Làm trai dạy vợ chẳng xong,
Giết chết con ấy mồ lòng mà ăn.
Ăn rồi cái xác đem quăng,
Điều tha quạ mỏ ruồi lẳng nó bu.

MẸ CHỒNG (rung lập-cập)

Mày có hóa điên chẳng?
Mà đâm ra nói xằng?
Vợ mày có làm nhăng,
Thà bền lòng dạy nó,
Nó làm-lụng như chó,
Chớ sung-sướng gì đâu?
Nên nó mới cầu-nhầu.
Trả treo lời mẹ mắng.

CHỒNG

Vợ con nó cứng đầu.
Dạy đã biết bao lâu,
Mà nó cứ mắng mẹ,
Con nghĩ thấy phát râu.

MẸ CHỒNG

Tao cũng quá gắt-gao,
Xử tệ với con dâu,
Thiệt tao rất ân-hận,
Tao nhứt quyết ngọt-ngào.
(Nghĩ giầy lát lại nói)

Vợ mầy con gái người ta.
Cứng như trứng mồng, gả qua nhà mình.
Dầu cho không nghĩa không tình.
Nỡ nào đem thí sanh-linh của người.
Với tao, chiếu trái bầu mời,
Với mầy, áo rách nó thời vá ngay.
Phụng thờ chồng, mẹ ai tày,
Suy đi nghĩ lại biết ai hơn giờ.

CHỒNG

Thôi thôi dao nọ cắt hờ.
Vợ con còn dữ, con quơ chém liền.

MẸ CHỒNG

Tao tin là nó sẽ hiền,
Tao ngọt, tao dịu nó kiên chớ gì.

**NÀNG DẦU (Ra bưng mâm cơm cúng
kính mời)**

Thưa má,
Giờ đã trưa quá,
Mời má ăn cơm,
Hôm nay có cá.

MẸ CHỒNG

Nhìn mâm xúc-cầm lòng già,
Thương dâu khó-nhọc lụy sa khôn oằn

CHỒNG

Tình thân ử kín âm-thầm.
Hôm nay bưng dậy đúng nhem ngày vui.
Ngày này năm ngoái kết đôi.
Năm nay hòa-thuận mừng thôi là mừng

B. N. L.

« BÁCH-KHOA ĐỌC THAY CÁC BẠN »

Được người và mất người

Trong chính-trị, được người hay mất người nhiều khi là yếu-tố quyết-định trong việc thành hay bại của một chính-sách và có khi cả một chế-độ hay một triều-đại nữa. Lịch-sử các nước cổ-kim, Đông-Tây, đã chứng-tò điều ấy một cách rõ-ràng, đúng như ta thường nói trong câu thành-ngữ : « thần thiêng về bộ-hạ ». Quan-Tử hiểu việc ấy hơn ai hết, đã để lại cho ta mấy dòng dưới đây, có thể coi như kết-tinh tất cả những ý-kiến của cổ-nhân về sự quan-trọng trong việc được người, mất người.

THÀNH-VƯƠNG đời xưa, sở dĩ được danh tiếng lẫy-lừng, công-nghiệp lớn-lao, hiên-hách với thiên-hạ, ghi đề mãi đời sau, nếu không phải bởi đã được người, thật chưa từng nghe nói.

Bạo-quân đời xưa, sở dĩ đề mất quốc-gia, nguy xã-tắc, đồ tôn-miếu và bị diệt với thiên-hạ, nếu không phải bởi đã mất người, thật cũng chưa từng nghe nói.

Hiện nay những người có đất nước, ai cũng đều : ở muốn an, động muốn oai, đánh muốn thắng, giữ muốn vững ; lớn thì muốn vương thiên-hạ, nhỏ thì muốn bá chư-hầu, thế mà không biết chăm-lo đến việc được người.

Bởi vậy : nhỏ thì trận thua mà đất xẻ ; lớn thì thân chết mà nước mất. Cho nên nói rằng : việc dùng người không thể không đề ý đến được ; đó tức là điển tuyệt-dịch trong thiên-hạ vậy.

QUẢN-TỬ



Biết người

Được người, mất người, đã đành là việc quan-trọng. Nhưng khi đã biết nó là quan-trọng, điều phải xét ngay tới sau khi nhận-thức, phải chăng là việc biết người. Làm sao để biết người ? Có biết người thì mới mong giữ được người và không để mất người. Trang-Tử, dưới đây, đặt cho ta những tiêu-chuẩn căn-thiết để « khám-phá » ra chân-tài.

TRỜI thì hằng năm có xuân, hạ, thu, đông ; hằng ngày có buổi sáng buổi tối, ta có thể nhờ đấy mà biết được.

Đến như người thì có kẻ ngoài ra như cần-hậu mà trong thật kiêu-căng ; có kẻ trong rõ thật tài-giỏi mà ngoài coi như ngu-độn ; có kẻ ngoài rõ như vững-chắc, thur-thái, mà trong thì cuồng-rối, nóng-nảy. Tâm-tính bên trong đối với diện-mạo bên ngoài trái nhau như thế, cho nên khó lường.

Bởi vậy quân-tử dùng người, cho ở xa để xem lòng trung, cho ở gần để xem lòng kính, cho làm việc nhiều để xem cái tài, hỏi lúc vội-vàng để xem cái trí, hẹn cho ngặt ngày để xem cái tín, ủy cho tiền của để xem có nhân, giao cho việc nguy để xem có tiết, cho đánh chén say-sưa để xem cử-chỉ, cho ở chỗ phiền-tạp để xem thần-sắc. Xem người đại-khái như vậy, ta mới có thể biết người.

TRANG-TỬ

DISTILLERIES DE L'INDOCHINE HÀNG RƯỢU BÌNH TÂY



Eau de Cologne & Lotion de PREMIÈRE QUALITÉ

Rượu luyện-tinh hảo-hạng làm bằng rượu nếp. Các thứ nước hoa đều
chế bằng rượu luyện-tinh, tốt bậc nhất toàn-cầu, cùng các chất hoa ở bán
Pháp thuộc vùng Grasse (Alpes Maritimes)

Bán sỉ và lẻ tại : 135, Pasteur — SAIGON
Bán lẻ tại khắp các nhà buôn đứng-dân.

Các nhà buôn muốn lãnh bán (dư trả lại), do nơi Văn-Phòng Công-Ty
135, Pasteur — SAIGON

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES & CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hầm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 326

Agence à Phnom-Penh :

20, Boulevard Norodom (Ex 20, Bd. Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

Chữ tín với nhà cầm-quyền

Trong cuốn « Loạn triều binh », Nguyễn-triều-Luật có thuật lại sự-tích một cuộc loạn đời Lê-cảnh-Hưng do quân Tam-phủ gây nên. Đó là đột-quân tinh-nhuệ của nhà nước, Chúa Trịnh sợ đất Bắc, lòng người kháng kiến, nên mới mang người Nghệ-Tĩnh ra làm quân túc-vệ trong phủ và quân trấn-thủ các trấn. Trái ba đời vua, bao nhiêu giặc-giã trong nước đều do quân Tam-phủ dẹp yên cả. Vì được công to nên được ưu-đãi, mới thành ra tru-bình. Vì có công, vì được đãi hậu, nên sinh ra kiêu-hãnh, một ngày một lòng-quyền và lấn-quyền, có khi uy-hiếp cả vua lẫn chúa. Đuan-Nam-Vương bấy giờ cầm chính-quyền, nhiều khi dám ra hoảng-hốt, truyền-chỉ không những không được cương-quyết nghiêm-chỉnh mà đôi khi còn có ý lật-lường, và lừa dối dân. Để trấn-tĩnh quân Tam-phủ toan làm dữ, nhà Chúa ra một truyền-chỉ, ý muốn kéo dài ra để chờ cơ-hội và quật lại họ.

BÁCH-KHOA trích đăng những nhận-xét của Nguyễn-Triều-Luật về chữ Tín trong những ngày đen tối nhất của Đuan-Nam-Vương trước cái chính-quyền đặc-biệt « cung Vua phủ Chúa » và nạn kiêu-binh

BÁCH-KHOA.

BẢN-Ý Đuan-Nam-Vương khi ra truyền-chỉ muốn kéo dài chuyện ra để đợi cơ-hội. Khi Vương còn làm thế-tử, vương đã định ý vào thế-quân của trấn Bắc và trấn Tây để được dựng thì bây giờ vương lại vẫn trông vào đó để trừ kiêu-binh. Cái lối tẽ-tát cho xong chuyện một ngày, ở việc thường thì còn có khi dùng được, chứ ở việc to mà dùng tãt là hỏng chuyện. Cái hỏng đầu tiên, cái hỏng quan-hệ nhất là Vương đã lừa dối tam-quân. Người làm chủ thần-dân, điều gì có thể bỏ được, chứ tín-nghĩa không sao bỏ được. Làm ông vua mà phải ra một cái lệnh giả-dối, tức là tự mình làm hết giá của cái-quyền binh mình cầm. Hạ dân và quân-lính sờ-dĩ sợ lệnh trên chỉ vì lệnh trên là một điều sai lầm thì có, chứ không giả-dối bao giờ. Quân-tử rằng : Sầu-lệnh bất-hành, nhân-tâm nãi-ngoại (lệnh vội không thật-hành được thì lòng người hướng ra ngoài cả). Thế nào gọi là sầu-lệnh ? Lệnh nào, xem chừng tình-thế chưa thể nào thi-hành, thật-hành được mà cứ cho phát ra, đó là sầu-lệnh. Theo Quân-Tử thì muốn ra một cái lệnh nào lạ, phải thu-xếp trước đi đã. Chừng nào thấy đất mới, có thể chịu được hạt giống mới, khi đó hãy gieo hạt giống mới ra. Chừng nào dân chưa đủ dự-bị, huấn-luyện, mà lệnh cứ đột-nhiên ra thì Quân-tử gọi là sầu-lệnh. Sầu-lệnh phát ra không được thật-hành, thi-hành, dân-chúng sẽ coi thường pháp-lệnh, thì chủ-quyền chỉ là chuyện hư, không phải là chuyện thật. Ở một nước mà chủ-quyền là hư thì nước ấy vô-chủ, theo giọng nói bây giờ thì nói là vô chánh-phủ. Một nước như thế, dân phải chán mà trông mong một cái chủ-quyền khác ở ngoài cái chủ-quyền hiện-hành. Một cái lệnh không được thực-hành, thi-hành, thì là một điều chánh-phủ đùa bỡn với dân mà chơi, nói dối dân mà chơi. Cho nên, muốn cho quyền đứng vững, muốn rằng « quyền-dĩ lập hĩ », thì điều cốt-yếu là phải thủ-tín với dân-chúng là người chịu cái quyền ấy. Vệ-Uơng, một pháp-gia có tiếng của Trung-Quốc hồi Chiến-Quốc, bắt đầu cầm quyền và dùng quyền ở chữ tín. Sử chép rằng khi Vệ-Uơng mới cầm quyền nước Tấn, sai để một cây gỗ bể cửa nam-thành và yết-bảng thưởng 50 nén vàng cho kẻ nào vác được cây gỗ ấy sang cửa bắc. Việc vác được cây gỗ vác từ cửa nam sang cửa bắc là

việc dễ dàng quá, không xứng với cái thưởng ấy, nhiều người hồ-nghi cho là Vệ-Uởng đùa bỡn hoặc là lừa-lọc chi, nên thiên-hạ lấy làm kinh-ngạc. Sau có người liêu cù vác. Vệ-Uởng y-ước thưởng vàng. Người Tần bắt đầu tin Vệ-Uởng là người giữ tín. Vì thế, Vệ-Uởng mới cho thi-hành bảy tân-pháp mới, khiến nước Tần giàu mạnh.

« Sầu-lệnh » tuy nó cũng thất-tín với dân-chúng nhưng nó chỉ thất-tín ở chỗ thi-hành. Về thất-tín ấy, đừng bảo rằng người có óc phán-đoán cao, có trí suy-xét rộng mới trông thấy. Sự hiểu biết của dân-chúng thấu-diện lắm. Dân-chúng trừu-tượng lấy cái thiên-năng chung (instinct collectif) thì ta thấy họ thần-tốc lạ. Họ cũng hiểu một cách trực-giác, thần-bí và mầu-nhiệm những cái cử-chỉ của người đứng đầu họ. Tuy vậy, đối với « Sầu-lệnh », họ không oán lắm, vì sự thất-tín của chánh-phủ chỉ là một sự thất-tín vô-tình. Thất-tín một cách vô-tình thì dân-chúng chỉ mạn mà chưa dám khinh, chỉ cười mà chưa đến oán. Đến như chính-phủ ra một cái lệnh giả-dối thì là cố-tình thất-tín. Dân chúng khinh, oán, hờn, giận, không coi là nói làm phép chung của thiên-hạ nữa. Chính-phủ đối với nhân-dân như nhà hàng đối với khách mua. Sắc, lệnh, luật như cái cân đứng làm mực thước cho đôi bên. Nếu cái cân vẫn đúng lượng mà nhà hàng vô-ý cân nhầm, thì khách mua còn có lời mà sửa lại. Nếu cái cân sai thì khách mua không biết lấy gì mà cân lại, không tin cả nhà hàng lẫn cái cân, rồi đến bỏ cửa hàng ấy không đến mua nữa.

Chúa Đoan-Nam-Vương, khi ra cái lệnh giả-dối cho xong chuyện một lúc tạm thì ấy, đã đem cái uy-quyền của mình ra làm trò chơi. Cái lệnh giả-dối ấy lại phải hạ vì sự dọa-nạt của kiêu-binh, thì lại càng làm giảm uy-quyền Trịnh-chúa đi nhiều lắm nữa. Cái lệnh ấy nó cho chúa Đoan-Nam-Vương có cái thái-độ như đứa bé con sợ phải đòn mà nói dối quanh cho xong chuyện. Một vị công-chủ của thiên-hạ mà đối với thần-dân lại như đứa trẻ, thì uy-quyền còn có gì nữa !

Như thế rồi, ngày hôm sau, kiêu-binh biết là « bị-lừa », chúng giận lắm, kéo nhau đòi giết ông Trương-Phủ. Làm quân mà đòi giết ông Trương-Phủ là ông Thống-tướng hết các quân-dội trong nước, làm quân mà dám đòi giết, dám phá nhà ông tri-binh-phiên, thì còn coi ai ra gì nữa ! Đến nước ấy rồi chỉ thiếu chút nữa là chúng coi rẻ cả vị công-chủ là Trịnh Đoan-Nam-Vương.

Trích trong « Loạn kiêu binh », của Nguyễn-triệu-Luật.

MỘT vị nguyên-soái thống-lĩnh ba quân, người ta có thể bắt được ; chứ cái chí-khí của một kẻ tầm thường không ai đoạt nổi (Tam quân đoạt sủy giả ; thất-phu bất-khả đoạt chí giả).

KHÔNG-TỬ

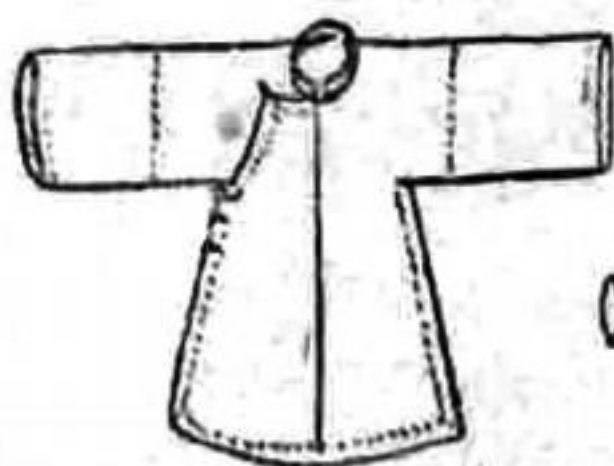
«NÓI CỎ SÁCH, MÁCH CỎ CHÚ'NG»

— Tôi muốn sáng-lát những kiểu y-phục Việt-Nam mới (cho đàn ông, đàn bà và con trẻ). Nhưng tôi muốn những kiểu của tôi sao cho có tính-chất thuần-túy Việt-Nam, nên tôi mong quý báo sưu-tầm giúp cho những kiểu y-phục cỏ đề có thể lấy đó làm nền-tảng sáng-lát.

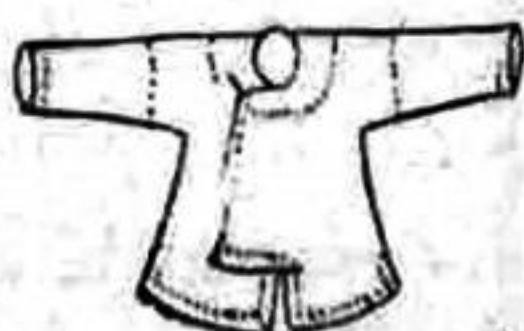
Bà Mỹ-Hưng — Saigon

Vì khuôn-khò Bách-Khoa không được rộng-rãi, kỳ này chúng tôi xin lục đây

Đồ ăn mặc của đàn ông



áo thung tấc



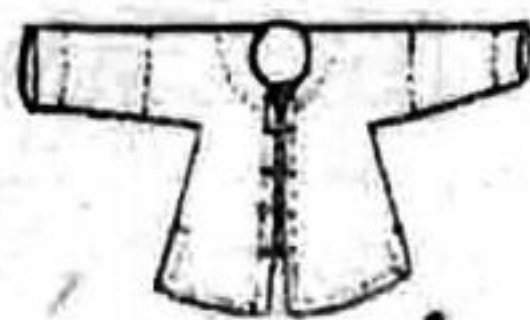
áo khách có vạt



áo tràng vạt



áo chẵn



áo khách mở bụng



áo cánh mở bụng



áo cánh có vạt



giây lưng



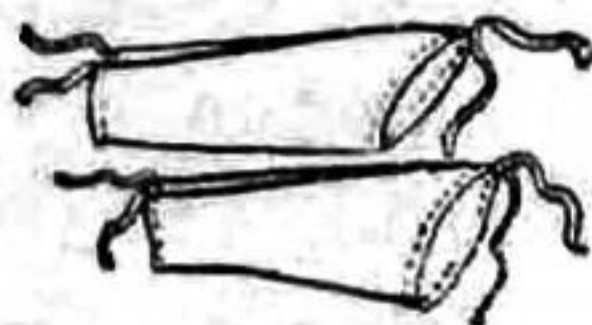
quần



bít tất



Khăn đóng



sà cạp



Khăn bít đầu

B.N.C.I.



BANQUE NATIONALE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SAIGON

36. Rue TON-THAT-ĐAM
(Ex. Choigneau)
Téléphone : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P. 49

PHNOM-PENH

26. Moha Vitthel Preah Bat Norodom
(Ex. Doudart de Lagée)
Téléphone : 385 et 543
B.P. 122

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer, et à l'Etranger, notamment en A.O.F., A.E.F., Antilles, Colombie, Congo Belge, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le-Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — Océan Indien) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co Inc.), au Caire et à Alexandrie (Crédit d'Orient).

— *Đồng-kinh nghĩa-thục có phải là một phong-trào không? Tờ-chức ấy có mục-đích gì?*

Cỏ Kim-Vân — Nha-trang

DÓ là tên một trường học do nhiều nhà chí-sĩ lập ra tại Hà-nội năm 1907. Trường miễn học-phí cho nên gọi là nghĩa-thục. Mục-đích của trường là đề-xướng nền học mới, cổ-súy việc duy-tân và thức-tỉnh lòng yêu nước của đồng-bào. Năm 1908, do việc chống sưu ở Quảng-Nam và đấu-độc ở Hà-nội, Chính-phủ Bảo-hộ ra lệnh đóng cửa trường; có nhiều nhà chí-sĩ bị hạ-ngục và một số bị lưu-đày.



— *Lê-Lợi, vị « anh-hùng áo vải » đất Lam-Son được nhiều họa-sĩ ngày nay hình-dung bằng những nét vẽ mà tôi không hiểu họ căn-cứ vào đâu. Nếu tôi không lầm thì Lê-Lợi sinh vào khoảng cuối thế-kỷ XIV còn đề hình-tích gì đâu, hay các họa-sĩ vẽ theo tưởng-tượng của họ?*

Cỏ Cầm-Vân — Saigon

CHÚNG tôi không biết các họa-sĩ khi vẽ vua Lê-Thái-Tổ đã căn-cứ vào đâu. Duy về hình-dáng vua, Lê-Thái-Tổ, chúng tôi thấy « *Lam-Son Thực-lục* » do Nguyễn-Trãi biên-soạn và chính do vua Lê-Thái-Tổ đề tựa, có mô-tả như dưới đây (bản dịch của Mạc-bảo-Thần)... « Lúc nhỏ, (nhà vua) tinh-thần và vẻ người coi rất mạnh-mẽ, nghiêm-trang; mắt sáng; miệng rộng; mũi cao; mặt vuông; vai trái có bảy nốt ruồi; đi như rồng; bước như hồ; tóc lông đầy người; tiếng vang như chuông; ngồi như hùm ngồi. Kẻ thức-già biết là bậc người cực sang. Kịp khi

lớn, thông-minh, khôn, khỏe, vượt hẳn bọn tầm-thường...)



— *Trong số 2, bài « Sử-gia Tàu đối với bà Triệu », có chỗ lời không hiểu rõ, chắc vì in sai. Trang 51, cột 2, bảo tên « bà Triệu là Triệu-Thị-Chính (có dấu sắc); dưới chú-thích thì « hai tiếng đồng-âm Thích hay Trích » (cả hai đều không có dấu sắc).*

Chăn-Hưng — Quảng-Ngãi

BẠN đoán đúng, nguyên-văn như sau:
— « ... tên bà *Triệu-thị-CHINH* (3) »
— *Vài nhà báo cho tên bà Triệu là Triệu-TRINH-Nương, nhưng không nói đã căn-cứ vào đâu. Ta cũng nên đề ý chữ nương có nghĩa là nàng, nường. Vậy tên bà Triệu rất có thể là một trong hai tiếng đồng-âm: CHINH hay TRINH.*



— *Khi nào thì biết rõ một người mắc bệnh dịch-tả (thiên-thời)?*

Bà Hưng-Nguyên Phú-Nhuận

THEO Bác-sĩ Trần-ngọc-Ninh trong cuốn « *Những bệnh cần cấp-cứu* », muốn biết rõ một người mắc bệnh dịch-tả (thiên-thời) theo phương-diện khoa-học thì người ta phải lấy phân người ốm và cấy vi-trùng trong phân người ốm để xem. Nếu đúng có vi-trùng tả thì người ta mới có thể nói là bệnh-nhân bị tả được.

Sự định-loại vi-trùng tả là một công việc phức-tạp và khó-khăn mà rất ít phòng thí-nghiệm làm được. Những công việc quan-trọng đến nỗi không bao giờ người ta công-bố rằng bệnh tả đã phát-hiện trong nước nếu không xem kỹ phân của bệnh-nhân về phương-diện vi-trùng học.

Còn theo phương-diện của người dân thường thì có nhiều triệu-chứng như :

1.— Đi ngoài tháo da : phân lỏng đi mấy lần liều trong một vài giờ đồng hồ :

2.— Nôn mửa :

3.— Một đôi khi thấy ù tai, mệt mỏi.

Hoặc rõ-ràng hơn, khi :

1.— Đi ngoài ra nước : lúc đầu còn có một ít phân, về sau ra toàn nước như nước cơm loãng, có lờn-nhờn những hạt trắng như cơm. Một ngày đi ngoài đến mấy chục bận.

2.— Mửa thuốc, mửa tháo : lúc đầu mửa ra cơm và đồ ăn, rồi ra mật xanh mật vàng ; rồi cuối cùng ra các thứ nước cơm loãng lờn-nhờn một vài hạt trắng-trắng.

3.— Người rọp hân đi một cách kinh-khủng : trong vài giờ má hóp lại, mắt sâu hoắm, bàn tay nheo lại, người gầy tọp đi nằm rán xuống giường.

4.— Tay và chân lạnh toát, lâm tẩm mồ hôi, hơi thở yếu, tiếng nói phều-phào.

Nếu không có dịch-tả trong nước, thì không thể biết là đã mắc bệnh tả được. Nhưng thường thì bệnh phát ra nặng ngay (cũng có những triệu chứng kể trên) thầy thuốc đến thăm bệnh sẽ lấy phân để cấy vi-trùng, lấy máu để thử, định bệnh.

Xin nói thêm đề bà biết : Chữa bệnh tả là một việc cần-cấp. Bệnh tả chuyển rất mau, trong khoảng một, hai ngày, bệnh nhân có thể chết rồi. — Bệnh rất nặng, có từ 50 đến 80 % bệnh-nhân bị chết trong nhiều kỳ-dịch. Với những thuốc mới, người ta có thể chữa được bệnh tả một cách công-hiệu hơn ; như kỳ-dịch Côn-Minh năm 1943, không có người nào chữa bệnh mà bị chết cả. — Tuy nhiên phải có hai điều-kiện này : 1) chữa sớm. 2) chữa ở bệnh-viện, trong khu dành riêng. — Sau nữa, có điều cần biết là : một khi có tề nghi người nào bị bệnh dịch-tả, bôn-phận của mỗi người là phải báo ngay cho trạm cảnh-sát gần nhất biết, để ở đấy người ta phi-báo cho sở y-tế đến thi-hành việc diệt-trùng ở nhà bệnh-nhân.

CHÚ Ý

Bắt đầu từ nay, Bách-Khoa sẽ phái người đi nhận quảng-cáo và mua báo dài hạn. Mỗi khi, nhân-viên Bách-Khoa sẽ xuất-trình chứng-minh-thư.

BÁCH-KHOA

NGƯỜI ta ai cũng cần phải tự-lập lấy thân, cần phải tự mình cố gắng cho ra người, cần phải trông cậy vào mình chứ không trông cậy vào người.

KHUYẾT-DANH

TIÊU-CỰC, lãnh-dạm, hoài-nghi đều không phải là nguồn-mạch phát-sinh ra hành-dộng.

SALAZAR

ROBERT BEAU

JOAILLIER

Agent de PATEK PHILIPPE et LONGINES

153, rue Tự-Do (ex Catinat) — SAIGON



Dùng Hộp Quẹt là BLUE BIRD
phụng-sự nên kinh-tế Quốc-Gia

Sté Indochinoise Forestière
et des Allumettes

(SIFA)

346, Bến Vân-Đồn

Đ. Thoại 21.950

Đ. Tín Forestière.

BUTAGAZ, hơi đốt dùng nấu nướng
tốt nhất



**SẠCH - SẼ
TIỆN - LỢI
ÍT TỐN KÉM**



- B** - Đốt cháy liền
- U** - Khởi mất ngày giờ
- T** - Không khói, không bụi
- A** - Dùng nấu nướng các thứ
- G** - Không làm nhứt đầu hay cay mắt
- A** - Khởi phải coi chừng ngọn lửa
- Z** - Một bình hơi dùng :

bằng 120 kí-lô than
hoặc 2 thước củi
hoặc 135 ki-lô-vát điện

TỔNG PHÁT HÀNH:
POINSARD & VEYRET



MỘT GÓI THUỐC THUỶNG HẠO HẠNG

TẠP-CHÍ BÁCH-KHOA

XUẤT-BẢN MỖI THÁNG HAI KỶ

DIỄN - ĐÀN CHUNG CỦA TẤT CẢ
NHỮNG NGƯỜI THA - THIẾT ĐẾN CÁC VẤN - ĐỀ
CHÍNH - TRỊ, KINH - TẾ, VĂN-HÓA,
XÃ - HỘI.

Chủ - nhiệm : HUYNH - VĂN - LANG

hợp - tác cùng các bạn :

LÊ - ĐÌNH - CHÂN
TĂNG - VĂN - CHÍ
ĐỖ - TRỌNG - CHU
LÊ - THÀNH - CƯỜNG
TRẦN - LƯU - DÝ
LÊ - PHÁT - ĐẠT
NGUYỄN - VĂN - ĐẠT
NGUYỄN - LÊ - GIANG
PHẠM - NGỌC - THUẦN - GIAO
NGUYỄN - HỮU - HẠNH
LÊ - VĂN - HOÀNG
NGUYỄN - VĂN - KHẢI
PHẠM - DUY - LÂN
NGUYỄN - QUANG - LỆ
TRẦN - LONG

BÙI - BÁ - LƯ
DƯƠNG - CHÍ - SANH
NGUYỄN - HUY - THANH
BÙI - KIẾN - THÀNH
HOÀNG - KHẮC - THÀNH
PHẠM - NGỌC - THẢO
BÙI - VĂN - THỊNH
NGUYỄN - TẤN - THỊNH
VŨ - NGỌC - TIẾN
VÕ - THU - TỊNH
NGUYỄN - TẤN - TRUNG
PHẠM - KIM - TƯƠNG
HOÀNG - MINH - TUYNH
BÙI - CÔNG - VĂN